

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
THÀNH PHỐ VINH**

Vinh, năm 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
THÀNH PHỐ VINH**

Ngày 21 tháng 4 năm 2023

SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC



Chái Văn Nông

Ngày 16 tháng 3 năm 2023

UBND THÀNH PHỐ VINH

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



LÊ SỸ CHIẾN

Vinh, năm 2023

CHỮ VIẾT TẮT

HĐND:	Hội đồng nhân dân
UBND:	Ủy ban nhân dân
THCS:	Trung học cơ sở
THPT:	Trung học phổ thông
KTXH:	Kinh tế xã hội
GPMB:	Giải phóng mặt bằng
TNMT:	Tài nguyên môi trường
ĐGHC:	Địa giới hành chính
GCN:	Giấy chứng nhận
CTDA:	Công trình dự án
VHTT	Văn hóa thể thao
CN-XD	Công nghiệp - xây dựng
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
CCN	Cụm công nghiệp
KCN	Khu công nghiệp
ATGT	An toàn giao thông
GCN	Giấy chứng nhận

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	2
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	8
1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường	8
1.1.1. Điều kiện tự nhiên	8
1.1.2. Các nguồn tài nguyên.....	10
1.1.3. Thực trạng môi trường.....	12
1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	15
1.2.1. Khát quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	15
1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực	16
1.2.3. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.....	17
1.2.4. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.....	18
1.2.5. Biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất	25
1.2.6. Đánh giá chung về thực trạng phát triển kinh tế, xã hội.....	26
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC.....	28
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	28
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022	36
2.3. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	37
III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	38
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất	38
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	40
3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất	40
3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân	40
3.3. Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất.....	41
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	58
3.5. Diện tích đất cần thu hồi.....	59
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.....	60
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	62
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất....	63

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	64
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	64
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	64
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	65
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	66
1. Kết luận	66
2. Kiến nghị.....	66

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
NĐ-CP	: Nghị định - Chính phủ
TT-BTNMT	: Thông tư - Bộ Tài nguyên và Môi trường
TT-BXD	: Thông tư - Bộ Xây dựng
NQ-CP	: Nghị quyết - Chính phủ
NQ-HĐND	: Nghị quyết - Hội đồng nhân dân
QĐ-UBND	: Quyết định - Ủy ban nhân dân
MTQGNTM	: Mục tiêu quốc gia Nông thôn mới
KH	: Kế hoạch
TTCN - XDCB	: Tiêu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản
THCS	: Trung học cơ sở
THPT	: Trung học phổ thông
UBND	: Ủy ban nhân dân
CTDA	: Công trình dự án
HĐND	: Hội đồng nhân dân
BVTV	: Bảo vệ thực vật
GD&ĐT	: Giáo dục và đào tạo
VH-TD-TT	: Văn hóa thể dục thể thao
THPT	: Trung học phổ thông
PT-TH	: Phát thanh truyền hình
GTSX	: Giá trị sản xuất
CAND	: Công an nhân dân
CTDA	: Công trình dự án

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. SỰ CẦN THIẾT

Thành phố Vinh là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Nghệ An, là đầu tàu tăng trưởng về phát triển kinh tế của tỉnh Nghệ An và vùng Bắc Trung Bộ. Những năm gần đây nhờ khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, đánh giá đúng vai trò, ý nghĩa của công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và thực hiện tốt các quy định của nhà nước về công tác quy hoạch sử dụng đất nói riêng, quản lý đất đai nói chung đã góp phần làm cho nền kinh tế của thành phố phát triển khá toàn diện, đời sống nhân dân được nâng cao, thu hút đầu tư. Nền kinh tế của thành phố tăng trưởng với tốc độ nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, trên một số lĩnh vực đã có bước đột phá.

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm có ý nghĩa hết sức quan trọng là căn cứ để thu hồi đất, giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giúp các cấp, các ngành sắp xếp, bố trí, sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai. Qua đó, đáp ứng được yêu cầu nhà nước thống nhất quản lý đất đai, tránh sự chông chéo, sử dụng đất sai mục đích, sử dụng đất lãng phí, hủy hoại môi trường đất, hạn chế tối đa việc bố trí kế hoạch cho các dự án không có khả năng triển khai do chưa chuẩn bị được về nguồn kinh phí thực hiện. Đồng thời việc thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất hàng năm góp phần hoàn thiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong năm, cải thiện đời sống nhân dân, đáp ứng được các nhu cầu phát triển nông nghiệp, phi nông nghiệp, bảo vệ môi trường, an sinh xã hội. Như vậy, kế hoạch sử dụng đất hàng năm là nhu cầu tất yếu và mang tính cấp bách, góp phần cụ thể hóa việc thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt của địa phương.

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất trong năm 2023 của các cấp, các ngành, lĩnh vực, các đơn vị cấp xã trên địa bàn thành phố, thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; Ủy ban nhân dân thành phố Vinh đã tiến hành lập "***Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Vinh***".

A. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 THÀNH PHỐ VINH

1.1. Mục đích:

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Vinh sẽ tạo ra một tầm nhìn chiến lược trong quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất của thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong năm 2023.

- Phân bổ và giao đất đảm bảo sử dụng đất hợp lý, hiệu quả cho tất cả các ngành trên địa bàn thành phố trong năm 2023, đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tế trên địa bàn thành phố.

- Khoanh định và bố trí các mục đích sử dụng đất nhằm giải quyết, khắc phục những bất hợp lý trong việc sử dụng đất.

- Tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho việc xúc tiến đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất.

1.2. Yêu cầu:

- Xác định đầy đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn thành phố; đồng thời các dự án phải đảm bảo tính khả thi.

- Xác định cụ thể, đảm bảo tính khả thi của các vùng phụ cận các dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang các khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu ngân sách từ đất.

- Các giải pháp thực hiện phải đảm bảo phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện của thành phố, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố.

- Xác định diện tích các loại đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong kỳ quy hoạch;

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã

- Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh;

1.3. Sản phẩm giao nộp của dự án

Hồ sơ Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Vinh sau khi

được xét duyệt bao gồm những sản phẩm sau:

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (kèm biểu số liệu)
- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Vinh;
- Các tài liệu, văn bản có liên quan trong quá trình lập, thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

1.4. Bộ cục của báo cáo

Ngoài các phần Đặt vấn đề; Kết luận và Kiến nghị Báo cáo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện bao gồm các phần sau:

- Phần thứ nhất: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội;
- Phần thứ hai: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước (2022)
- Phần thứ ba: Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023;
- Phần thứ tư: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

B. CĂN CỨ CƠ SỞ THỰC HIỆN

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
- Luật đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội;
- Luật giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009 của Quốc hội;
- Luật phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;
- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016;
- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/06/2017 của Quốc hội;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH13 ngày 20/11/2018;
- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020
- Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định giá đất năm 2014;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 135/2016/NĐ - CP ngày 09/09/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định 01/2017 NĐ - CP ngày 06/01/2017 của chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;
- Nghị định số 123/2017/NĐ - CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 62/2019/NĐ - CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định 148/2020/NĐ - CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;
- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 09/2015/TT-BTNMT ngày 23/3/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc về việc quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở Văn hóa, cơ sở Y tế, cơ sở Giáo dục & Đào tạo, cơ sở Thể dục thể thao;
- Thông tư 13/2020/TT-BGD&ĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất;
- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất;
- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;
- Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất;
- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;
- Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất;
- Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;
- Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất;
- Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;
- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 25/3/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất;
- Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 25/03/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;
- Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất;
- Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;
- Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050;
- Quyết định số 6103/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống di tích trên địa bàn tỉnh Nghệ An định hướng đến năm 2030, tầm nhìn 2050;
- Quyết định số 57/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về Ban hành bảng giá đất trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024
- Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 12/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thành trung tâm kinh

tế, văn hóa vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2023 theo tinh thần Nghị Quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị;

- Quyết định 229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch thành phố Vinh;

- Quyết định 230/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Vinh; Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Vinh;

- Quy hoạch phân khu các xã, phường tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt;
- Số liệu thống kê đất đai năm 2021;
- Các tài liệu liên quan khác.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường

1.1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1.1. Vị trí địa lý

Thành phố Vinh là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của tỉnh Nghệ An, là một trong hai đô thị lớn nhất vùng Bắc Trung Bộ có diện tích tự nhiên là 104,99 km² bao gồm 25 đơn vị hành chính, trong đó có 16 phường và 9 xã.

- + Phía Bắc và phía Đông giáp huyện Nghi Lộc;
- + Phía Tây giáp huyện Hưng Nguyên;
- + Phía Nam giáp tỉnh Hà Tĩnh.

Hệ thống giao thông đối nội, đối ngoại cũng như các hạng mục hạ tầng kinh tế và xã hội khác ngày càng được hoàn thiện đang và sẽ là những điều kiện thuận lợi để thành phố Vinh thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

1.1.1.2. Địa hình, địa mạo

Thành phố Vinh nằm trong vùng đồng bằng ven biển, phía Nam là dòng sông Lam. Địa hình tương đối bằng phẳng, độ cao bình quân 3-5,6 m so với mực nước biển. Vinh còn có núi Quyết nằm ven bờ sông Lam ở phía Đông Nam thành phố. Núi dài trên 2 km, đỉnh cao nhất 101,50 m so với mực nước biển, đây là địa danh gắn liền với Phụng Hoàng Trung Đô, với sự nghiệp lẫy lừng của thiên tài quân sự Nguyễn Huệ - Hoàng đế Quang Trung.

Địa hình thành phố dốc đều về hai hướng Nam và Đông - Nam. Theo độ cao địa hình chia làm 2 vùng chính:

- + Vùng có độ cao từ 5 - 6 m so với mực nước biển, gồm các phường, xã: Lê Lợi, Hưng Bình, Hưng Phúc, Quán Bàu, Hà Huy Tập, Trường Thi, Nghi Phú...
- + Vùng có độ cao từ 3 - 5 m so với mực nước biển, gồm các phường, xã: Trung Đô, Bến Thủy, Hưng Dũng, Hưng Lộc, Hưng Hòa, Nghi Kim, Nghi Liên...

Ngoài ra, vùng có độ cao từ 3 m so với mực nước biển trở xuống, về mùa mưa lũ thường ngập sâu cục bộ 2-3m như: Cửa Nam, Vinh Tân, Hưng Dũng, Hưng Hòa.

Nhìn chung, địa hình của thành phố tương đối bằng phẳng, là thuận lợi lớn trong việc phát triển mạng lưới giao thông và xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế xã hội.

1.1.1.3. Khí hậu và thời tiết

Vinh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có 2 mùa rõ rệt và có sự biến động lớn từ mùa này sang mùa khác.

- Chế độ nhiệt: Nhiệt độ trung bình hằng năm của thành phố 23⁰C - 24⁰C. Mùa nóng từ tháng 5 đến tháng 9, tháng nóng nhất là tháng 7, nhiệt độ có thể lên tới 41⁰C. Mùa lạnh từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, nhiệt độ trung bình từ 19,5 - 20,5⁰C, nhiệt độ có lúc xuống thấp đến 6⁰C. Với nền nhiệt độ cao và ổn định đã đảm bảo cho tổng tích nhiệt của thành phố đạt tới trị số 8.600 - 9.000⁰C; biên độ chênh lệch giữa ngày và đêm từ 5 - 8⁰C; số giờ nắng trung bình năm 1.500 - 1.600 giờ.

- Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình hằng năm của toàn Thành phố khoảng 2.000 mm. Mưa phân bố không đều, tập trung vào các tháng 8, 9, 10 gây nên lụt lội. Hàng năm thường có một vài cơn bão đổ bộ vào với sức gió trung bình cấp 8-10 và có khi đến cấp 12 gây thiệt hại cho khu vực.

- Chế độ gió: Thành phố Vinh chịu ảnh hưởng của hai loại gió chủ yếu, tháng 4 và tháng 9 là tháng trong kỳ chuyển tiếp giữa hai mùa gió.

+ Gió mùa Đông Bắc, mang theo mưa phùn lạnh ẩm ướt kéo dài từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau. Tốc độ gió trung bình đạt khoảng 3-4m/s, tốc độ gió cực đại đạt khoảng 20-25m/s, khi có bão hoạt động tốc độ gió có thể lên đến 30-40m/s.

+ Gió phơn Tây Nam là một loại hình thời tiết đặc trưng cho mùa hạ của vùng Bắc Trung Bộ. Loại gió này thường xuất hiện ở Nghệ An vào tháng 5 đến tháng 8 hàng năm. Gió Tây Nam gây ra khí hậu khô, nóng và hạn hán, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất và đời sống nhân dân trong tỉnh.

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm không khí trung bình hằng năm dao động từ 80% - 90%, một số ngày có gió Tây Nam độ ẩm tương đối thấp. Độ ẩm không khí thấp nhất là 15%, cao nhất là 100%.

- Lượng bốc hơi nước: Lượng bốc hơi cả năm trung bình 928 mm. Tháng 7 là tháng có lượng bốc hơi cao nhất 183 mm, tháng 2 có lượng bốc hơi nhỏ nhất 27 mm.

1.1.1.4. Thủy văn

Trên địa bàn thành phố Vinh có 3 con sông chính là sông Lam, sông Cửa Tiền và sông Rào Đùng, trong đó Sông Lam (sông Cả) là con sông lớn nhất tỉnh Nghệ An bắt nguồn từ thượng Lào, đoạn chảy qua Thành phố có chiều dài trên 5 km thuộc phần hạ lưu, lòng sông rộng, tốc độ dòng chảy hiền hòa hơn so với vùng thượng lưu. Sông Cửa Tiền (sông Vinh) và sông Rào

Đùng là hai sông nhỏ, lòng sông hẹp, lượng nước không lớn và chịu ảnh hưởng trực tiếp thủy chế của sông Lam.

Do nằm ở vùng hạ lưu nên sông ở Vinh chịu ảnh hưởng của mưa lũ ở thượng nguồn và chế độ thủy triều. Vào mùa mưa nước từ thượng nguồn dồn về làm mực nước sông lên cao, dòng sông chảy xiết, đôi khi gặp phải bão, áp thấp nhiệt đới gây nên tình trạng lụt lội. Về mùa khô thì nước sông bị nhiễm mặn sâu vào trong đất liền nên không sử dụng được để làm nguồn nước cấp cho sinh hoạt. Vì vậy, để khai thác hiệu quả hệ thống sông khu vực thành phố Vinh cần có những biện pháp hợp lý, vừa tận dụng, phát huy được những tiềm năng, vừa hạn chế được nhược điểm của hệ thống sông đối với thành phố Vinh.

Ngoài ra, Thành phố có hệ thống ao, hồ tự nhiên và nhân tạo khá phong phú, như hồ công viên Trung Tâm, hồ Goong, hồ Thành Cổ, hồ cá Cửa Nam và các ao, hồ xen kẽ trong các khu dân cư vừa có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nước cho thành phố vừa tạo cảnh quan đẹp, điều hòa khí hậu, môi trường. Hiện tại thành phố đang triển khai xây dựng hồ điều hòa phía cuối kênh Bắc là một hồ chứa lớn nhất của thành phố với diện tích đất 53 ha, diện tích mặt nước 40 ha có tác dụng điều hòa trong mưa lũ, điều tiết mực nước mưa khi lượng nước tại các cửa xả vượt quá mức cho phép, giữ nước vào mùa khô.

Nhìn chung, hệ thống thủy văn cung cấp nguồn nước mặt tương đối dồi dào, đáp ứng đủ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Tuy nhiên, do sự phân bố không đều theo từng khu vực, chế độ dòng chảy của các sông thay đổi rất lớn theo mùa nên vẫn tạo ra hiện tượng ngập lụt cục bộ ở nhiều nơi trong thành phố.

1.1.2. Các nguồn tài nguyên

1.1.2.1. Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra đất của Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp - Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2003 thì thành phố Vinh có 3 nhóm đất chính sau:

+ Nhóm đất cát biển:

Diện tích đất cát biển trên địa bàn thành phố Vinh chiếm khoảng 6.039 ha (chiếm 58% diện tích tự nhiên), phân bố ở các xã, phường sau: Hưng Lộc, Nghi Phú, Nghi Liên, Nghi Đức, Nghi Ân, Nghi Kim, Lê Lợi, Quán Bàu, Hà Huy Tập, Hưng Bình, Hưng Phúc, Trường Thi, một phần ở Hưng Dũng, Hưng Đông, Đông Vĩnh, Bến Thủy. Đất có thành phần cơ giới cấp hạt thô, tỷ lệ cát thường 80% - 90%, dung tích hấp thu thấp. Hàm lượng các chất dinh dưỡng như mùn, đạm, lân đều nghèo. Kali tổng số trung bình ở tất cả các tầng đất, Kali dễ tiêu lớp đất mặt trung bình (16,2mg/100g đất), xuống các tầng dưới Kali dễ tiêu ở mức độ nghèo.

Nhìn chung đất cát biển có độ phì nhiêu thấp, song lại thích hợp cho việc trồng cây nông nghiệp ngắn ngày như rau, khoai, lạc, đỗ, vừng,... Trong quá trình canh tác cần chú ý các biện pháp để cải tạo đất nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao từ loại đất này.

+ *Nhóm đất mặn:*

Diện tích đất mặn trên địa bàn chiếm khoảng 1.756 ha (chiếm 17% diện tích tự nhiên), phân bố chủ yếu ở xã Hưng Hòa và một phần ở Hưng Dũng. Đất có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến thịt nặng, có phản ứng ít chua ($\text{PH}_{\text{KCl}} > 5,0$) hàm lượng cation kiềm trao đổi và dung tích hấp thu CEC trung bình. Hàm lượng mùn, đạm lân tổng số tầng mặt trung bình.

Hiện nay, diện tích đất mặn trên địa bàn Thành phố được sử dụng trồng 2 vụ lúa, cho năng suất tương đối cao, một phần ít diện tích đã chuyển sang nuôi trồng thủy sản.

Để tăng năng suất cây trồng, cần chú trọng công tác thủy nông cải tạo đất, đặc biệt là vào mùa khô để tránh muối bốc lên từ tầng đất sâu theo mao quản. Tăng cường cày sâu, bón nhiều phân hữu cơ, chú trọng bón lân cho đất.

+ *Nhóm đất phù sa:*

Nhóm đất phù sa có diện tích khoảng 2.663 ha (chiếm 25% diện tích tự nhiên), phân bố tập trung chủ yếu ở các xã, phường như: Vinh Tân, Hưng Chính, Quang Trung, Cửa Nam, 1 phần ở Nghi Liên, Nghi Kim, Hưng Đông, Đông Vĩnh, Hưng Lộc. Đất có thành phần cơ giới thịt nặng, phản ứng ít chua, hàm lượng mùn tổng số tầng mặt trung bình khá, các tầng dưới thấp; đạm tổng số khá, các tầng dưới nghèo. Lân tổng số ở các tầng trung bình thấp, kali tổng số từ nghèo đến khá; lân và kali dễ tiêu đều ở mức độ nghèo.

Ngoài 3 loại đất chính trên, trên địa bàn Thành phố còn có 1 phần diện tích đất xói mòn trơ sỏi đá (khoảng 41 ha), phân bố ở phường Trung Đô.

1.1.2.2. Tài nguyên nước

Nguồn nước mặt trên địa bàn thành phố Vinh chủ yếu là nước mưa và nước của hệ thống sông Lam, sông Cửa Tiên, sông Rào Đưng. Nhìn chung, nguồn nước mặt đã đáp ứng được nhu cầu sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân.

Nguồn nước ngầm: Trên địa bàn thành phố Vinh hiện có ở 2 tầng nước chủ yếu, gồm tầng chứa nước lỗ hổng Holocen và tầng chứa nước lỗ hổng

Pleistocen. Đây là nguồn nước cung cấp chủ yếu cho nhu cầu sinh hoạt của người dân và xây dựng công nghiệp, phát triển kinh tế.

1.1.2.3. Tài nguyên nhân văn

Vinh là thành phố giàu truyền thống lịch sử và cách mạng, nơi hội tụ tiềm lực nhân văn, thiên nhiên cũng như tinh hoa xứ Nghệ. Ngay từ thời sơ khai của đất nước, thành phố Vinh đã là địa bàn thích hợp cho sự dừng chân và tụ cư của con người. Trải qua biến thiên của lịch sử, vị trí của thành phố ngày càng quan trọng hơn, vì nó nằm trên con đường thiên lý xuyên Việt trong quá trình mở mang bờ cõi của tổ tiên. Cuối năm 1788, Hoàng đế Quang Trung đã chọn Vinh để xây kinh đô mới và Vinh đã trở thành Phượng Hoàng Trung Đô. Dưới thời thuộc Pháp, người Pháp đã nhận ra vị trí đặc địa của thành phố Vinh và xây dựng Thành phố thành một trong những đô thị công nghiệp vào loại lớn trong cả nước. Cuối những năm 20, đầu những năm 30 của thế kỷ trước, thành phố Vinh được biết đến như một đô thị với những nhà máy, xí nghiệp, bến cảng, nhà băng... nổi tiếng của người Pháp, Hoa Kiều, Ấn Kiều... Đó cũng là cái nôi của phong trào yêu nước và cách mạng. Năm 1930 - 1931 cao trào cách mạng Xô Viết - Nghệ Tĩnh diễn ra tại đây. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thành phố Vinh là lũy thép kiên cường, tuyến đầu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay, trong công cuộc đổi mới thành phố Vinh đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội, xây dựng hạ tầng và quản lý đô thị. Thành phố Vinh là trung tâm kinh tế - xã hội, văn hóa và khoa học kỹ thuật của tỉnh, đầu mối của nhiều tuyến đường giao thông đối ngoại đi các huyện và liên tỉnh, liên vùng. Vì vậy, tài nguyên du lịch của Thành phố khá đa dạng như khu du lịch Lâm Viên - núi Quyết, du lịch sông Lam... Tiềm năng du lịch nhân văn cũng rất phong phú với nhiều di tích lịch sử - văn hóa như: Thành cổ Vinh, Núi Dũng Quyết và Phượng Hoàng - Trung Đô, cụm di tích Làng Đỏ - Hưng Dũng, cồn Mộ, Ngã ba Bến Thủy và một số đền, chùa lớn như đền Hồng Sơn, đền Ông Hoàng Mười, chùa Càn Linh, chùa Ân... Đây còn là quê hương của các điệu hò ví dặm, hát phường vải.v.v.. Các trung tâm du lịch văn hóa hiện đại như quảng trường Hồ Chí Minh, công viên trung tâm thành phố, công viên Nguyễn Tất Thành.

1.1.3. Thực trạng môi trường

Trong thời gian qua, với nhiều nỗ lực cố gắng, công tác bảo vệ môi trường ở thành phố Vinh đã có chuyển biến tích cực. Hệ thống quản lý, quy chế từng bước được xây dựng và hoàn thiện, phục vụ ngày càng hiệu quả cho công tác bảo vệ môi trường cũng như các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội. Nhận

thức về bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành và nhân dân đã được nâng lên đáng kể, mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường từng bước được hạn chế. Tuy vậy, trong những năm qua môi trường ở thành phố Vinh còn có những khu vực vẫn bị ô nhiễm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, cản trở không nhỏ đến quá trình phát triển kinh tế, xã hội và đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững.

Môi trường không khí: Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí chủ yếu của thành phố là do hoạt động của các cơ sở sản xuất công nghiệp, khu cụm công nghiệp, khu tiểu thủ công nghiệp. Ngoài ra, một nguồn gây ô nhiễm khác trong những năm gần đây và đang có nguy cơ trầm trọng hơn chính là khí thải và khói bụi từ các phương tiện giao thông phát sinh (gồm các loại khí SO₂, NO_x, CO₂, CO, C_xH_y). Nhìn chung, giá trị các thông số đều thấp hơn quy chuẩn cho phép, riêng tại điểm ngã tư chợ Vinh và dọc theo đường Trường Chinh nồng độ bụi, tiếng ồn thường xuyên vượt quy chuẩn cho phép. Nồng độ bụi trong khu vực (dọc đường giao thông, chợ, làm đường, công trình xây dựng, gần các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng) có giá trị 0,19 - 0,36 mg/m³ (trung bình trong 24h) gấp 1 - 1,8 lần tiêu chuẩn cho phép.

Môi trường nước

+ Nước dưới đất: Qua kết quả quan trắc các điểm đo tại phường Quang Trung, xã Hưng Lộc, xã Hưng Hòa trong những năm gần đây cho thấy chất lượng nước dưới đất ở thành phố Vinh chưa có biểu hiện của sự ô nhiễm. Tại tất cả các điểm quan trắc, giá trị các chỉ tiêu thấp hơn so với tiêu chuẩn cho phép.

+ Nước mặt: Sông Lam là nơi tiếp nhận lượng lớn nước thải thành phố đổ vào qua hàng loạt các công trình tiêu nước. Qua kết quả quan trắc chuỗi số liệu nước sông Lam tại bara Bến Thủy cho thấy nguồn nước đã có dấu hiệu ô nhiễm các chất hữu cơ, vi sinh vật: các thông số NH₄⁺, Coliform, BOD₅ của các đợt quan trắc thường cao hơn quy chuẩn vào mùa mưa.

+ Nước thải: Kết quả quan trắc nước thải tại kênh N3 (kênh thoát nước thải sinh hoạt, sản xuất tại khu vực phường Bến Thủy) đổ ra sông Lam cho thấy nước đã bị ô nhiễm các chất hữu cơ, giá trị các thông số NH₄⁺, Coliform, BOD, S₂- thường vượt quy chuẩn cho phép. Đây cũng chính là tình trạng ô nhiễm chung tại nhiều kênh, mương thoát nước thải của thành phố.

Chất thải rắn: Do quá trình đô thị hóa, phát triển kinh tế cộng với sự gia tăng về dân số đã làm cho lượng rác thải trên địa bàn thành phố Vinh tăng nhanh trong thời gian qua tạo nguy cơ ô nhiễm môi trường. Hàng ngày, lượng rác thải sinh hoạt cần thu gom rất lớn, kết hợp với rác thải xây dựng từ các công trình đang tạo áp lực không nhỏ lên mạng lưới thu gom và xử lý rác thải của thành phố, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Hiện nay, trên một số tuyến đường của thành phố hình thành nhiều điểm tập kết rác thải bừa bãi với khối lượng đá, rác tồn đọng nhiều trên vỉa hè, lòng, lề đường, nhiều khối dân cư và có xu hướng tăng lên hàng ngày. Để hạn

chế tình trạng trên, trong giai đoạn 2021-2030, thành phố Vinh dự kiến dành quỹ đất để xây dựng các bãi tập kết rác thải xây dựng tạm thời.

Thu gom, quản lý chất thải rắn

Theo số liệu thống kê của Công ty Cổ phần môi trường và công trình đô thị Nghệ An, tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên thành phố khoảng 300m³/ngày.đêm.

Trước đây, chất thải sinh hoạt của thành phố được Công ty Cổ phần môi trường và công trình đô thị Nghệ An thu gom, vận chuyển, chôn lấp tại bãi rác Đông Vinh xã Hưng Đông, một phần được xử lý tại nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ SERAPHIN với công suất 200 tấn/ngày. Hàng ngày, Công ty thực hiện việc quét và gom rác trên các tuyến phố chính, 23 chợ và các khu dân cư tại các phường, xã với 290 điểm tập kết xe gom rác. Ngoài ra, rác của các nhà máy, xí nghiệp, cơ quan và một phần rác thải của các bệnh viện (rác thải sinh hoạt) được hợp đồng định kỳ để Công ty vận chuyển xử lý. Trước đây, toàn bộ rác thải của thành phố được đưa về bãi rác Đông Vĩnh. Tuy nhiên, qua nhiều năm sử dụng bãi rác đã quá tải, gây ô nhiễm môi trường do đó hiện nay đã bị đóng cửa. Rác thải sinh hoạt trên toàn địa bàn thành phố hiện được thu gom và xử lý tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc.

Thu gom, xử lý nước thải

Thành phố Vinh đang áp dụng 2 hình thức là xử lý tập trung và xử lý phi tập trung.

Mô hình xử lý nước thải tập trung: Tổng lượng nước thải phát sinh trên địa bàn thành phố Vinh ước tính khoảng 54.000 m³ /ngày đêm. Hiện nay, UBND Thành phố đã đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, công suất xử lý 25.100 m³/ngày đêm. Nước thải ở khu vực nội thành thông qua hệ thống mương cấp 3, cấp 2, cấp 1 được thu gom về nhà máy để xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả thải. Công nghệ xử lý nước thải của nhà máy là Công nghệ C-Tech. Nhà máy tiếp nhận nước thải sinh hoạt của các phường nội thị của thành phố. Riêng các phường xã nằm phía Đông thành phố Vinh chưa đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố (các xã Hưng Lộc, Nghi Đức, Nghi Ân và một phần nước thải của xã Hưng Hòa) do chưa có hệ thống đường ống thu gom về nhà máy nước thải Hưng Hòa. Theo kết quả quan trắc tự động truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường cho thấy nước thải xử lý đạt QCVN.

Mô hình xử lý nước thải phi tập trung: hiện nay các cơ sở sản xuất đều phải áp dụng thực hiện theo quy định của Luật môi trường.

Vấn đề môi trường đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp và cơ sở sản xuất riêng lẻ

+ Trên địa bàn thành phố Vinh hiện cũng đang bị “bao vây” bởi các CCN, KCN. Đó là CCN Hưng Lộc, CCN Đông Vĩnh, CCN Nghi Phú, CCN Hưng Đông, KCN Bắc Vinh và hiện nay lại tiếp tục quy hoạch CCN Hưng Đông 2. Các CCN mọc lên bao quanh đô thị nhưng hệ thống xử lý nước thải nói riêng và vấn đề môi trường nói chung chưa được chú trọng nên vấn đề ô nhiễm môi trường từ lâu đã gây bức xúc lớn cho người dân sống xung quanh. Hiện nay, chỉ có Khu Công nghiệp Bắc Vinh đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung còn 3 CCN Nghi Phú, Hưng Lộc, Đông Vĩnh chưa đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung mà thu gom về hồ sinh học trước khi thải ra môi trường.

+ Những năm trở lại đây, tình trạng ô nhiễm môi trường từ một số cơ sở sản xuất trên địa bàn TP Vinh đã ảnh hưởng lớn đến môi trường sống ở khu dân cư. Tình trạng hầu hết các gara sửa chữa ô tô trên địa bàn TP Vinh đều vi phạm Luật Bảo vệ môi trường do trong quá trình sửa chữa, tiếng ồn phát ra do đập gỗ, động cơ gầm rú, mùi khét do hàn xì, bụi sơn phát tán đã khiến môi trường sống của các hộ dân cư bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Ngoài ra, một số cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tư nhân nằm lẫn trong khu dân cư đã và đang xả thẳng nước thải xuống các ao hồ, kênh mương dẫn đến ô nhiễm nguồn nước và bốc mùi hôi thối.

1.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.2.1. Khát quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.2.1.1. Tăng trưởng kinh tế

Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực và đúng hướng: Tổng giá trị tăng thêm năm 2022 đạt 22.344 tỷ đồng (giá SS 2010), bằng 97,03% KH và tăng 6,36% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành Công nghiệp - xây dựng đạt 6.894 tỷ đồng, bằng 98,08% so với KH và tăng 7,92% so với cùng kỳ; ngành Dịch vụ đạt 15.220 tỷ đồng, bằng 96,57% so với KH và tăng 5,76% so cùng kỳ; ngành nông - lâm - ngư nghiệp đạt 230 tỷ đồng, bằng 98,29% so với KH và tăng 0,88% so cùng kỳ

1.2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Trong những năm qua cơ cấu kinh tế của thành phố Vinh đã có sự chuyển dịch quan trọng theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp - thủy sản, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ - thương mại - du lịch, đồng thời phát huy lợi thế trong từng ngành, lĩnh vực.

Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực và đúng hướng: Công nghiệp - Xây dựng đạt 28,3%; Dịch vụ đạt 70,70% và Ngành Nông - Lâm - ngư nghiệp đạt 1%.

1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

1.2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

- Giá trị sản xuất (giá SS 2010) nông nghiệp đạt 433 tỷ đồng, bằng 98,63% KH, tăng 1,17% so với cùng kỳ. Tổ chức sản xuất vụ Xuân năm 2022 và triển khai kế hoạch sản xuất Hè Thu-Mùa năm 2023. Triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ các giải pháp kiểm soát phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng và vật nuôi. Hướng dẫn xã Nghi Kim xây dựng thành công mô hình Trồng Sen trên đất lúa kém hiệu quả tại vùng Bàu Sâu và hoàn thiện Đề án trồng sen gắn với dịch vụ du lịch sinh thái trải nghiệm. Hoàn thiện Đề án rau an toàn, hoa, cây cảnh gắn với làng nghề thành phố Vinh giai đoạn 2021-2025.

Thẩm tra các nội dung, tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao tại các xã Nghi Liên và Hưng Đông. Ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm OCOP giai đoạn 2021-2025; thành lập Hội đồng để đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP Thành phố. Trình Hội đồng đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP của tỉnh gồm 30 sản phẩm, kết quả đạt được: 01 sản phẩm 5 sao, 09 sản phẩm 4 sao, 15 sản phẩm 3 sao. Thành phố đã tổ chức chương trình kết nối giới thiệu các sản phẩm OCOP thành phố Vinh, sản phẩm đặc trưng của Thành phố và Lễ ký kết hợp tác tiêu thụ các sản phẩm OCOP thành phố Vinh, góp phần kích hoạt, phục hồi và phát triển kinh tế thành phố.

1.2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp - xây dựng

Giá trị sản xuất (giá SS 2010) Công nghiệp - xây dựng đạt 29.074 tỷ đồng, bằng 99,62% so với KH và tăng 9,85% so với cùng kỳ, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 nên một số các sản phẩm công nghiệp bị sụt giảm, tuy nhiên vẫn giữ được đà tăng trưởng so với cùng kỳ.

Triển khai các bước để thành lập cụm công nghiệp Hưng Đông 2. Tổ chức 02 cuộc gặp gỡ, đối thoại với doanh nhân thành phố Vinh năm 2021. Tiến hành kiểm tra, hướng dẫn các doanh nghiệp thuộc khu, cụm công nghiệp triển khai thực hiện công tác phòng, chống dịch COVID-19 theo Quyết định số 3561/QĐ-UBND. Tổ chức Lễ ra mắt Câu lạc bộ các doanh nghiệp thành phố Vinh để triển khai, trao đổi, hợp tác với các doanh nghiệp thành phố Namyangju, tỉnh Gyeonggi, Hàn Quốc. Triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trên địa bàn.

1.2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ

Giá trị sản xuất ngành dịch vụ ước đạt 26.004 tỷ đồng, bằng 96,63% so với KH và tăng 6,03% so với cùng kỳ. Tổng giá trị hàng hóa bán lẻ trên thị trường đạt 25.550 tỷ đồng, tăng 8,87% so với cùng kỳ.

Tích cực phối hợp với các Sở, ngành liên quan để thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý khai thác chợ trên địa bàn, nhất là đối với chợ Quán Lau và chợ Vinh. Tập trung thực hiện một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tại phố đêm Cao Thắng, tiến hành khảo sát để xem xét đầu tư một số hạng mục mang tính điểm nhấn như hệ thống chiếu sáng, điện trang trí,...đẩy nhanh tiến độ các hạng mục phố đi bộ. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất và buôn bán hàng cấm, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng; vệ sinh an toàn thực phẩm. Công tác quản lý, hỗ trợ phát triển các hợp tác xã tiếp tục được quan tâm. Chỉ đạo phường Cửa Nam xây dựng và thực hiện Đề án quản lý quy hoạch phố ẩm thực gắn với phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch thành phố phường Cửa Nam giai đoạn 2021-2025. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; xây dựng kế hoạch đảm bảo nguồn cung nhu yếu phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân theo các cấp độ nhằm ứng phó với tình hình dịch COVID-19 trên địa bàn Thành phố.

- Hoạt động tài chính ngân hàng ổn định. Dịch vụ vận tải đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân. Lượng khách du lịch đến Thành phố ước đạt 910.000 lượt, doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt 491.000 triệu đồng (giảm 19% so với cùng kỳ).

1.2.3. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

1.2.3.1. Thực trạng phát triển đô thị

Trong thời gian qua, thành phố Vinh đã tập trung mọi nguồn lực nhằm phát triển kinh tế xã hội thành phố, nhiều dự án được thu hút đầu tư và triển khai thực hiện trên địa bàn như: Tiểu Dự án phát triển đô thị Vinh, Dự án nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố, Dự án xây dựng, nâng cấp cảng hàng không Vinh, các dự án xây dựng cầu vượt đường sắt Bắc Nam đoạn giao cắt giữa Quốc lộ 46 nối đường Đặng Thai Mai với Quốc lộ 1A, đoạn nút giao quốc lộ 46 với đường sắt Bắc - Nam; các dự án xây dựng khu đô thị trên địa bàn v.v...qua đó bộ mặt đô thị Vinh đang từng bước được thay đổi theo hướng văn minh, hiện đại.

1.2.3.2. Thực trạng phát triển nông thôn

Thành phố Vinh hiện có 9 xã (Nghị Phú, Hưng Đông, Hưng Lộc, Hưng Hòa, Nghi Liên, Nghi Ân, Nghi Kim, Nghi Đức, Hưng Chính), được hình thành với các khu dân cư tập trung, truyền thống theo thôn, xóm. Cơ sở hạ tầng của

khu dân cư nông thôn trong những năm qua đã và đang được đầu tư xây dựng. Hệ thống điện, đường, trường, trạm tại các khu dân cư từng bước được hoàn thiện làm thay đổi diện mạo của nông thôn, đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện.

Thành phố đã triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Hiện nay, đã hoàn thành chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới với 9/9 xã đạt chuẩn, được Thủ tướng Chính phủ công nhận “thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới”,

Trong những năm tới, thành phố Vinh sẽ tiếp tục thực hiện các Đề án và giải pháp nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thành phố đồng bộ và từng bước hiện đại; kinh tế phát triển toàn diện và bền vững.

1.2.4. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

1.2.4.1. Giao thông

Hiện trạng diện tích đất giao thông trên địa bàn thành phố là 1.515,24 ha, chiếm 25,22% đất phi nông nghiệp, có đầy đủ các loại hình như: Đường bộ, đường sắt, đường không và đường thủy.

+ Hiện trạng các tuyến đường bộ

Hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố bao gồm các tuyến lớn như: Quốc lộ 1A; Quốc lộ 46; Quốc lộ 8B (cầu Cửa Tiền - Yên Xuân), tỉnh lộ 535 (đường Vinh - Cửa Hội), đường ven sông Lam (nối Cửa Hội - Vinh - Nam Đàn) là những tuyến giao thông huyết mạch, trọng điểm chạy qua địa bàn.

Ngoài ra, toàn thành phố có 288 tuyến giao thông nội đô thị đã được đặt tên và hàng trăm tuyến đường nội bộ của các phường xã, khối xóm đã bê tông hóa chưa được đặt tên. Tổng chiều dài các tuyến đường đã được đặt tên là 283,25 km. Trên địa bàn thành phố Vinh có 2 bến xe khách hoạt động dưới sự quản lý của Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An, gồm Bến xe Vinh và Bến xe chợ Vinh với quy mô trung bình, hiện vẫn đáp ứng được nhu cầu sử dụng và lưu lượng xe xuất nhập bến hàng ngày.

Trong thời gian qua, thành phố đã và đang tập trung đầu tư các công trình giao thông quan trọng, từng bước khẳng định chức năng đầu mối giao thông, cửa ngõ của vùng như: Mở rộng nâng cấp quốc lộ 1A, các cầu vượt, đường 72m nối Vinh – Hưng Nguyên. Nhiều tuyến giao thông nội thành được hoàn thành như đường Phong Đình Cảng, Phạm Đình Toái, Tôn Thất Tùng, Nguyễn Phong

Sắc, Nguyễn Việt Xuân, Lê Việt Thuật,...góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

+ Hiện trạng tuyến đường sắt

Hệ thống đường sắt thường xuyên được bảo trì, sửa chữa đảm bảo hoạt động an toàn. Thành phố Vinh có 15km đường sắt Bắc Nam chạy qua địa bàn. Ga Vinh có quy mô xây dựng khá lớn, được xếp vào ga đường sắt loại II, lưu lượng tàu về ga 9-10 chuyến/ngày, (cao điểm có 28- 30 chuyến tàu qua lại mỗi ngày). Hiện ga Vinh là ga chung cho cả hàng hoá và hành khách nên có thời điểm quá tải vào những dịp nghỉ, lễ tết.

+ Hiện trạng đường hàng không

Sân bay Vinh nằm phía Bắc thành phố, trên địa bàn xã Nghi Liên, cách trung tâm thành phố Vinh khoảng 6km về phía Bắc, cách cảng hàng không quốc tế Nội Bài 250km về phía Nam, cách cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất 1.400km về phía Bắc. Là sân bay hạng IV, cảng hàng không Vinh thành quy hoạch thành cảng hàng không quốc tế, xây dựng nâng cấp khang trang, hiện đại, có lượng khách nội địa tăng trưởng cao nhất cả nước. Cảng hiện có một đường cất hạ cánh dài 2.400 m, rộng 45 m. Ga hành khách của sân bay Vinh có tổng diện tích sàn 11.706 m², gồm 4 cửa ra máy bay, đáp ứng 1.000 hành khách giờ cao điểm, công suất khai thác 2,5-3,0 triệu hành khách/năm.

Hiện có 07 tuyến bay nội địa, bao gồm: TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Buôn Mê Thuật, Đà Lạt (Lâm Đồng), Cam Ranh (Khánh Hòa), Pleiku (Gia Lai) và tuyến đi quốc tế là Viên Chăn (Lào).

+ Hiện trạng đường thủy

Thành phố Vinh có hệ thống giao thông đường thủy khá thuận lợi: Gồm các bến cảng và đường sông. Trong đó, cảng Bến Thủy nằm ở hạ lưu Cầu Bến Thủy, phía Đông thành phố Vinh, cách cửa Hội 12km về phía Đông Bắc. Cảng có 2 luồng, 1 bến, cho tàu 2.000 tấn vào, ra. Năng lực vận tải 800.000 tấn/ năm. Hiện nay, cảng Bến Thủy được di dời đến vị trí mới ở xã Hưng Hòa, theo đó chức năng của cảng mới là cảng hàng hoá cấp II, có hệ thống kho bãi, nhà xưởng, đường nội bộ bê tông, không còn là cảng cung ứng than và vật liệu xây dựng như hiện nay. Ngoài ra, cảng dầu Hưng Hòa tại vị trí Km 19 sông Lam (Km0 ở Cửa Hội), xã Hưng Hoà, thành phố Vinh được xây dựng với quy mô cảng chuyên dụng đạt cấp II.

Về đường thủy, tuyến sông Lam từ Cửa Hội đến Đô Lương đạt cấp I – III giữ vai trò là tuyến đường thủy nội địa Trung ương. Ngoài ra, hệ thống sông Cửa Tiên (sông Vinh) hiện vẫn đang được khai thác để vận chuyển hàng hóa và vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, khả năng phát triển mạng lưới giao thông đường thủy của thành phố vẫn chưa được khai thác tối đa.

1.2.4.2. Thủy lợi

Hiện trạng diện tích đất thủy lợi trên địa bàn thành phố là 213,49 ha, chiếm 3,56% đất phi nông nghiệp. Hệ thống thoát nước cho thành phố Vinh được chia làm 4 lưu vực. Các kênh tiêu chính trên địa bàn gồm có: kênh số 4 (kênh Đông Vĩnh), kênh số 1, kênh Hồng Bàng, kênh số 2, kênh số 3, kênh Bắc. Ngoài ra còn các kênh đất cấp I khác có chất lượng thoát nước chưa tốt.

Thành phố Vinh được ngăn cách với sông Lam bằng đê 42 (đê tả Lam), để làm nhiệm vụ ngăn nước lũ sông Lam bảo vệ sản xuất và dân sinh của toàn bộ vùng Nam - Hưng - Nghi và thành phố Vinh.

Về cơ bản các công trình hồ đập, trạm bơm đáp ứng được yêu cầu sản xuất tối thiểu của sản xuất nông nghiệp. Song một số tuyến kênh vẫn chưa được duy tu, nạo vét, nâng cấp hàng năm, hệ thống tiêu úng chưa được đầu tư đồng bộ, do đó khả năng thoát nước mưa vào mùa mưa lũ gặp nhiều khó khăn.

1.2.4.3. Hệ thống cấp điện

Hiện trạng diện tích đất năng lượng trên địa bàn thành phố là 18,76 ha, chiếm 0,32% đất phi nông nghiệp. Nguồn cung cấp điện cho TP Vinh hiện nay lấy từ lưới điện Quốc gia qua trạm trung gian vùng có quy mô khá lớn đặt tại Hưng Đông 220/110/10KV – 2x125MVA. Đây là trạm trung gian vùng được đấu nối vào đường dây 220KV Thanh Hóa - Vinh - Hà Tĩnh. Trong đó, khu vực đô thị Vinh được cung cấp điện từ trạm trung gian Hưng Đông (110/35/10KV-63MVA và 110/35/22KV - 25MVA), trạm trung gian Bến Thủy (110/35/22KV - 1x25+1x40MVA), trạm trung gian Hưng Hòa (110/22KV - 1x40MVA).

1.2.4.4. Hệ thống bưu chính, viễn thông

Hiện trạng đất bưu chính viễn thông trên địa bàn thành phố là 3,81 ha, chiếm 0,07% đất phi nông nghiệp.

Hệ thống hạ tầng của ngành trong những năm qua được đầu tư đồng bộ, chất lượng dịch vụ được nâng cao, đáp ứng nhu cầu của người dân. Hệ thống dịch vụ điện thoại được phủ sóng đến tất cả các xã, phường trên địa bàn thành phố.

Hiện nay mạng thông tin di động, hệ thống điện thoại cố định VNPT, cáp quang, internet được đưa vào hoạt động một cách ổn định, có hiệu quả đáp ứng tốt nhu cầu trao đổi thông tin và làm việc của người dân trên địa bàn, góp phần việc phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

1.2.4.5. Giáo dục - đào tạo

Hiện trạng diện tích đất giáo dục - đào tạo trên địa bàn thành phố là 203,43 ha, chiếm 3,39% đất phi nông nghiệp. Hệ thống trường học trên địa bàn thành phố phát triển tương đối nhanh, đồng bộ, có hiệu quả, chất lượng giáo dục đào tạo được nâng lên, từng bước đáp ứng nhu cầu học tập của con em và thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài. Chất lượng giáo dục, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS được hoàn thành 100%. Thành phố là địa phương đứng đầu toàn tỉnh về chất lượng giáo dục và số học sinh giỏi, đậu đại học.

Hệ thống các trường học trên địa bàn thành phố đến nay hiện có:

- 69 trường Mầm non (trong đó có 30 trường công lập, 39 trường ngoài công lập), tăng 14 trường so với năm 2015.
- 30 trường Tiểu học (trong đó có 29 trường công lập, 01 trường ngoài công lập), tăng 02 trường so với năm 2015.
- 28 trường Trung học cơ sở, tăng 02 trường so với năm 2015.
- 08 trường Trung học phổ thông;
- 06 trường đại học (trong đó có 04 trường công lập, 02 trường ngoài công lập), trong đó trường Đại học Vinh là một trong 16 trường đại học trọng điểm quốc gia.
- 07 trường cao đẳng chuyên nghiệp và dạy nghề, 9 trường trung cấp có năng lực đào tạo trên 90.000 học sinh, sinh viên, thu hút cả học sinh quốc tế.

Về cơ sở vật chất trường học ngày càng được đầu tư xây dựng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa nhờ thực hiện phương thức xã hội hóa, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Các trường đại học, cao đẳng, chuyên nghiệp, dạy nghề đã tích cực khai thác các nguồn lực đầu tư, các chương trình, dự án để tăng cường cơ sở vật chất. Giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm, thư viện, trang thiết bị ngày càng khang trang, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

1.2.4.6. Y tế

Thành phố Vinh là trung tâm các cơ sở khám chữa bệnh cấp tỉnh. Mạng lưới y tế, khám chữa bệnh ngày càng được mở rộng, trình độ của đội ngũ y bác sỹ được nâng cao, vấn đề y đức được cải thiện, việc phòng chống bệnh được chú

trọng, ngành nghề y dược tư nhân được quản lý chặt chẽ. Hiện trạng diện tích đất y tế trên địa bàn thành phố là 51,14 ha, chiếm 0,90% đất phi nông nghiệp.

Trên địa bàn thành phố Vinh hiện có 23 bệnh viện [09 bệnh viện tuyến tỉnh, 03 bệnh viện các ngành; 01 Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh, 09 bệnh viện ngoài công lập (trong đó 01 bệnh viện đã ngừng hoạt động)]; 02 Chi cục; 05 Trung tâm Y tế tuyến tỉnh; 01 Trung tâm Y tế thành phố Vinh; 01 Phân viện Pháp y tâm thần Bắc Miền Trung và 25 Trạm Y tế các phường xã. Tuy nhiên, quy mô đất xây dựng các bệnh viện thuộc tuyến tỉnh mới đạt khoảng 40% yêu cầu theo tiêu chuẩn tối thiểu. Đất xây dựng các bệnh viện thuộc tuyến huyện phần lớn đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn tối thiểu. Quy mô đất xây dựng các bệnh viện tư nhân đại đa số không đạt, thậm chí đạt rất thấp (từ 10%- 55%) so với yêu cầu tiêu chuẩn tối thiểu. Vì vậy, quỹ đất giành cho các khu phụ trợ tại các bệnh viện ở thành phố Vinh rất thiếu, nhất là đất cây xanh sân vườn và nhà gửi xe, bãi đậu xe...gây nhiều khó khăn cho việc tổ chức, tiếp nhận bệnh nhân.

Công tác y tế dự phòng được chăm lo, các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai thực hiện tốt. Năm 2020, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 5,5%, thấp hơn 5,5% so với năm 2015, tỷ lệ các trạm y tế ở các phường xã có bác sỹ đạt 100%. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm lo và bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em được quan tâm, chất lượng dân số được tăng lên.

1.2.4.7. Văn hóa, thể dục thể thao

Chú trọng xây dựng và phát triển văn hoá đô thị, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, tiến bộ. Đẩy mạnh Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với Đề án xây dựng và nâng cao chất lượng danh hiệu "Gia đình văn hóa"; "khối, xóm văn hóa"; phong trào xây dựng danh hiệu "Phường đạt chuẩn văn minh đô thị", "xã đạt chuẩn văn hóa về nông thôn mới". Thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 với mục tiêu xây dựng gia đình trên địa bàn thành phố Vinh no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội. Gắn việc thực hiện danh hiệu gia đình văn hóa với việc thực hiện nếp sống văn hóa đô thị, nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 91,5%; tỷ lệ khối xóm văn hóa ước đạt 82%.

Quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình phục vụ các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, các khu vui chơi, giải trí. Xây dựng, hoàn thiện chức năng và phát huy các công trình văn hóa quan trọng như: Trung tâm bảo tồn và phát huy di sản dân ca ví giặm Nghệ Tĩnh, Thư viện tỉnh, Trung tâm Điện ảnh, Nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai,...

Bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị các di tích lịch sử, văn hoá gắn với phát triển du lịch và giáo dục truyền thống như: Phục hồi các di tích đền Triều Đa - xã Hưng Lộc; đền Trần Hưng Đạo - phường Đội Cung; tiếp tục huy động nguồn lực để phục hồi các di tích: đền Trung - Hưng Lộc; đền Yên Duệ - Đông Vĩnh; quy hoạch, mở rộng khuôn viên, hoàn thiện công trình phụ trợ đền Bà Cô (Hưng Hòa); triển khai thực hiện Dự án trùng tu tôn tạo lần 2 di tích Quốc gia Đền Hồng Sơn; di tích chùa Càn Linh...

Hoạt động thể dục thể thao quần chúng luôn được duy trì và phát triển mạnh, thu hút ngày càng đông đảo mọi đối tượng trong cộng đồng dân cư hưởng ứng tham gia tập luyện và thi đấu theo hướng tự giác. Tỷ lệ người dân tham gia tập luyện thể dục thể thao đạt 36% dân số, gia đình thể thao đạt 25,5% tổng số hộ. Trên địa bàn thành phố hiện có ba trung tâm thể thao: Câu lạc bộ bóng đá Sông Lam Nghệ An diện tích 3,34 ha và khu trung tâm thi đấu và dịch vụ thể thao diện tích 3,21ha, đều nằm trong khu vực Thành cổ Vinh, nhà thi đấu thành phố Vinh tại phường Hà Huy Tập. Ngoài ra, còn các loại: sân đá bóng, sân luyện tập bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông ở các trường học, các cơ quan, các cơ sở tư nhân. Tại các phường xã cũng đều có một sân vận động nhỏ, sân cầu lông... Tuy nhiên, hoạt động thể thao ở Thành phố, xã, phường còn gặp nhiều khó khăn, diện tích sân bãi tập luyện còn quá ít, chưa đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

1.2.4.8. Chợ và các cơ sở dịch vụ thương mại

Trên địa bàn thành phố hiện có là 15,20 ha đất chợ, chiếm 0,26% đất phi nông nghiệp và 150,80 ha đất thương mại, dịch vụ, chiếm 2,52% đất phi nông nghiệp. Các cơ sở dịch vụ thương mại phát triển mạnh, đa dạng hóa các loại hình và sản phẩm dịch vụ bao gồm các dịch vụ cho sản xuất và dịch vụ xã hội, góp phần vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm cho lao động trên địa bàn.

Đến nay toàn thành phố có 208 cơ sở khách sạn, nhà nghỉ (chiếm 22% toàn tỉnh) trong đó có 01 khách sạn 5 sao, 03 khách sạn 4 sao, 09 khách sạn 3 sao, 04 khách sạn 2 sao, cơ sở hạ tầng từng bước được đầu tư khang trang, hiện đại hơn.

Mạng lưới các tổ chức tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm trên địa bàn được mở rộng, đến nay có trên 70 cơ sở hoạt động với nhiều loại hình dịch vụ, trong đó có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh các ngân hàng lớn, các tập đoàn bảo hiểm, các công ty tài chính trong và ngoài nước. Cơ sở vật chất từng bước được đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa. Dịch vụ tài chính, tín dụng ngân hàng, bảo hiểm đã từng bước hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ của các tổ chức, doanh nghiệp, khu vực kinh tế tập thể và hộ kinh doanh trong tỉnh và khu vực, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô của Thành phố.

1.2.4.9. Công trình dịch vụ xã hội

Trên địa bàn thành phố hiện có các cơ sở dịch vụ xã hội phân bố tại các phường, xã: làng trẻ em S.O.S Vinh và quỹ bảo trợ trẻ em tại phường Hưng Phúc (3,24 ha), nhà an dưỡng Nghệ An và trung tâm chữa bệnh xã hội tại xã Hưng Lộc (2,84 ha), trung tâm cai nghiện tại xã Hưng Đông (2,90 ha). Tổng diện tích các công trình dịch vụ xã hội là 9,07 ha, chiếm 0,15% đất phi nông nghiệp.

1.2.4.10. Di tích lịch sử - văn hóa

Trên địa bàn thành phố Vinh hiện nay 14 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia và hàng chục các di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Diện tích đất có các công trình di tích lịch sử văn hóa là 8,80 ha, chiếm 0,15% đất phi nông nghiệp. Các di tích nổi bật đáng kể như: Cụm di tích Thành cổ Vinh, Ngã 3 Bến Thủy, Đền thờ Quang Trung và cụm di tích Núi Dũng Quyết - Phường Hoàng Trung Đô, Văn Miếu Vinh, Đền Hoàng Mười, Đền Hồng Sơn, Chùa Cần Linh...Hàng năm các công trình di tích này luôn được ngành văn hóa thông tin kiểm tra, đánh giá chất lượng, trùng tu, tôn tạo theo đúng quy định của Bộ Văn hoá - Thông tin về bảo tồn và lưu giữ di tích lịch sử văn hóa.

1.2.4.11. Khu vui chơi, giải trí công cộng

Hiện trạng diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng trên địa bàn thành phố là 43,05 ha, chiếm 0,72% đất phi nông nghiệp.

Thành phố Vinh hiện có quần thể Công viên trung tâm có quy mô trên 39 ha gắn với quảng trường và tượng đài Hồ Chí Minh, trong đó phần dành cho vui chơi giải trí công cộng là 10 ha thu hút được nhiều khách du lịch tham quan; Công viên Nguyễn Tất Thành tại phường Trường Thi; Công viên Thành cổ gắn với bảo tồn di tích Thành cổ Vinh tại phường Cửa Nam đang điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế. Ngoài ra, một số vườn hoa, công viên mini như vườn hoa Cửa Nam, Nghi Phú, Vinh Tân và một số phường xã khác đã góp phần tạo sân chơi, không gian vui chơi, giải trí cho cộng đồng.

1.2.4.12. Quốc phòng, an ninh

Thành phố Vinh là địa bàn có vị trí quan trọng trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thành phố là nơi tập trung các cơ quan quân sự đầu não của tỉnh Nghệ An nói riêng và khu vực Quân khu 4 nói chung. Các doanh trại, hậu cứ được xây dựng trên địa bàn thành phố và các huyện thị xung quanh đảm bảo cho thành phố trở thành khu vực phòng thủ vững chắc. Thế trận quốc phòng toàn dân cùng với thế trận an ninh nhân dân được đảm bảo, tình hình an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, nhận thức của cán bộ và nhân dân về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được nâng lên.

1.2.5. Biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất

Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của khí hậu trong một khoảng thời gian dài do tác động của các điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người, biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan.

Biến đổi khí hậu tác động đến tất cả các ngành kinh tế, xã hội từ nông nghiệp đến du lịch; cơ sở hạ tầng, ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên như nước, lương thực, năng lượng. Thời tiết cực đoan cản trở, thậm chí đe dọa tới sự phát triển bền vững của tất cả các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tất cả các quốc gia.

Biến đổi khí hậu đã len lỏi đến các ngõ ngách cuộc sống, hàng ngày, hàng giờ và ảnh hưởng đến cuộc sống con người. Trong những năm gần đây, Nghệ An nói chung và thành phố Vinh nói riêng có diễn biến rất phức tạp và bất thường, các đợt nắng nóng lịch sử đã diễn ra trên diện rộng, nền nhiệt cao, xuất hiện nhiều đợt rét đậm, rét hại kéo dài, vào mùa mưa xuất hiện áp thấp nhiệt đới sớm, nhiều cơn bão có diễn biến phức tạp và có ảnh hưởng trực tiếp đến địa bàn thành phố làm thiệt hại về tài sản, con người, ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất, đời sống nhân dân.

Đối với sản xuất nông nghiệp, hiện tượng nước biển dâng, xâm nhập mặn đã làm cho các nguồn nước bị nhiễm mặn, ảnh hưởng đến công tác tưới tiêu, cơ cấu mùa vụ và hướng sử dụng đất phải thay đổi để phù hợp hơn, diện tích canh tác bị thu hẹp lại, năng suất cây trồng giảm, khả năng thích nghi của cây trồng, vật nuôi bị ảnh hưởng và theo chiều hướng tiêu cực.

Muốn giảm thiểu tác hại của hiện tượng nước biển dâng và xâm nhập mặn đối với sản xuất nông nghiệp, cần tích cực làm các công trình và hệ thống thủy lợi để làm ngọt hóa các nguồn nước bị nhiễm mặn, hoặc chuyển hướng trồng rừng ngập mặn ở những vùng đất nông nghiệp bị xâm nhập mặn.

Thành phố Vinh là địa phương nằm ở vùng ven biển, phía Nam giáp với cửa sông Lam đổ ra biển nên khả năng chịu nhiều tác động của quá trình xâm nhập mặn. Đó là hậu quả của các yếu tố: nước biển dâng cao; lưu lượng nước sông trong mùa khô ít đi do rừng thượng nguồn ở khu vực đầu nguồn lưu vực sông bị tàn phá nặng nề...đặc biệt vào mùa khô, tình trạng xâm nhập mặn sớm, xâm nhập sâu, độ mặn cao và thời gian duy trì dài xảy ra tương đối phổ biến.

Tóm lại, vấn đề biến đổi khí hậu vẫn đang là bài toán khó cho các nhà quản lý không chỉ ở thành phố Vinh mà nó còn là vấn đề chung của toàn thế giới. Chông lại thời tiết là điều bất khả thi, vì vậy nhiệm vụ cấp bách trong giai đoạn này là các cấp, các ngành và các địa phương phải tìm mọi cách để thích

ứng với biến đổi khí hậu và hạn chế tối đa những ảnh hưởng xấu do thời tiết cực đoan gây ra. Vai trò quy hoạch sử dụng đất trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu là rất lớn. Trên cơ sở đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống phát triển đô thị Vinh, tính toán khả năng mức độ thích nghi để xây dựng hệ thống kiểm soát hạn chế lũ lụt, ngập úng như xây dựng cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh, mương, hồ chứa điều tiết ngập lụt, thực hiện các dự án phát triển đô thị xanh, kiến trúc xanh, xây dựng công trình tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải. Đồng thời tập trung cao độ cho công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của toàn thể cộng đồng về biến đổi khí hậu, tác động của biến đổi khí hậu, để có giải pháp thích ứng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.2.6. Đánh giá chung về thực trạng phát triển kinh tế, xã hội

1.2.6.1. Những kết quả đạt được

Thành phố Vinh là trung tâm kinh tế, văn hóa vùng Bắc Trung bộ, đầu tàu tăng trưởng và giải quyết các nhiệm vụ trọng yếu về phát triển kinh tế của tỉnh và vùng Bắc Trung bộ, với mức tăng trưởng kinh tế đạt cao và khá ổn định.

Dịch vụ phát triển khá nhanh và đa dạng, nhất là các lĩnh vực thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng, viễn thông, vận tải. Từng bước hình thành đầu mối tập kết, phân phối, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ của tỉnh và vùng Bắc Trung Bộ. Hệ thống các tổ chức tín dụng được mở rộng. Thông tin, truyền thông phát triển nhanh, hạ tầng ngày càng hiện đại. Dịch vụ vận tải phát triển đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá và đi lại của người dân. Công nghiệp, xây dựng có bước tăng trưởng khá. Cơ cấu ngành công nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành có tiềm năng lợi thế. Thực hiện tốt việc quy hoạch, đầu tư, xây dựng hạ tầng gắn với thu hút đầu tư các cụm công nghiệp. Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất được quan tâm. Nhiều giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao được thử nghiệm thành công và nhân rộng. Thành phố đã hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới vào năm 2016. Doanh nghiệp và kinh tế tập thể phát triển nhanh, đa dạng các ngành nghề, lĩnh vực. Công tác thu hút đầu tư và hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh, vị thế của thành phố ngày càng được nâng cao. Quản lý, phát triển đô thị, tài nguyên và môi trường có nhiều tiến bộ; huy động nguồn lực, phát triển kết cấu hạ tầng đạt được nhiều kết quả quan trọng. Thực hiện quản lý và phát triển đô thị theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Vinh tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050; Triển khai thực hiện tốt việc quy hoạch phân khu các phường xã, quy hoạch xây dựng các khu đô thị, khu dân cư để mở rộng không gian đô thị; xây dựng các công trình hạ tầng gắn với chỉnh trang đô thị. Bộ mặt đô thị ngày càng khang trang, sạch, đẹp. Công tác quản lý tài nguyên và môi trường được tăng cường. Công tác huy động nguồn lực đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống kết cấu hạ tầng được đầu tư, nâng cấp. Bên cạnh đó, lĩnh

vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện tốt hơn. Thành phố thực hiện tốt chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Chú trọng xây dựng và phát triển văn hoá đô thị, bảo tồn và phát huy tốt giá trị các di tích lịch sử, văn hoá. Hoạt động thể dục, thể thao quần chúng có bước phát triển mạnh. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và dân số, gia đình, trẻ em được tăng cường, có nhiều tiến bộ. Lao động, việc làm và đảm bảo an sinh xã hội tiếp tục được thực hiện hiệu quả. Trong 5 năm, đã giải quyết việc làm cho gần 25.000 lao động. Cơ sở vật chất kỹ thuật từng bước được đầu tư, nâng cấp. Tiềm lực, năng lực khoa học, công nghệ được nâng lên, từng bước tạo yếu tố trung tâm của vùng. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan đến an ninh trật tự; ngăn chặn hiệu quả các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Thực hiện tốt công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội. Công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết đơn thư được quan tâm, không để xảy ra khiếu kiện phức tạp, gây mất an ninh trật tự trên địa bàn.

1.2.6.2. Những mặt hạn chế và tồn tại

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố còn tồn tại một số hạn chế, khuyết điểm:

Việc giải tỏa lấn chiếm hành lang ATGT, vỉa hè đô thị chưa đạt yêu cầu; công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo cảnh quan xanh, sạch, đẹp một số nơi chưa tốt.

Việc triển khai đầu tư xây dựng một số dự án còn chậm; công tác GPMB còn nhiều vướng mắc, ảnh hưởng tới tiến độ đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm, như: Dự án xây dựng đường nội Vinh - Cửa Lò giai đoạn 1; đường 72m từ ngã 3 Quán Bàu đến Đại lộ Xô viết Nghệ Tĩnh.

Việc quy hoạch các bãi tập kết rác chưa hợp lý và thu gom rác chưa triệt để đã gây ô nhiễm môi trường trên nhiều tuyến đường của thành phố.

Việc giải quyết các khu tập thể chưa tốt, hiện vẫn còn 20 khu tập thể chưa thực hiện tái định cư, giải tỏa; cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở chậm; thực hiện nhiệm vụ sau tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về đất đai còn chậm, nhân dân vẫn chưa thật sự hài lòng, dẫn đến tình trạng đơn thư kéo dài.

Công tác chỉ đạo, điều hành một số đơn vị thiếu quyết liệt, đổi mới; kỷ cương, kỷ luật hành chính có nơi thực hiện chưa nghiêm, đặc biệt là cấp xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.2.1. Đánh giá kết quả đạt được

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Trên cơ sở hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được phê duyệt tại Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 30/6/2022, bổ sung tại Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 18/8/2022, UBND thành phố Vinh đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 như sau:

Trong năm 2022 toàn thành phố thực hiện xong 81/424 công trình dự án, với diện tích là 251,70/1.136,67 ha; đạt tỷ lệ 19,10% về số lượng, tương ứng với 22,14 % về diện tích thực hiện.

(chi tiết các công trình, dự án đã thực hiện trong năm 2022

có tại phụ lục 01 kèm theo báo cáo)

- Việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Vinh đều căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

- Quá trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022, trên địa bàn thành phố Vinh đã đạt được các mục tiêu sử dụng đất quan trọng, góp phần to lớn trong việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của thành phố, của tỉnh. Trong quá trình sử dụng, chuyển mục đích đều dựa trên quan điểm khai thác tiết kiệm, hiệu quả, triệt để quỹ đất, đáp ứng được các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, phát triển hạ tầng, nên các diện tích đất thu hồi phần lớn nhận được sự đồng thuận về chủ trương của người dân, ít có xảy ra khiếu kiện tập thể do thu hồi đất.

Bảng 01: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Vinh

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch 2022 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.721,05	4.318,97	597,92	116,07
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.623,78	6.007,32	-616,47	90,69
3	Đất chưa sử dụng	CSD	155,11	173,66	18,55	111,96

Đánh giá chung việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 so với kế hoạch được duyệt:

- **Nhóm đất nông nghiệp:** Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất nông nghiệp là 4.318,97 ha, cao hơn 597,92 ha và vượt 16,07 % so với kế hoạch được duyệt (3.721,05 ha).

- **Nhóm đất phi nông nghiệp:** - Đất phi nông nghiệp: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất phi nông nghiệp là 6.007,32 ha, thấp hơn 616,47 ha và đạt 90,69 % so với kế hoạch được duyệt (6.623,78 ha).

- **Nhóm đất chưa sử dụng:** - Đất chưa sử dụng: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất chưa sử dụng là 173,66 ha, cao hơn 18,55 ha và vượt 11,96 % so với kế hoạch được duyệt (155,11 ha).

2.1.1. Phân tích đất nông nghiệp

Bảng 2: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Vinh (Nhóm đất nông nghiệp)

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch 2022 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	TỔNG DTTN					
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.721,05	4.318,97	597,92	116,07
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.680,28	2.061,04	380,76	122,66
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.094,47</i>	<i>1.420,64</i>	<i>326,17</i>	<i>129,80</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	633,91	752,69	118,79	118,74
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	888,46	933,64	45,19	105,09
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	108,82	108,82		100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	310,19	366,18	55,98	118,05
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	99,40	96,60	-2,80	97,18

Việc thực hiện các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất trồng lúa là 2.061,04 ha, cao hơn 380,76 ha và vượt 22,66 % so với kế hoạch được duyệt (1.680,28ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến chuyển 306,57 ha sang các mục đích khác, kết quả thực hiện được 1,93 ha, để thực hiện 06 dự án đạt 10,34 % kế hoạch; còn lại 304,64 ha, tương ứng với 52 dự án đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 752,69 ha, cao hơn 118,79 ha và vượt 18,74% so với kế hoạch được duyệt (633,91 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến chuyển 125,38 ha sang các mục đích khác, kết quả thực hiện được 0,68 ha, để thực hiện 04 dự án đạt 3,54 % kế hoạch; còn lại 124,70 ha, tương ứng với 109 dự án đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

- Đất trồng cây lâu năm: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất trồng cây lâu năm là 933,64 ha, cao hơn 45,19 ha và vượt 5,09 % so với kế hoạch được duyệt (888,46 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến chuyển 45,20 ha sang các mục đích khác, kết quả thực hiện được 0,01 ha, để thực hiện 01 dự án đạt 3,13 % kế hoạch; còn lại 45,19 ha, tương ứng với 32 dự án đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

- Đất rừng phòng hộ: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất rừng phòng hộ là 108,82 ha, cao hơn 0 ha và đạt 100,00% so với kế hoạch được duyệt (108,82 ha).

- Đất nuôi trồng thủy sản: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 366,18 ha, cao hơn 58,98 ha và vượt 18,05 % so với kế hoạch được duyệt (310,19 ha).

- Đất nông nghiệp khác: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất nông nghiệp khác là 96,60 ha, thấp hơn 2,80 ha và đạt 97,18 % so với kế hoạch được duyệt (99,40 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến tăng 3,70 ha đất nông nghiệp khác để thực hiện công trình Xây dựng trung tâm SX giống cây trồng và sản phẩm

nông lâm nghiệp chất lượng, tuy nhiên chưa thực hiện được và đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

2.1.2. Phân tích đất phi nông nghiệp

Bảng 3: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Vinh (Nhóm đất phi nông nghiệp)

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch 2022 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.623,78	6.007,32	-616,47	90,69
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	279,25	282,20	2,95	101,06
2.2	Đất an ninh	CAN	36,68	33,72	-2,96	91,94
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	99,27	99,27		100,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	21,52	20,27	-1,25	94,20
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	176,01	150,94	-25,06	85,76
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	175,18	188,53	13,35	107,62
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	29,69	29,69		100,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.574,19	2.306,84	-267,35	89,61
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	1.740,66	1.515,24	-225,42	87,05
-	Đất thủy lợi	DTL	221,59	213,39	-8,20	96,30
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	29,09	28,89	-0,20	99,31
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	58,32	51,14	-7,18	87,69
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	226,84	203,70	-23,14	89,80
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	52,49	45,34	-7,15	86,37
-	Đất công trình năng lượng	DNL	19,45	18,76	-0,69	96,45
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	3,81	3,81		100,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	8,80	8,80		100,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	23,48	23,48		100,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	17,06	15,09	-1,97	88,45
-	Đất làm nghĩa trang,	NTD	141,10	150,32	9,22	106,53

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch 2022 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	<i>nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>					
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	DKH	4,61	4,61		100,00
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	DXH	9,07	9,07		100,00
-	<i>Đất chợ</i>	DCH	17,81	15,20	-2,61	85,36
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	29,40	26,05	-3,35	88,59
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	79,37	43,05	-36,32	54,24
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.107,64	951,88	-155,76	85,94
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.349,41	1.202,81	-146,60	89,14
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	46,37	45,94	-0,43	99,07
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	21,94	21,94		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	7,12	7,14	0,02	100,35
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	399,60	404,28	4,68	101,17
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	190,74	192,34	1,60	100,84
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,42	0,42		100,00

Việc thực hiện các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất quốc phòng là 282,20 ha, cao hơn 2,95 ha và vượt 1,06 % so với kế hoạch được duyệt (279,25 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến giảm 3,26 ha để thực hiện 05 dự án và tăng 0,31 để thực hiện 01 dự án, tuy nhiên vẫn chưa thực hiện được và đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

- Đất an ninh: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất an ninh là 33,72 ha, thấp hơn 2,96 ha và đạt 91,94 % so với kế hoạch được duyệt (36,68 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến tăng 3,90 ha để thực hiện 02 dự án, tuy nhiên vẫn chưa thực hiện được.

- Đất khu công nghiệp: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất khu công nghiệp là 99,27 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

- Đất cụm công nghiệp: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất cụm công

ng nghiệp là 20,27 ha, thấp hơn 1,25 ha và đạt 94,20% so với kế hoạch được duyệt (21,52 ha).

- Đất thương mại, dịch vụ: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất thương mại, dịch vụ là 150,94 ha, thấp hơn 25,06 ha và đạt 85,76 % so với kế hoạch được duyệt (176,01 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến tăng thêm 28,35 ha, kết quả thực hiện được 0,14 ha, để thực hiện 01 dự án đạt 4,17 % kế hoạch; còn lại 28,21 ha, tương ứng với 23 dự án đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 188,53 ha, cao hơn 13,35 ha và vượt 7,62 % so với kế hoạch được duyệt (175,18 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến giảm 16,16 ha để thực hiện 11 dự án, tuy nhiên vẫn chưa thực hiện được và đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 29,69 ha đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch được duyệt (29,69 ha).

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp thành phố, cấp xã là 2.306,84 ha, thấp hơn 267,35 ha và đạt 89,61% so với kế hoạch được duyệt (2.574,19 ha).

+ Đất giao thông: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất giao thông là 1.515,24 ha, thấp hơn 225,42 ha và đạt 87,05% so với kế hoạch được duyệt (1.740,66 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến tăng thêm 302,44 ha, kết quả thực hiện được 0,41 ha, để thực hiện 08 dự án đạt 10,67 % kế hoạch; còn lại 302,03 ha, tương ứng với 67 dự án đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

+ Đất thủy lợi: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất thủy lợi là 213,39 ha, thấp hơn 8,20 ha và đạt 96,30% so với kế hoạch được duyệt (221,59 ha).

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 28,89 ha, đạt 99,31% so với kế hoạch được duyệt (6,89 ha).

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 51,14 ha, thấp hơn 7,18 ha và đạt 87,69 % so với kế hoạch được duyệt (58,32 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến tăng thêm 7,44 ha, để thực hiện 05 dự án

chưa thực hiện được và đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 203,70 ha, thấp hơn 23,14 ha và đạt 89,80 % so với kế hoạch được duyệt (226,84 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến tăng thêm 25,28 ha, kết quả thực hiện được 0,27 ha, để thực hiện 01 dự án đạt 6,67 % kế hoạch; còn lại 25,01 ha, tương ứng với 14 dự án đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao là 45,34 ha, thấp hơn 7,15 ha và đạt 86,37% so với kế hoạch được duyệt (52,49 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến tăng thêm 8,00 ha để thực hiện 04 dự án, tuy nhiên chưa thực hiện được và đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

+ Đất công trình năng lượng: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất công trình năng lượng là 18,76 ha, thấp hơn 0,69 ha và đạt 96,45% so với kế hoạch được duyệt (19,45 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến tăng thêm 0,69 ha để thực hiện 13 dự án, tuy nhiên chưa thực hiện được và đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất công trình bưu chính, viễn thông là 3,81 ha, đạt 100,00% so với kế hoạch được duyệt (3,81 ha).

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa là 8,80 ha, đạt 100,00% so với kế hoạch được duyệt (8,80 ha).

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 23,48 ha, đạt 100,00 % so với kế hoạch được duyệt (23,48 ha).

+ Đất cơ sở tôn giáo: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất cơ sở tôn giáo là 15,09 ha, thấp hơn 1,97 ha và đạt 88,45% so với kế hoạch được duyệt (17,06 ha).

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 150,32 ha, cao hơn 9,22 ha và vượt 6,53 % so với kế hoạch được duyệt (141,10 ha).

+ Đất chợ: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất chợ là 15,20 ha, thấp hơn 2,61 ha và đạt 85,36 % so với kế hoạch được duyệt (17,81 ha).

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng là 26,05 ha, thấp hơn 3,35 ha và đạt 88,59% so với kế hoạch được duyệt (29,40 ha).

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 43,05 ha, thấp hơn 36,32 ha và đạt 54,24% so với kế hoạch được duyệt (79,37 ha).

- Đất ở tại nông thôn: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất ở tại nông thôn là 951,88 ha, thấp hơn 155,76 ha và đạt 85,94% so với kế hoạch được duyệt (1.107,64 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến tăng thêm 185,13 ha, kết quả thực hiện được 7,61 ha, để thực hiện 02 dự án đạt 3,45 % kế hoạch; còn lại 177,52 ha, tương ứng với 56 dự án đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

- Đất ở tại đô thị: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất ở tại đô thị là 1.202,81 ha, thấp hơn 146,60 ha và đạt 89,14% so với kế hoạch được duyệt (1.349,41 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến tăng thêm 153,79 ha, kết quả thực hiện được 0,95 ha, để thực hiện 07 dự án đạt 12,21 % kế hoạch; còn lại 152,84 ha, tương ứng với 47 dự án đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 45,94 ha, thấp hơn 0,43 ha và đạt 99,07 % so với kế hoạch được duyệt (46,37 ha).

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 21,94 ha, đạt 100,00% so với kế hoạch được duyệt (21,94 ha).

- Đất tín ngưỡng: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất tín ngưỡng là 7,14 ha, vượt 0,35 % so với kế hoạch được duyệt (7,12 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến giảm 0,02 ha để thực hiện 02 dự án, tuy nhiên chưa thực hiện xong, đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 404,28 ha, cao hơn 4,68 ha và vượt 1,17 % so với kế hoạch được duyệt (399,60 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến giảm 4,68 ha để thực hiện 03 dự án, tuy nhiên chưa thực hiện xong, đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng là 192,34 ha, vượt 0,84 % so với kế hoạch được duyệt (190,74 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến giảm diện tích đất mặt nước chuyên dùng

để thực hiện 15 dự án, tuy nhiên chưa thực hiện xong, đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

- Đất phi nông nghiệp khác: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất phi nông nghiệp khác là 0,42 ha, đạt 100,00% so với kế hoạch được duyệt (0,42 ha).

2.1.3. Phân tích đất chưa sử dụng

- Đất chưa sử dụng: Thực hiện đến 31/12/2022, diện tích đất chưa sử dụng là 173,66 ha, cao hơn 18,55 ha và vượt 11,96 % so với kế hoạch được duyệt (155,11 ha).

Năm 2022, thành phố dự kiến giảm 18,57 ha, kết quả thực hiện được 0,28 ha, để thực hiện 02 dự án đạt 4,88 % kế hoạch; còn lại 18,29 ha, tương ứng với 39 dự án đề xuất chuyển tiếp sang năm 2023.

*(Danh mục công trình, dự án chuyển tiếp
sang năm 2023 được thể hiện tại phụ lục 03)*

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

- Số lượng công trình, dự án đăng ký thực hiện trong năm kế hoạch tương đối nhiều, tuy nhiên, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đạt tỷ lệ thấp, cụ thể: trong 424 công trình, dự án đăng ký trong năm kế hoạch đã hoàn thành 81 công trình, dự án. Số công trình, dự án chưa hoàn thành xong hoặc chưa triển khai thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phải đề nghị chuyển tiếp sang năm kế hoạch sử dụng đất tiếp theo còn nhiều (224 công trình, dự án).

- Các chỉ tiêu đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp thực hiện không đáp ứng chỉ tiêu đã được phê duyệt trong năm kế hoạch sử dụng đất do các công trình, dự án chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp chưa triển khai thực hiện được.

- Sự phối hợp giữa các ban, ngành và các địa phương trong công tác lập và thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhìn chung vẫn còn hạn chế. Kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành khác chưa thực sự thống nhất, tình trạng tự phát, cục bộ thực hiện quy hoạch, kế hoạch của các ngành, các cấp vẫn còn diễn ra. Phần lớn các ngành còn lúng túng trong việc gắn kết giữa quy hoạch phát triển các ngành, quy hoạch xây dựng đô thị và khu dân cư nông thôn với kế hoạch sử dụng đất.

- Việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm vẫn còn một số bất cập.

2.3. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đạt tỷ lệ thấp một phần nguyên nhân là do quá trình lập và phê duyệt quy hoạch thành phố Vinh đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất thành phố Vinh năm 2022 đến ngày 30/6/2022 kế hoạch sử dụng đất mới được cấp thẩm quyền phê duyệt dẫn đến thực tế triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chỉ trong vòng 5 tháng. Bên cạnh đó, quá trình lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã triển khai báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 từ tháng 9, dẫn đến một số dự án phải ước lượng hoặc dự báo khả năng hoàn thành trong năm kế hoạch.

- Nguyên nhân chính của tỷ lệ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thấp là do công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Phần lớn các dự án không đảm bảo tiến độ giải phóng mặt bằng do quá trình thực hiện còn vướng mắc: người dân không đồng ý với mức giá bồi thường về đất, các chính sách về tái định cư và giao đất có thu tiền sử dụng đất,...Đối với các dự án khai thác quỹ đất, khó khăn trong giải phóng mặt bằng vì người dân cho rằng Nhà nước bồi thường đất nông nghiệp giá rẻ trong khi đầu giá đất ở cao, không có chính sách ưu tiên cho người bị mất đất được mua đất ở với giá hợp lý,...Các dự án giải phóng mặt bằng phải thực hiện cả quá trình, có khi gói giữa 2-3 năm dẫn đến phải thực hiện việc chuyển tiếp dự án trong các năm kế hoạch.

- Thiếu nguồn vốn đầu tư để xây dựng các công trình, dự án là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của thành phố Vinh. Có những dự án đã bố trí vốn nhưng vướng mắc thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng nên chưa triển khai được, trong khi đó, có những dự án đã có phương án thu hồi đất, phê duyệt bồi thường lại không bố trí được nguồn vốn kịp thời. Trong thời gian tới, thành phố Vinh sẽ nghiên cứu thêm nhiều giải pháp hơn nữa để thu hút đầu tư, tạo điều kiện nâng cao tiềm lực kinh tế, sức đầu tư vào xây dựng các công trình trong kế hoạch cũng như quy hoạch sử dụng đất.

- Sự chông chéo giữa các quy hoạch chuyên ngành khác nhau và tác động của các chính sách pháp luật về nhà ở, đất đai cùng với các chính sách đầu tư công.

- Có một số các dự án khu đô thị với diện tích lớn nhưng vẫn đang trong giai đoạn tài trợ quy hoạch chưa triển khai dự án, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, tuy nhiên, các đơn vị vẫn đề nghị đăng ký kế hoạch sử dụng đất để thực hiện các thủ tục đầu tư dự án, trong khi đó, dự án chưa thể triển khai được công tác GPMB và giao đất trong năm kế hoạch đã đăng ký.

- Nhận thức pháp luật đất đai cũng như công tác xây dựng lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của một bộ phận người dân, doanh nghiệp và cán bộ chưa cao, chưa quan tâm thực hiện, trong quá trình triển khai có vướng mắc mới báo cáo dẫn đến chậm tiến độ, kế hoạch đề ra.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân và các cấp còn chủ quan chưa xem xét hết được tính khả thi nên nhiều dự án đã phê duyệt nhưng không có khả năng thực hiện. Vẫn còn nhiều tâm lý: thà đưa vào nhiều nếu không thực hiện được thì chuyển tiếp còn hơn là không có đến khi không triển khai thực hiện dự án được.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Năm 2023 tiếp tục bám sát các chương trình, đề án đã được ban hành và kế hoạch năm 2022 để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ. Tập trung khắc phục những tồn tại, yếu kém trong 6 tháng đầu năm và thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực giao thông, đất đai, môi trường.

Hiện nay, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Nghệ An đang trong quá trình triển khai thực hiện và chưa được phê duyệt chính thức. Do đó, chỉ tiêu căn cứ để lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là chỉ tiêu theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 30/06/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch thành phố Vinh, trong đó số liệu quy hoạch cụ thể như sau:

Bảng 4: Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		10.499,96	100,00
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	2.686,75	25,59
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	871,33	8,30
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>794,07</i>	<i>7,56</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	448,73	4,27
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	857,67	8,17
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	108,35	1,03
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX		
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	277,17	2,64
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	123,51	1,18
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	7.756,67	73,87
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	333,96	3,18
2.2	Đất an ninh	CAN	40,03	0,38
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	53,03	0,51
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	88,64	0,84
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	272,39	2,59
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	132,01	1,26
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm	SKX	10,07	0,10
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.216,42	30,63
	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	2.217,07	21,12
-	Đất thủy lợi	DTL	227,95	2,17
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	33,36	0,32
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	66,04	0,63
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	376,21	3,58
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	53,70	0,51
-	Đất công trình năng lượng	DNL	19,91	0,19
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	7,53	0,07
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	1,78	0,02
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	9,71	0,09
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,57	0,07
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	35,54	0,34
-	Đất làm nghĩa trang, NĐ, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	121,21	1,15
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	4,61	0,04
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	9,04	0,09
-	Đất Chợ	DCH	25,19	0,24
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	43,40	0,41
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	168,49	1,60
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.212,77	11,55
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.598,24	15,22
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	63,89	0,61
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	22,36	0,21
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	10,29	0,10
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	366,77	3,49
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	124,08	1,18
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD	56,54	0,54

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Trong năm 2022, có nhiều dự án đã được phê duyệt kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện được hoặc đang triển khai dở dang. Chủ đầu tư của các dự án cũng có nhu cầu mong muốn được chuyển tiếp sang năm 2023, qua làm việc rà soát kiểm tra tiến độ thực hiện của từng dự án UBND thành phố Vinh đã chỉ đưa vào chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2023 những công trình dự án khả thi.

Năm 2022 có tổng số 424 dự án với diện tích 1.136,67 ha, trong đó đã thực hiện được 81 dự án tổng diện tích 251,70 ha, 343 dự án chưa thực hiện.

Trong 343 dự án chưa thực hiện ở kế hoạch năm 2022 thì có 126 dự án không tiếp tục đề xuất chuyển sang kế hoạch 2022, 217 tiếp tục chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2023. Cụ thể các dự án chuyển tiếp từng nhóm đất như sau:

- Dự án đất an ninh: 01 dự án, diện tích: 3,40 ha
- Dự án đất quốc phòng: 01 dự án, diện tích: 0,31 ha
- Dự án đất giao thông: 48 dự án, diện tích: 40,84 ha
- Dự án đất thủy lợi: 10 dự án, diện tích: 0,69 ha
- Dự án đất sinh hoạt cộng đồng: 03 dự án, diện tích: 0,38 ha
- Dự án đất năng lượng: 12 dự án, diện tích: 0,74 ha
- Dự án đất cơ sở giáo dục: 10 dự án, diện tích: 14,73 ha
- Dự án đất cơ sở thể dục – thể thao: 01 dự án, diện tích: 0,07 ha
- Dự án đất ở nông thôn: 32 dự án, diện tích: 60,05 ha
- Dự án đất ở đô thị: 22 dự án, diện tích: 107,91 ha
- Dự án đất cơ sở y tế: 02 dự án, diện tích: 4,32 ha
- Dự án đất tôn giáo: 01 dự án, diện tích: 0,26 ha
- Dự án đất thương mại dịch vụ: 10 dự án, diện tích: 5,52 ha
- Dự án đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 02 dự án, diện tích: 2,75 ha
- Dự án đất nông nghiệp khác: 01 dự án, diện tích: 1,89 ha
- Dự án đưa vào KHSDĐ để giao, thuê, chuyển mục đích sử dụng đất: 66 dự án, diện tích: 143,19 ha.

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Vinh trong năm 2023 (công trình đăng ký mới), được tổng hợp trên cơ sở:

- + Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

+ Công trình, dự án cấp huyện: bao gồm công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất; khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Kế hoạch năm 2023 của thành phố Vinh bao gồm:

- Công trình chuyển tiếp: 217 công trình, dự án (08 dự án đăng ký lại do hết hạn nghị quyết và 209 dự án chuyển tiếp do còn thời hạn chuyển tiếp)

- Công trình đăng ký mới: 81 công trình dự án.

- Các trường hợp hộ gia đình đăng ký giao, cho thuê các thửa đất nhỏ hẹp và chuyển mục đích đất (vườn, ao, nông nghiệp cùng thửa đất ở) sang đất ở trên cơ sở Đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình tuy nhiên không thể hiện trên bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Vinh tỷ lệ 1/10.000 (theo Thông tư 27/2018/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 14/12/2018 quy định về lập bản đồ thì bản đồ tỷ lệ 1/10.000 đối với các thửa đất nhỏ hơn 1.600 m² thì được phép tổng quát hóa vào các thửa đất lớn hơn liền kề) do diện tích nhỏ nên chỉ nêu diện tích chi tiết thực hiện của các phường, xã trong danh mục Biểu 10/CH.

Tổng hợp công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chuyển sang và công trình dự án đăng ký mới, toàn thành phố có 298 công trình dự án được xác định danh mục trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

(Chi tiết Danh mục công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất năm 2023 thể hiện tại Biểu 10/CH)

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

3.3.1. Đất nông nghiệp

Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp được phân tích, tổng hợp trên cơ sở số liệu; diện tích nông nghiệp thu hồi, chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các công trình, dự án; diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích trong nhóm đất nông nghiệp. Diện tích đất nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn huyện như sau:

1). Đất trồng lúa

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất trồng lúa của thành phố Vinh dự kiến là 1.837,29 ha, chiếm 17,50 % diện tích tự nhiên, thực giảm 223,74 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 1.837,29 ha

* Chu chuyển giảm: 223,74 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất nông nghiệp khác 1,89 ha để thực hiện dự án: Xây dựng trung tâm SX giống cây trồng và sản phẩm nông lâm nghiệp chất lượng tại xã Hưng Đông;
- Đất quốc phòng 0,31 ha để thực hiện dự án: Xây dựng doanh trại cụm 7-bộ Tham mưu - Quân khu 4 tại xã Hưng Đông.
- Đất an ninh 3,40 ha để thực hiện dự án: Cơ sở doanh trại Công an thành phố Vinh.
- Đất thương mại, dịch vụ 7,31 ha để thực hiện 10 dự án như: Tổ hợp kinh doanh và văn phòng cho thuê tại xã Hưng Đông; Cửa hàng kinh doanh xăng dầu và dịch vụ thương mại Xuân Hoa tại xã Nghi Đức; Mở rộng Văn phòng làm việc và trạm trung chuyển hàng hóa Văn Minh tại phường Lê Lợi;...
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,75 ha để thực hiện dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc, sản xuất cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm tại xã Hưng Đông.
- Đất cơ sở y tế 2,00 ha để thực hiện dự án: Xây dựng Bệnh Viện Ung Bướu Nghệ An.
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo 14,61 ha để thực hiện 07 dự án: Xây dựng mới trường THPT chuyên Phan Bội Châu (phần còn lại); Mở rộng trường mầm non Nghi Kim; Mở rộng và đầu tư các hạng mục trường Tiểu học Nghi Phú 1;...
- Đất cơ sở thể dục thể thao 3,63 ha để thực hiện công trình: Xây dựng Sân vận động và các hạng mục phụ trợ tại xã Hưng Đông;
- Đất giao thông 43,74 ha để thực hiện 25 dự án: Đường Trần Nguyên Hãn (Dự án WB); Nâng cấp, cải tạo đường Trần Thánh Tông, xã Hưng Lộc; Đường quy hoạch 24m nối đường Lý Tự Trọng và đường 72m, phường Hà Huy Tập, xã Nghi Phú;...
- Đất thủy lợi 5,95 ha để thực hiện 10 dự án: Trạm bơm hồi chừa (Dự án WB); Xây dựng hệ thống kênh dẫn nối giữa hồ Hưng Hòa 2 với hồ Hưng Hòa 1 (hợp phần 2) dự án WB; Mương thoát nước từ Quốc lộ 46 đến kênh Rào Trường;...
- Đất công trình năng lượng 0,68 ha để thực hiện 13 dự án: Chống quá tải các xã Nghi Kim, Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Cải tạo đường dây 110Kv Hưng Đông - Can Lộc và Hưng Đông -Linh Cảm; Xử lý khoảng cách pha đất thấp và giảm thiểu vi phạm HLLĐCA tại huyện Yên Thành, Đô Lương, Nam Đàn, Nghi Lộc, Diễn Châu, Anh Sơn, TX Cửa Lò, thành phố Vinh;...
- Đất ở tại nông thôn 39,28 ha để thực hiện 31 dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư để di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai xã Hưng Hòa, thành phố Vinh; Nhà ở xã hội cho cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Nghệ An (bổ

sung diện tích tại NQ58); Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Trung Mỹ, xã Hưng Đông (Bổ sung diện tích);...

- Đất ở tại đô thị 87,09 ha để thực hiện 11 công trình: Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An (giai đoạn 4); Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An (giai đoạn 5A); Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khối 9, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, Nghệ An;...

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 1,82 ha để thực hiện 03 công trình: Xây dựng Trụ sở UBND xã Hưng Đông (mở rộng); Xây dựng Trụ Sở, nhà làm việc Cơ quan UBND xã Nghi Phú; Xây dựng trụ sở Tài nguyên và Môi trường.

- Đất sinh hoạt cộng đồng 0,68 ha; để thực hiện 04 dự án: Xây dựng nhà văn hóa xóm Nam Liên (xóm 18B cũ); Xây dựng nhà văn hóa khối Vĩnh Quang;...

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 3,49 ha để thực hiện 05 dự án: Khu đô thị mới phường Đông Vĩnh; Khu đô thị ven sông Vinh; Khu đô thị tại xã Hưng Lộc.

- Đất có mặt nước chuyên dùng 6,06 ha để thực 03 dự án: Xây dựng hồ điều hòa Hưng Hòa 2 (giai đoạn 1) dự án WB; Khu đô thị tại xã Hưng Lộc; Khu đô thị ven sông Vinh

2). Đất trồng cây hàng năm khác

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất trồng cây hàng năm khác của thành phố Vinh dự kiến là 686,89 ha, chiếm 6,54 % diện tích tự nhiên, thực giảm 65,80 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 686,89 ha

* Chuyển giảm: 67,02 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất thương mại, dịch vụ 0,93 ha để thực hiện 02 dự án: Khu đô thị Bắc Nghi Kim; Khu đô thị và triển lãm sông Lam.

- Đất cơ sở y tế 0,12 ha để thực hiện dự án: Xây dựng Bệnh viện Mắt Nghệ An (phần còn lại).

- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo 2,85 ha để thực hiện 05 dự án.

- Đất cơ sở thể dục thể thao 0,75 ha để thực hiện 02 dự án: Xây dựng Sân vận động và các hạng mục phụ trợ; Đất thể thao trong Khu đô thị Bắc Nghi Kim.

- Đất giao thông 18,92 ha để thực hiện 28 dự án.

- Đất thủy lợi 1,76 ha để thực hiện 12 dự án.

- Đất công trình năng lượng 0,09 ha để thực hiện 07 dự án.

- Đất ở tại nông thôn 23,60 ha để thực hiện 30 dự án.
- Đất ở tại đô thị 15,57 ha để thực hiện 17 dự án.
- Đất cơ sở tôn giáo 0,26 ha để thực hiện 01 dự án.
- Đất sinh hoạt cộng đồng 0,63 ha để thực hiện 03 dự án.
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,63 ha để thực hiện 03 dự án.

3). Đất trồng cây lâu năm

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất trồng cây lâu năm của thành phố Vinh dự kiến là 903,5 ha, chiếm 8,6 % diện tích tự nhiên, thực giảm 30,14 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 903,50 ha

* Chu chuyển giảm: 30,14 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,5 ha để thực hiện 02 dự án.
- Đất giao thông 8,38 ha để thực hiện 25 dự án.
- Đất thủy lợi 0,41 ha để thực hiện 03 dự án.
- Đất ở tại nông thôn 13,82 ha để thực hiện 18 dự án.
- Đất ở tại đô thị 6,74 ha để thực hiện 25 dự án.
- Đất sinh hoạt cộng đồng 0,08 ha để thực hiện 01 dự án.
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,23 ha để thực hiện 01 dự án,

4). Đất rừng phòng hộ

Hiện trạng năm 2022, diện tích đất rừng phòng hộ là 108,82 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 108,82 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

5). Đất nuôi trồng thủy sản

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất nuôi trồng thủy sản của thành phố Vinh dự kiến là 349,72 ha, chiếm 3,33 % diện tích tự nhiên, thực giảm 16,46 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 349,72 ha

* Chu chuyển giảm: 16,46 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất thương mại, dịch vụ 0,66 ha để thực hiện 04 dự án.
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,05 ha để thực hiện 01 dự án.
- Đất giao thông 6,89 ha để thực hiện 17 dự án.
- Đất ở tại nông thôn 3,19 ha để thực hiện 07 dự án.
- Đất ở tại đô thị 5,67 ha để thực hiện 06 dự án.

6). Đất nông nghiệp khác

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất nông nghiệp khác của thành phố Vinh dự kiến là 98,49 ha, chiếm 0,94 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1,89 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 96,60 ha

* Chuyển tăng: 1,89 ha do lấy từ đất lúa.

Diện tích tăng để thực hiện công trình: Xây dựng trung tâm SX giống cây trồng và sản phẩm nông lâm nghiệp chất lượng tại xã Hưng Đông

Bảng 5: Chỉ tiêu nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2022		Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		10.499,94		10.499,94	
I	Loại đất					
1	Đất nông nghiệp	NNP	4.318,97	41,13	3.984,71	37,95
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.061,04	19,63	1.837,29	17,50
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	1.420,64	13,53	1.196,89	11,40
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	752,69	7,17	686,89	6,54
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	933,64	8,89	903,51	8,60
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	108,82	1,04	108,82	1,04
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	366,18	3,49	349,72	3,33
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	96,60	0,92	98,49	0,94

(Chi tiết theo từng xã xem tại Biểu 06/CH phần phụ lục)

3.3.2. Đất phi nông nghiệp

Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp được phân tích dựa trên cơ sở số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2022 và nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp của các ngành lĩnh vực; các phường, xã trong năm 2023. Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp của thành phố Vinh như sau:

1). Đất quốc phòng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất quốc

phòng của thành phố Vinh dự kiến là 281,86 ha, chiếm 2,68 % diện tích tự nhiên, thực giảm 0,34 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 281,55 ha

* Chu chuyển tăng: 0,31 ha do lấy từ đất trồng lúa

Diện tích tăng để thực hiện công trình: Xây dựng doanh trại cụm 7-bộ Tham mưu-Quân khu 4

* Chu chuyển giảm: 0,65 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất giao thông 0,65 ha;

Diện tích giảm để thực hiện 05 công trình: Xây dựng tuyến đường Lý Thường Kiệt, thành phố Vinh và hạ tầng khu công viên, bãi đỗ xe, nhà văn hóa khối và chia lô tái định cư tại khối Vinh Phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh (bao gồm phần diện tích cũ và bổ sung); Xây dựng đường Lê Ninh (phần còn lại).

2). Đất an ninh

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất an ninh của thành phố Vinh dự kiến là 37,12 ha, chiếm 0,35 % diện tích tự nhiên, thực tăng 2,96 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 33,72 ha

* Chu chuyển tăng: 3,40 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 3,40 ha;

Diện tích tăng để thực hiện 01 dự án: Cơ sở doanh trại Công an thành phố Vinh.

3). Đất khu công nghiệp

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất khu công nghiệp của thành phố Vinh dự kiến là 99,27 ha, chiếm 0,95 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

4). Đất cụm công nghiệp

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất cụm công nghiệp của thành phố Vinh dự kiến là 20,27 ha, chiếm 0,19 % diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

6). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của thành phố Vinh dự kiến là 190,61 ha, chiếm 1,82 % diện tích tự nhiên, thực giảm 9,35 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động

chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 187,86 ha

* Chu chuyển tăng: 2,75 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 1,75 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản 0,05 ha;
- Đất giao thông 0,23 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng 0,72 ha;

Diện tích tăng để thực hiện 02 dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc, sản xuất cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm; Trung tâm Vật liệu Công nghệ mới.

* Chu chuyển giảm: 0,67 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất ở tại đô thị 0,67 ha;

Diện tích giảm để thực hiện 02 công trình: Khu tập thể - Công nghệ phẩm khối 2; Khu tập thể - Công trường 3 khối 2.

7). Đất thương mại

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất thương mại, dịch vụ của thành phố Vinh dự kiến là 158,99 ha, chiếm 1,51 % diện tích tự nhiên, thực tăng 8,05 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 149,49 ha

* Chu chuyển tăng: 9,50 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 7,31 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 0,93 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản 0,66 ha;
- Đất giao thông 0,30 ha;
- Đất chưa sử dụng 0,3 ha;

Diện tích tăng để thực hiện 12 dự án, trong đó: 06 dự án chuyển tiếp; 06 dự án đăng ký mới.

* Chu chuyển giảm: 1,45 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất giao thông 1,45 ha;

Diện tích giảm để thực hiện 04 dự án: Xây dựng tuyến đường Lý Thường Kiệt, thành phố Vinh và hạ tầng khu công viên, bãi đỗ xe, nhà văn hóa khối và chia lô tái định cư tại khối Vinh Phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh (bao gồm phần diện tích cũ và bổ sung); Xây dựng đường Lê Ninh (phần còn lại); Đường quy hoạch 18m từ đường Lê Lợi đến đường Hoàng Xuân Hãn;...

8). Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

a) Đất giao thông

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất giao thông của thành phố Vinh dự kiến là 1.594,55 ha, chiếm 15,19 % diện tích tự nhiên, thực tăng 79,3 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 1.500,31 ha

* Chu chuyển tăng: 87,56 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 41,74 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 18,92 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 8,59 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản 6,89 ha;
- Đất quốc phòng 0,65 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ 1,45 ha;
- Đất thủy lợi 3,82 ha;
- Đất ở tại nông thôn 3,81 ha;
- Đất ở tại đô thị 3,80 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng 0,01 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng 0,24 ha;
- Đất chưa sử dụng 2,32 ha;

Diện tích tăng để thực hiện thực 52 dự án, trong đó: 42 dự án chuyển tiếp; 10 dự án đăng ký mới.

* Chu chuyển giảm: 14,93 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất thương mại, dịch vụ 0,30 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,23 ha;
- Đất cơ sở y tế 1,10 ha;
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,23 ha;
- Đất thủy lợi 0,68 ha;
- Đất ở tại nông thôn 1,80 ha;
- Đất ở tại đô thị 9,07 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,08 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng 0,08 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,95 ha;
- Đất mặt nước chuyên dùng 0,08 ha;

b) Đất thủy lợi

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất thủy

lợi của thành phố Vinh dự kiến là 210,66 ha, chiếm 2,01 % diện tích tự nhiên, thực giảm 2,73 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 201,38 ha

* Chu chuyển tăng: 9,28 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 5,95 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 1,76 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 0,41 ha;
- Đất giao thông 0,68 ha;
- Đất ở tại nông thôn 0,22 ha;
- Đất ở tại đô thị 0,26 ha;

Diện tích tăng để thực hiện 12 dự án, trong đó: 8 công trình chuyển tiếp; 04 công trình đăng ký mới.

* Chu chuyển giảm: 12,01 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất cơ sở y tế 1,10 ha;
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,01 ha;
- Đất giao thông 3,82 ha;
- Đất ở tại nông thôn 0,89 ha;
- Đất ở tại đô thị 5,62 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,58 ha;

c) Đất cơ sở văn hóa

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất cơ sở văn hóa của thành phố Vinh dự kiến là 28,94 ha, chiếm 0,28 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,05 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích giữ nguyên hiện trạng: 28,89 ha

* Chu chuyển tăng: 0,05 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 0,05 ha;

d) Đất cơ sở y tế

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất cơ sở y tế của thành phố Vinh dự kiến là 55,46 ha, chiếm 0,53 % diện tích tự nhiên, thực tăng 4,32 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 51,14 ha

* Chu chuyển tăng: 4,32 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 2,00 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 0,12 ha;

- Đất giao thông 1,10 ha;

- Đất thủy lợi 1,10 ha;

Diện tích tăng để thực hiện 02 công trình: Xây dựng Bệnh Viện Ung Bướu Nghệ An; Xây dựng Bệnh viện Mắt Nghệ An (phần còn lại);

e) Đất cơ sở giáo dục và đào tạo

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất cơ sở giáo dục và đào tạo của thành phố Vinh dự kiến là 222,52 ha, chiếm 2,12 % diện tích tự nhiên, thực tăng 18,82 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 203,7 ha

* Chu chuyển tăng: 18,82 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 14,61 ha;

- Đất trồng cây hàng năm khác 2,85 ha;

- Đất trồng cây lâu năm 0,5 ha;

- Đất giao thông 0,23 ha;

- Đất ở tại nông thôn 0,1 ha;

- Đất ở tại đô thị 0,48 ha;

- Đất sinh hoạt cộng đồng 0,05 ha;

Diện tích tăng để thực hiện 15 công trình, trong đó: 08 công trình chuyển tiếp; 03 công trình đăng ký mới.

f) Đất cơ sở thể dục thể thao

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất cơ sở thể dục thể thao của thành phố Vinh dự kiến là 50,04 ha, chiếm 0,48 % diện tích tự nhiên, thực tăng 4,70 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 45,34 ha

* Chu chuyển tăng: 4,7 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 3,63 ha;

- Đất trồng cây hàng năm khác 0,75 ha;

- Đất chưa sử dụng 0,32 ha;

Diện tích tăng để thực hiện 02 công trình: Xây dựng Sân vận động và các hạng mục phụ trợ; Khu đô thị Bắc Nghi Kim.

g) Đất công trình năng lượng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất công trình năng lượng của thành phố Vinh dự kiến là 19,55 ha, chiếm 0,19 % diện

tích tự nhiên, thực tăng 0,79 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 18,76 ha

* Chu chuyển tăng: 0,79 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 0,68 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 0,09 ha;
- Đất chưa sử dụng 0,02 ha;

Diện tích tăng để thực hiện 13 công trình: Chống quá tải các xã Nghi Kim, Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Cải tạo đường dây 110Kv Hưng Đông - Can Lộc và Hưng Đông -Linh Cảm; Cây TBA CQT, giảm bán kính cấp điện, nâng cao điện áp để giảm số lượng khách hàng sinh hoạt có điện áp thấp khu vực TP Vinh, huyện Yên Thành, Diễn Châu, Nam Đàn tỉnh Nghệ An;...

h) Đất công trình bưu chính, viễn thông

Hiện trạng năm 2022, diện tích đất công trình bưu chính, viễn thông là 3,81 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 3,81 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

i). Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Hiện trạng năm 2022, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa là 8,80 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 8,80 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

j). Đất bãi thải, xử lý chất thải

Hiện trạng năm 2022, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 23,48 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 23,48 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

k). Đất cơ sở tôn giáo

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất cơ sở tôn giáo của thành phố Vinh dự kiến là 15,35 ha, chiếm 0,15 % diện tích tự nhiên, thực tăng 0,26 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 15,09 ha

* Chu chuyển tăng: 0,26 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác

Diện tích tăng để thực hiện 01 công trình: Mở rộng khuôn viên nhà thờ Giáo xứ Yên Đại.

l). Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Hiện trạng năm 2022, diện tích Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ,

nhà hỏa táng là 152,25 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 152,25 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

m) Đất chợ

Hiện trạng năm 2022, diện tích đất chợ là 15,20 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 15,20 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

10). Đất ở tại nông thôn

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất ở tại nông thôn của thành phố Vinh dự kiến là 1031,23 ha, chiếm 9,82 % diện tích tự nhiên, thực tăng 79,25 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 947,70 ha

* Chu chuyển tăng: 83,53 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 39,28 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 23,6 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 13,82 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản 3,19 ha;
- Đất giao thông 1,8 ha;
- Đất thủy lợi 0,89 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng 0,02 ha;
- Đất chưa sử dụng 0,93 ha;

Diện tích tăng để thực hiện 55 công trình, trong đó: 38 công trình chuyển tiếp; 17 công trình đăng ký mới

* Chu chuyển giảm: 4,18 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,1 ha;
- Đất giao thông 3,81 ha;
- Đất thủy lợi 0,22 ha;
- Đất ở tại đô thị 0,05 ha;

Diện tích giảm để thực hiện 27 công trình, trong đó: 26 công trình chuyển tiếp; 01 công trình đăng ký mới;

11). Đất ở đô thị

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất ở tại đô thị của thành phố Vinh dự kiến là 1337,39 ha, chiếm 12,74 % diện tích tự nhiên, thực tăng 134,58 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 1198,04 ha

* Chu chuyển tăng: 139,35 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 87,09 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 15,57 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 6,51 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản 5,67 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,67 ha;
- Đất giao thông 9,4 ha;
- Đất thủy lợi 5,62 ha;
- Đất ở tại nông thôn 0,05 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 4,83 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,8 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng 0,4 ha;
- Đất chưa sử dụng 2,74 ha;

Diện tích tăng để thực hiện 51 công trình, trong đó: 35 công trình chuyển tiếp; 17 công trình đăng ký mới

* Chu chuyển giảm: 4,78 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,48 ha;
- Đất giao thông 3,80 ha;
- Đất thủy lợi 0,26 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng 0,24 ha;

Diện tích giảm để thực hiện 29 công trình, trong đó: 20 công trình chuyển tiếp; 09 công trình đăng ký mới.

12). Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất xây dựng trụ sở cơ quan của thành phố Vinh dự kiến là 47,84 ha, chiếm 0,46 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1,9 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 45,94 ha

* Chu chuyển tăng: 1,9 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 1,82 ha;
- Đất giao thông 0,08 ha; Diện tích tăng để thực hiện 03 công trình: Xây dựng Trụ sở UBND xã Hưng Đông (mở rộng); Xây dựng Trụ Sở, nhà làm việc Cơ quan UBND xã Nghi Phú; Xây dựng trụ sở Tài nguyên và Môi trường.

13). Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Hiện trạng năm 2022, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 21,94 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 21,94 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

14). Đất sinh hoạt cộng đồng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất sinh hoạt cộng đồng của thành phố Vinh dự kiến là 27,39 ha, chiếm 0,27 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1,34 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 25,99 ha

* Chu chuyển tăng: 1,40 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 0,68 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 0,32 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 0,08 ha;
- Đất giao thông 0,08 ha;
- Đất ở tại đô thị 0,24 ha;

Diện tích tăng để thực hiện 06 dự án, trong đó: 04 dự án chuyển tiếp; 02 dự án đăng ký mới

* Chu chuyển giảm: 0,06 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,05 ha;
- Đất giao thông 0,01 ha;

Diện tích giảm để thực hiện 02 công trình: Xây dựng Đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài nội đường ven sông Lam (giai đoạn 1); Mở rộng trường Mầm non Trường Thi.

15). Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất khu vui chơi, giải trí công cộng của thành phố Vinh dự kiến là 44,16 ha, chiếm 0,42 % diện tích tự nhiên, thực tăng 1,11 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 38,22 ha

* Chu chuyển tăng: 5,94 ha do lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 3,49 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 0,63 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 0,23 ha;
- Đất giao thông 0,95 ha;
- Đất thủy lợi 0,58 ha;

- Đất chưa sử dụng 0,06 ha;

Diện tích tăng để thực hiện 06 dự án: Khu nhà ở trung tâm Nghi Kim; Khu đô thị tại xã Hưng Lộc;...

* Chu chuyển giảm: 4,83 ha do chuyển sang đất ở đô thị.

Diện tích giảm để thực hiện 03 dự án: Dự án cải tạo xây dựng chung cư D2; Xây dựng khu dân cư Golden City 10 (phần còn lại); Cải tạo khu A - Chung cư Quang Trung.

16). Đất cơ sở tín ngưỡng

Hiện trạng năm 2022, diện tích Đất cơ sở tín ngưỡng là 7,14 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 7,14 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

17). Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối của thành phố Vinh dự kiến là 403,48 ha, chiếm 3,84 % diện tích tự nhiên, thực giảm 0,40 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 403,88 ha

* Chu chuyển giảm: 0,80 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất ở tại đô thị: 0,80 ha;

Diện tích giảm để thực hiện 01 dự án: Khu đô thị ven sông Vinh

18). Đất có mặt nước chuyên dùng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất có mặt nước chuyên dùng của thành phố Vinh dự kiến là 197,1 ha, chiếm 1,88 % diện tích tự nhiên, thực tăng 4,76 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 190,96 ha

* Chu chuyển tăng: 3,85 ha do lấy các loại đất

- Đất trồng lúa 6,06 ha;

- Đất giao thông 0,08 ha;

Diện tích tăng để thực hiện dự án: Khu đô thị tại xã Hưng Lộc; Khu đô thị ven sông Vinh

* Chu chuyển giảm: 1,38 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,72 ha;

- Đất giao thông 0,24 ha;

- Đất ở tại nông thôn 0,02 ha;

- Đất ở tại đô thị 0,40 ha;

Diện tích giảm để thực hiện 05 dự án: Xây dựng đường Lê Ninh (phần còn lại); Khu tái định cư đường Lê Mao kéo dài (giai đoạn 2); Khu đô thị và triển lãm sông Lam;...

19). Đất phi nông nghiệp khác

Hiện trạng năm 2022, diện tích đất phi nông nghiệp khác là 0,42 ha, diện tích xác định theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 0,42 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2022.

Bảng 6: Chỉ tiêu nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2022		Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.007,32	57,21	6.348,26	60,46
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	282,20	2,69	281,86	2,68
2.2	Đất an ninh	CAN	33,72	0,32	37,12	0,35
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	99,27	0,95	99,27	0,95
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	20,27	0,19	20,27	0,19
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	150,94	1,44	159,00	1,51
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	188,53	1,80	190,61	1,82
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	29,69	0,28	29,69	0,28
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.306,84	21,97	2.412,36	22,97
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	1.515,24	14,43	1.594,55	15,19
-	Đất thủy lợi	DTL	213,39	2,03	210,66	2,01
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	28,89	0,28	28,94	0,28
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	51,14	0,49	55,46	0,53
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	203,70	1,94	222,52	2,12
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	45,34	0,43	50,04	0,48
-	Đất công trình năng lượng	DNL	18,76	0,18	19,55	0,19

-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	3,81	0,04	3,81	0,04
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON				
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	8,80	0,08	8,80	0,08
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	23,48	0,22	23,48	0,22
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	15,09	0,14	15,35	0,15
-	Đất chợ	DCH	150,32	1,43	150,32	1,43
2.10	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	4,61	0,04	4,61	0,04
2.11	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	9,07	0,09	9,07	0,09
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	15,20	0,14	15,20	0,14
2.13	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.14	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	26,05	0,25	27,39	0,26
2.15	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	43,05	0,41	44,16	0,42
2.16	Đất ở tại nông thôn	ONT	951,88	9,07	1.031,23	9,82
2.17	Đất ở tại đô thị	ODT	1.202,81	11,46	1.337,39	12,74
2.18	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	45,94	0,44	47,84	0,46
2.19	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	21,94	0,21	21,94	0,21
2.20	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.21	Đất tín ngưỡng	TIN	7,14	0,07	7,14	0,07
2.22	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	404,28	3,85	403,48	3,84
2.23	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	192,34	1,83	197,10	1,88
2.24	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,42	0,004	0,42	0,004

(Chi tiết theo từng xã xem tại Biểu 06/CH kèm theo)

3.3.3. Đất chưa sử dụng

Theo phương án kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, diện tích Đất chưa sử dụng của thành phố Vinh dự kiến là 166,97 ha, chiếm 1,59 % diện tích tự nhiên, thực giảm 6,69 ha so với năm 2022. Trong đó, biến động chi tiết như sau:

* Diện tích đất không thay đổi mục đích so với hiện trạng: 166,97 ha

* Chuyển giảm: 6,69 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất thương mại, dịch vụ 0,3 ha;
- Đất cơ sở thể dục thể thao 0,32 ha;
- Đất giao thông 2,02 ha;
- Đất công trình năng lượng 0,02 ha;
- Đất ở tại nông thôn 0,93 ha;
- Đất ở tại đô thị 2,74 ha;

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,06 ha;

Diện tích giảm để thực hiện 39 dự án, trong đó: 37 dự án chuyển tiếp; 02 dự án đăng ký mới.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Để thực hiện được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng thì ngoài khai thác quỹ đất chưa sử dụng, phải lấy thêm từ các loại đất đang sử dụng.

Bảng 7: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	334,25
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	221,85
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>221,85</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	65,80
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	30,14
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	16,46
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
	Trong đó:		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng phòng hộ	RPH/NKR(a)	
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng đặc dụng	RDD/NKR(a)	
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng sản xuất	RSX/NKR(a)	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR^a</i>	
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	24,48

(Chi tiết theo từng xã xem tại Biểu 07/CH kèm theo)

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Để xây dựng kế hoạch sử dụng đất có hiệu quả, cần chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên trong năm 2023 có nhu cầu thu hồi một số loại đất như sau:

Bảng 8: Kế hoạch thu hồi đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	308,42
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	215,08
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>215,08</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	63,18
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	15,22
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	14,94
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	44,63
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,65
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,45
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,67
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	26,69
	<i>Trong đó:</i>		

-	Đất giao thông	DGT	14,68
-	Đất thủy lợi	DTL	12,01
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	
-	Đất chợ	DCH	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,06
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,69
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	4,85
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	7,42
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,80
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,66
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

(Chi tiết theo từng xã xem tại Biểu 08/CH kèm theo)

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Để khai thác triệt để và có hiệu quả tiềm năng đất đai, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất các ngành; kế hoạch sử dụng đất trong năm 2023 sẽ khai thác diện tích đất chưa sử dụng vào các mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp, cụ thể như sau:

Bảng 9: Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6,69
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,30
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,66
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đất giao thông	DGT	2,32
-	Đất thủy lợi	DTL	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	

-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	0,32
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,02
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	
-	Đất chợ	DCH	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,06
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,93
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	2,74
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

(Chi tiết theo từng xã xem tại Biểu 09/CH kèm theo)

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

a) Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch;

b) Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai mà thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.

c) Các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh.

(Chi tiết tại Biểu 10/CH kèm theo)

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

Việc tính toán chi phí bồi thường của các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chỉ tính toán về bồi thường đất và hỗ trợ về đất; các chi phí về bồi thường tài sản gắn liền với đất như nhà ở, công trình khác, mồ mả, cây cối, hoa màu,... chưa được tính toán; các chi phí này sẽ được tính toán cụ thể, chi tiết khi triển khai lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho từng dự án, công trình và phải phối hợp với chủ đầu tư. Việc tính toán các khoản thu từ bán quyền sử dụng đất ở sẽ kéo dài nhiều năm mới có được số tiền dự toán, tiền cho thuê đất sẽ thu hàng năm sau khi hết thời hạn ưu đãi. Nhưng chi phí bồi thường đất phải có bố trí trong năm 2023 và dự toán thu chi chỉ mang tính khái toán, độ chính xác không cao nhưng đủ cơ sở để các chủ đầu tư xác định được nguồn vốn cần phải có để thực hiện bồi thường, thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất.

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Vinh được dựa trên những căn cứ: Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của UBND tỉnh Nghệ An quy định bồi thường hỗ trợ tái định cư nhà nước thu hồi đất tỉnh Nghệ An...

Dự kiến các khoản thu

Bao gồm thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, lệ phí cấp giấy chứng nhận và các loại thuế liên quan đến đất đai (thuế sử dụng đất, phí và lệ phí sử dụng đất).

- Thu tiền giao đất ở đô thị: 18.000.000 đ/m².
- Thu tiền khi giao đất ở nông thôn: 9.000.000đ/ m².
- Đất thương mại, dịch vụ: 5.500.000đ/ m².
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 5.000.000đ/ m².

Dự kiến các khoản chi

Bao gồm chi cho việc đền bù giải phóng mặt bằng, bồi thường hỗ trợ tái

định cư.

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa 90.000 đ/ m².
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm 90.000 đ/ m².
- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản 90.000 đ/ m².
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm 90.000 đ/ m².
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị 15.000.000 đ/ m².
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn 5.000.000 đ/ m².

Bảng 10: Ước tính thu chi từ đất cho năm kế hoạch 2023

Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (tỷ đồng)
I. Các khoản thu			31.029,95
- Thu tiền khi giao đất ở đô thị	127,63	18.000.000	22.973,400
- Thu tiền khi giao đất ở nông thôn	79,25	9.000.000	7.132,500
- Đất thương mại, dịch vụ	14,91	5.500.000	820,050
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	2,08	5.000.000	104
II. Các khoản chi			1.602,333
- Chi bồi thường đất ở đô thị	7,42	15.000.000	1.113,000
- Chi bồi thường đất ở nông thôn	4,85	5.000.000	242,5
- Chi bồi thường khi thu hồi đất lúa	196,29	90.000	176,661
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác năm	63,18	90.000	56,862
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	15,22	90.000	13,698
- Chi hỗ trợ giải quyết việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp	289,63	90.000	260,667
II. Cân đối thu chi (= I - II)			29.427,619

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố Vinh trong năm 2023. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất sau được UBND tỉnh phê duyệt, cần phải thực hiện các giải pháp như sau:..

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường. Cần hạn chế sử dụng quá nhiều phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp - thủy sản, tích cực làm giàu đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

- Thường xuyên, kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục. Giám sát chặt chẽ các khu, cụm công nghiệp, sản xuất kinh doanh, dịch vụ, làng nghề trong quá trình triển khai thực hiện dự án để đảm bảo bền vững về cả 3 mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Các dự án quy hoạch trước khi triển khai thực hiện cần phải xây dựng đề án bảo vệ môi trường chi tiết; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

- Tăng cường, ưu tiên triển khai và thực hiện quy hoạch các dự án công viên, cây xanh, quảng trường, hồ điều hòa tạo môi trường xanh, sạch, đẹp, góp phần cải tạo môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân thành phố trong giai đoạn hiện tại và tương lai.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Triển khai có hiệu quả các giải pháp tạo nguồn thu, chống thất thu, tiết kiệm chi, chống thất thoát trong đầu tư xây dựng để tạo nguồn phục vụ cho đầu tư phát triển, tăng tỷ lệ tích lũy nội bộ nền kinh tế địa phương.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất; ưu tiên lựa chọn thực hiện các dự án, công trình trọng điểm, công nghệ mới, có hiệu quả.

- Thực hiện giải pháp huy động nguồn lực đất đai, lựa chọn các vị trí có lợi thế, khu vực có trục giao thông, liền kề các chợ,... tạo quỹ đất sạch để đầu tư giá quyền sử dụng đất.

- Huy động tối đa các nguồn vốn sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

- Vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình, dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, nhà trẻ, các khu vui chơi, giải trí công cộng.

- Xây dựng và thực hiện đào tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai ở các xã, phường để đáp ứng yêu cầu về đổi mới ngành và hội nhập quốc tế.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Sau khi kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, UBND thành phố thông báo các phòng ban chuyên môn, các tổ chức chính trị, đoàn thể, tổ chức khác để công bố kế hoạch, công khai kế hoạch tại UBND thành phố và trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên panô, lồng ghép với các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết kế hoạch, thực hiện đúng kế hoạch được duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai, thực hiện kế hoạch sử dụng đất ở địa phương để có các giải pháp thực hiện tốt kế hoạch được phê duyệt.

- Chủ động triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo mục tiêu phát triển đô thị và phát triển kinh tế, xã hội bằng cách tăng cường việc phát triển quỹ đất, cung ứng cho nhà đầu tư theo kế hoạch sử dụng đất đã đề ra với nhiều phương thức (đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án,...).

- Khi có biến động lớn về nhu cầu sử dụng đất theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phải thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho phù hợp thực tiễn.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về đất đai để các tổ chức và nhân dân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, để sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả cao.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Vinh được xây dựng để phù hợp với thực tế của địa phương, các tiềm năng sẵn có trên địa bàn (thuận lợi, khó khăn về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội), thực hiện các mục tiêu định hướng năm 2023 về phát triển kinh tế xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh, đảm bảo tính bền vững môi trường sinh thái. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được lập, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất đai cho các đối tượng, các ngành và các lĩnh vực. Đồng thời là công cụ để thành phố thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo pháp luật.

Kế hoạch sử dụng đất đã tổng hợp, xử lý toàn bộ các thông tin, tư liệu, số liệu có liên quan về đất đai các cấp, các ngành trên địa bàn thành phố... trên cơ sở cân đối hài hoà giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai cũng như xem xét đến kế hoạch nguồn vốn để đầu tư các dự án của các chủ đầu tư. Đảm bảo được tính thực tiễn và có tính khả thi.

2. Kiến nghị

Để kế hoạch sử dụng đất phục vụ kịp thời mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố Vinh năm 2023, đáp ứng được đòi hỏi cấp bách về nhu cầu sử dụng đất của các ngành để thực hiện các dự án đầu tư. UBND thành phố Vinh kiến nghị:

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt “Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Vinh” để Ủy ban nhân dân thành phố Vinh có cơ sở thực hiện.

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt đề nghị các cấp, các ngành, các chủ đầu tư phối hợp với thành phố để thực hiện giải phóng mặt bằng và triển khai thực hiện các dự án. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ thành phố tới phường, xã, đảm bảo quản lý và sử dụng đất đai hợp lý, tiết kiệm, đúng mục đích và đạt hiệu quả cao theo đúng kế hoạch được duyệt và đúng pháp luật.

HỆ THỐNG BẢNG BIỂU

Phụ lục
Hệ thống biểu kế hoạch sử dụng đất năm 2023
thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 thành phố Vinh
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Vinh
3	Biểu 06/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Vinh
4	Biểu 07/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 của thành phố Vinh
5	Biểu 08/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 của thành phố Vinh
6	Biểu 09/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 của thành phố Vinh
7	Biểu 10/CH	Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2023 của thành phố Vinh
8	Biểu 13/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Vinh
9	Phụ lục 01	Tổng hợp các công trình, dự án đã thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn thành phố Vinh
10	Phụ lục 02	Tổng hợp các công trình, dự án hết hạn Nghị quyết và chưa thực hiện trong năm 2022 không đề xuất chuyển tiếp thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn thành phố Vinh
11	Phụ lục 03	Tổng hợp các công trình, dự án chưa thực hiện xong trong năm 2022 tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2023 trên địa bàn thành phố Vinh
12	Phụ lục 04	Tổng hợp các công trình, dự án dự kiến đề xuất mới năm 2023 trên địa bàn thành phố Vinh

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
CỦA THÀNH PHỐ VINH**

STT	Chi tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch 2022 được duyệt	Kết quả thực hiện đến 31/12/2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5-4)	(7)=(5)/(4)*100
	TỔNG DTTN		10.499,94	10.499,94		
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.721,05	4.318,97	597,92	116,07
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.680,28	2.061,04	380,76	122,66
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.094,47</i>	<i>1.420,64</i>	<i>326,17</i>	<i>129,80</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	633,91	752,69	118,79	118,74
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	888,46	933,64	45,19	105,09
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	108,82	108,82		100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	310,19	366,18	55,98	118,05
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	99,40	96,60	-2,80	97,18
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.623,78	6.007,32	-616,47	90,69
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	279,25	282,20	2,95	101,06
2.2	Đất an ninh	CAN	36,68	33,72	-2,96	91,94
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	99,27	99,27		100,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	21,52	20,27	-1,25	94,20
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	176,01	150,94	-25,06	85,76
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	175,18	188,53	13,35	107,62
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	29,69	29,69		100,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.574,19	2.306,84	-267,35	89,61
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.740,66</i>	<i>1.515,24</i>	<i>-225,42</i>	<i>87,05</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>221,59</i>	<i>213,39</i>	<i>-8,20</i>	<i>96,30</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>29,09</i>	<i>28,89</i>	<i>-0,20</i>	<i>99,31</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>58,32</i>	<i>51,14</i>	<i>-7,18</i>	<i>87,69</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>226,84</i>	<i>203,70</i>	<i>-23,14</i>	<i>89,80</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>52,49</i>	<i>45,34</i>	<i>-7,15</i>	<i>86,37</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>19,45</i>	<i>18,76</i>	<i>-0,69</i>	<i>96,45</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>3,81</i>	<i>3,81</i>		<i>100,00</i>
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>				
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>8,80</i>	<i>8,80</i>		<i>100,00</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>23,48</i>	<i>23,48</i>		<i>100,00</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>17,06</i>	<i>15,09</i>	<i>-1,97</i>	<i>88,45</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>141,10</i>	<i>150,32</i>	<i>9,22</i>	<i>106,53</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>4,61</i>	<i>4,61</i>		<i>100,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>9,07</i>	<i>9,07</i>		<i>100,00</i>
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>17,81</i>	<i>15,20</i>	<i>-2,61</i>	<i>85,36</i>
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	29,40	26,05	-3,35	88,59
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	79,37	43,05	-36,32	54,24
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.107,64	951,88	-155,76	85,94
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1.349,41	1.202,81	-146,60	89,14
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	46,37	45,94	-0,43	99,07
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	21,94	21,94		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	7,12	7,14	0,02	100,35
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	399,60	404,28	4,68	101,17
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	190,74	192,34	1,60	100,84

2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,42	0,42		100,00
3	<i>Đất chưa sử dụng</i>	<i>CSD</i>	<i>155,11</i>	<i>173,66</i>	<i>18,55</i>	<i>111,96</i>

KẾ HOẠCH CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
THÀNH PHỐ VINH

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																								
				Phường Bến Thủy	Phường Cửa Nam	Phường Đội Cung	Phường Đông Vinh	Phường Hà Huy Tập	Phường Hồng Sơn	Phường Hưng Bình	Phường Hưng Dũng	Phường Hưng Phúc	Phường Lê Lợi	Phường Lê Mao	Phường Quán Bàu	Phường Quang Trung	Phường Trung Đô	Phường Trường Thi	Phường Vinh Tân	Xã Hưng Chính	Xã Hưng Đông	Xã Hưng Hòa	Xã Hưng Lộc	Xã Nghi Ân	Xã Nghi Đức	Xã Nghi Kim	Xã Nghi Liên	Xã Nghi Phú
(a)	(b)	(c)	(d)=(1)+...+(25)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	334,25	6,28	0,37	0,05	12,34	1,29	0,10	0,31	14,98	0,21	0,95		4,04	0,02	0,05		37,62	71,79	21,84	12,61	43,49	29,34	8,40	21,29	18,77	28,11
	<i>Trong đó:</i>																											
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	221,85				5,31				9,64				0,55				32,16	64,26	14,55	6,02	31,58	16,13	2,22	8,65	9,28	21,50
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>221,85</i>				<i>5,31</i>				<i>9,64</i>				<i>0,55</i>				<i>32,16</i>	<i>64,26</i>	<i>14,55</i>	<i>6,02</i>	<i>31,58</i>	<i>16,13</i>	<i>2,22</i>	<i>8,65</i>	<i>9,28</i>	<i>21,50</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	65,80	4,77			5,25	0,40		0,11	2,25		0,21		1,08	0,02			0,89	2,80	5,53	1,79	3,67	9,45	3,17	11,20	8,63	4,58
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	30,14	0,92	0,37	0,05	0,82	0,89	0,10	0,20	1,54	0,21	0,70		2,41		0,05		2,46	1,58	0,47	2,66	6,42	3,56	2,16	0,58	0,86	1,13
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN																										
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN																										
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN																										
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>																										
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	16,46	0,59			0,96				1,55		0,04						2,11	3,15	1,29	2,14	1,82	0,20	0,85	0,86	0,90	
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN																										
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN																										
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp																											
	<i>Trong đó:</i>																											
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN																										
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP																										
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS																										
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU																										
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS																										
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU																										
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng phòng hộ	RPH/NKR(a)																										
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng đặc dụng	RDD/NKR(a)																										
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng sản xuất	RSX/NKR(a)																										
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR^a</i>																										
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	24,48	0,80	1,71		1,13								0,15	7,49			2,46	3,62	0,46		3,95	0,80	1,00	0,70	0,21	

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
THÀNH PHỐ VINH**

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																		Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú	
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON	MNC							CSD
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh																												
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh																												
1.1.1	Dự án đất an ninh	3,40		3,40																									
1	Cơ sở doanh trại Công an thành phố Vinh	3,40		3,40	3,40																			xã Nghi Phú	CAN	2021	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 9272/QĐ-BCA-H01 ngày 04/11/2020 của Bộ công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Thông báo số 9069/TB-H01-P3 ngày 30/12/2022 của Bộ công an về việc chi tiêu kế hoạch vốn xây dựng trong ngân sách an ninh năm 2023	
1.1.2	Dự án đất quốc phòng	0,31		0,31																									
2	Xây dựng doanh trại cụm 7-bộ Tham mưu-Quân khu IV	0,31		0,31	0,31																			xã Hưng Đông	CQP	2019	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 4315/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng doanh trại cụm 7; Văn bản số 7045/UBND-TCKH ngày 22/10/2021 của UBND thành phố Vinh về việc đề nghị hỗ trợ khác thực hiện dự án Xây dựng doanh trại cụm 7	
1.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất	82,99		82,99																									
3	Đường Lê Mao kéo dài (Dự án WB) (Đăng ký kế hoạch đợt 1)	0,56		0,56		0,13	0,03									0,40								phường Vinh Tân	DGT	2022 BS		Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An", vay vốn WB	
4	Đường Cao Xuân Huy (Dự án WB) (Đăng ký kế hoạch đợt 1)	0,98		0,98		0,29	0,13	0,20								0,36								phường Vinh Tân	DGT	2022 BS		Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An", vay vốn WB	
5	Đường Trần Nguyễn Hân (Dự án WB) (Đăng ký kế hoạch đợt 1)	1,25		1,25	0,10	0,59	0,20									0,20								phường Đông Vinh, phường Cửa Nam, xã Hưng Chính	DGT	2022 BS		Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An", vay vốn WB	
6	Trạm bơm hơi chùa (Dự án WB) (Đăng ký kế hoạch đợt 1)	0,78		0,78	0,50												0,28							xã Hưng Hòa	DTL	2022 BS		Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An", vay vốn WB	
7	Xây dựng hồ điều hòa Hưng Hòa 2 (Dự án WB) (Đăng ký kế hoạch đợt 1)	1,06		1,06	0,98												0,08							xã Hưng Hòa	DKV+MNC	2022 BS		Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An", vay vốn WB	
8	Xây dựng hệ thống kênh dẫn nối giữa hồ Hưng Hòa 2 với hồ Hưng Hòa 1 (hợp phần 2) dự án WB	1,30		1,30	0,90												0,40							xã Hưng Hòa	DTL	2023		Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An", vay vốn WB	
9	Nâng cấp sông Vinh (Dự án WB) (Đăng ký kế hoạch đợt 1)	1,44		1,44																				phường Cửa Nam, phường Hồng Sơn, phường Vinh Tân	SON	2022 BS		Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An", vay vốn WB	
10	Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An (giai đoạn 4)	40,40		40,40	33,65	2,10	1,22	1,56															0,75	xã Hưng Chính	ODT+TMD+DHT	2022 BS		Quyết định số 10/2015/QĐ-TTg ngày 03/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 2 Quy hoạch chế biến của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 21/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 67/2014/QĐ-TTg ngày 04/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ	
11	Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An (giai đoạn 5A)	35,22		35,22	25,13	3,98	1,23	1,49									2,50						0,89	xã Hưng Chính	ODT+TMD+DHT	2022 BS		Quyết định số 10/2015/QĐ-TTg ngày 03/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 2 Quy hoạch chế biến của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 21/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 67/2014/QĐ-TTg ngày 04/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ	
2	Các công trình, dự án còn lại																												
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất																												
2.1.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,83		1,83																									
1	Xây dựng Trụ sở UBND xã Hưng Đông (mở rộng)	0,53	0,46	0,07	0,07																			xã Hưng Đông	TSC	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất, Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 5712/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trụ sở UBND xã Hưng Đông	
2	Xây dựng Trụ Sở, nhà làm việc Cơ quan UBND xã Nghi Phú	0,68		0,68	0,68																			xã Nghi Phú	TSC	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh; Quyết định số 5344/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND thành phố Vinh phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500;	
3	Xây dựng trụ sở Tài nguyên và Môi trường	1,15		1,15	1,07											0,08								xã Nghi Phú	TSC	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất, Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
2.1.3	Dự án đất giao thông	60,82	35,96	24,86																									

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																			Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON	MNC	CSD						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
4	Đường Hoàng Văn Bá, xã Hưng Lộc	0,50		0,50	0,20	0,30																		xã Hưng Lộc	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP về việc phê duyệt Quyết định số chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh	
5	Nâng cấp, cải tạo đường Trần Thánh Tông, xã Hưng Lộc	0,20		0,20	0,15	0,05																		xã Hưng Lộc	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP về việc phê duyệt Quyết định số chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh	
6	Tuyệt đường quy hoạch nối để bao sông Vinh với đường tránh thành phố Vinh (giai đoạn 1)	4,50		4,50	4,50																			phường Vinh Tân	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP Vinh Quyết định số chủ trương đầu tư các dự án; Quyết định số 8956/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
7	Chỉnh trang khu dân cư hiện hữu (giải quyết đơn thư của ông Nguyễn Bá Dũng)	0,02		0,02																				xã Hưng Chính	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Công văn số 2788/UBND-TNMT ngày 21/5/2021 của UBND Thành phố về giải quyết đơn thư	
8	Chỉnh trang khu dân cư xã Nghi Kim (giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn Tài)	0,01		0,01																				xã Nghi Kim	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Văn bản số 176/TT-UBND ngày 29/9/2021 của UBND xã Nghi Kim về giải quyết đơn	
9	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tại các xóm Mậu Đon, xóm Ngũ Lộc và xóm 12	0,04		0,04	0,02		0,02																	xã Hưng Lộc	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 6058/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
10	Đường Trần Minh Tông (đoạn từ đường Trần Tấn đến đường Tuệ Tĩnh), thành phố Vinh	0,75		0,75	0,03	0,72																		xã Hưng Lộc	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP về việc phê duyệt Quyết định số chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
11	Đường Quy hoạch 24m xã Nghi Phú (nối đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến đường Nguyễn Văn Tố) và công nghệ ứng dụng cục bộ đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	4,20		4,20	2,00	1,00	0,80	0,20																xã Nghi Phú, xã Nghi Đức	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án trong kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
12	Đường quy hoạch 24m nối đường Lý Tự Trọng và đường 72m, phường Hà Huy Tập, xã Nghi Phú	2,35		2,35	1,56	0,20	0,29																	xã Nghi Phú, phường Hà Huy Tập	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án trong kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
13	Mở rộng, nâng cấp đường giao thông liên xã Nghi Ân-Nghi Trường (từ Quốc lộ 46 qua xóm Hòa Hợp) xã Nghi Ân	0,75		0,75	0,02	0,23	0,30	0,10																xã Nghi Ân	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 6370/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND thành phố về chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
14	Đường quy hoạch 7m từ đường 535 đi đường Sư Vạn Hạnh	0,10		0,10	0,07		0,03																	xã Nghi Đức	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 6141/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
15	Đường dân cư từ đường Nguyễn Phi Ý Lan đi xóm Xuân Đức	0,10		0,10	0,07		0,03																	xã Nghi Đức	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 6150/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
16	Đường Hải Thương Lân Ông rộng 24m (từ đường Bùi Huy Bích đến đường quy hoạch 24m)	2,14		2,14	0,50	0,54	0,30	0,18																xã Hưng Lộc	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP về việc phê duyệt Quyết định số chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
17	Đường Lý Nhật Quang, phường Bến Thủy	0,55		0,55		0,10	0,32	0,10																phường Bến Thủy	DGT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 8541/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường Lý Nhật Quang, phường Bến Thủy; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
	Đường gom từ đường Hòa Thịnh đến Đài tưởng niệm xã Hưng Hòa	0,96	0,06	0,90	0,20			0,20																		2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh		

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																			Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON	MNC	CSD						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
18	Đường gom từ đường Hòa Thịnh đến Đài tưởng niệm xã Hưng Hòa (Phần bổ sung diện tích)	1,00		1,00		0,60	0,30	0,10																xã Hưng Hòa	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định 4745/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND thành phố Vinh về chủ trương đầu tư dự án: Đường gom từ đường Hòa Thịnh đến Đài tưởng niệm xã Hưng Hòa; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
19	Đường quy hoạch 18m nối đường Hòa Thái với đường Trung tâm xã Hưng Hòa	0,50		0,50	0,05			0,20																xã Hưng Hòa	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định 4240/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND TP Vinh về chủ trương đầu tư dự án: Đường quy hoạch 18m nối đường Hòa Thái với đường Trung Tâm xã Hưng Hòa; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
20	Nâng cấp đường Hòa Thịnh, xã Hưng Hòa (Phần diện tích đăng ký bổ sung)	0,23	0,16	0,07		0,08																		xã Hưng Hòa	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 6989/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp đường Hòa Thịnh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
	Nâng cấp đường Hòa Thịnh, xã Hưng Hòa	0,20		0,20	0,20																						2021 BS		
21	Nâng cấp đường Cao Xuân Dục	0,05		0,05																				phường Bến Thủy	DGT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND thành phố Vinh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp Đường Cao Xuân Dục; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
22	Mở rộng đường Kim Đồng, phường Hưng Phúc	0,05		0,05																				phường Hưng Phúc	DGT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 8484/QĐ-UBND ngày 18/12/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình Dự án mở rộng đường Kim Đồng; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
23	Cải tạo, nâng cấp đường Lê Lai, phường Lê Lợi	0,02		0,02																				phường Lê Lợi	DGT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 6190/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND thành phố Vinh về quyết định chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
24	Hành lang giao thông trước Cơ sở doanh trại Công an thành phố Vinh và Nhà văn hóa xóm 23	0,18		0,18	0,18																			xã Nghi Phú	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	
25	Đường 12m từ đường Nguyễn Cảnh Hoan đến đường Namjangju	2,90		2,90		0,60	2,30																	phường Quán Bàu	DGT	2021 BS	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
26	Xây dựng đường giao thông từ Quốc lộ 1A (ngã ba Quán Bàu) đến đại lộ Xô Viết Nghệ Tĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (phần còn lại)	0,17		0,17			0,06																	xã Nghi Phú	DGT	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 11/06/2004 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt dự án đầu tư; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
27	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 18m nối QL46 nối Đại lộ Vinh, Cửa Lò	4,25		4,25	1,41	1,70	0,98																	xã Nghi Ân, xã Nghi Đức	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 13/05/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án; Quyết định số 4040/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 18m nối Quốc Lộ 46 với Đại lộ Vinh - Cửa Lò (Phần bổ sung diện tích)	0,52		0,52		0,52																		xã Nghi Ân, xã Nghi Đức	DGT	2023			
28	Nâng cấp đường Yên Dũng Thượng	0,005		0,005																				phường Hưng Dũng	DGT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND thành phố Vinh về bổ sung, điều chỉnh Chủ trương dự án: Nâng cấp đường Yên Dũng Thượng, phường Hưng Dũng; Quyết định số 3890/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp đường Yên Dũng Thượng, phường Hưng Dũng; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
29	Nâng cấp tuyến đường Nguyễn Trường Tộ (Đoạn từ công trường Đại học kinh tế Nghệ An đến giáp xã Nghi Kim)	0,54		0,54	0,54																			xã Hưng Đông	DGT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 26/10/2020 của HĐND thành phố Vinh về chủ trương đầu tư các dự án; Quyết định số 6954/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: nâng cấp tuyến đường Nguyễn Trường Tộ (Đoạn từ công trường Đại học kinh tế Nghệ An đến giáp xã Nghi Kim); Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
30	Nâng cấp, cải tạo đường từ đường Lê Viết Thuật đi nghĩa trang thành phố, xã Hưng Lộc	0,20		0,20	0,15		0,05																	xã Hưng Lộc	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP về việc phê duyệt Quyết định số chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh; Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Vinh	
31	Đường Hải Thượng Lãn Ông rộng 24 m (điểm đầu đường Trường Văn Linh, điểm cuối giao đường Bùi Huy Bích)	0,42		0,42		0,10	0,12																	xã Nghi Phú, phường Hà Huy Tập	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP về việc phê duyệt Quyết định số chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
32	Đường gom dân sinh dọc tuyến đê Tả Lam (giai đoạn 1), xã Hưng Hòa	0,50		0,50		0,30	0,20																	xã Hưng Hòa	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 8346/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật của UBND thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Cơ cấu pháp lý	Ghi chú			
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON							MNC	CSD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	
33	Xây dựng Đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài nối đường ven sông Lam (giai đoạn 1)	11,21	11,11	0,10	0,10																			phường Hưng Dũng	DGT	2023	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh; Quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình		
		0,71	0,71																				xã Hưng Lộc	DGT						
		16,98	16,78	0,20	0,20																			xã Hưng Hòa	DGT					
34	Đường trục chính từ Quốc lộ 46 đến trung tâm xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh lộ 8B	1,49		1,49	0,11	0,70	0,28	0,10																	xã Hưng Chính	DGT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt dự án đầu tư; Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Văn kiến dự án; Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Hơp phần tỉnh Nghệ An, vay vốn ADB	
35	Xây dựng tuyến đường Lý Thường Kiệt, thành phố Vinh và hạ tầng khu công viên, bãi đỗ xe, nhà văn hóa khối và chia lô tái định cư tại khối Vinh Phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh (phần đăng ký lần đầu và đăng ký bổ sung)	3,10	1,33	1,77		0,21				0,60		0,01											0,30	phường Hưng Bình, phường Hưng Phúc	DGT	2023	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Văn bản số 98/HĐND-VP ngày 12/7/2019 về việc chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng tuyến đường Lý Thường Kiệt, thành phố Vinh và hạ tầng khu công viên, bãi đỗ xe, nhà văn hóa khối và chia lô tái định cư tại khối Vinh Phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh; Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND TP Vinh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh		
36	Xây dựng đường Lê Ninh (phần còn lại)	0,80		0,80	0,05																				phường Quán Bàu	DGT	2023	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 4071/QĐ-UBND ngày 10/07/2018 của UBND TP. Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
37	Xây dựng đường quy hoạch 21,5m tại phường Vinh Tân	1,40		1,40		0,61	0,49	0,30																	phường Vinh Tân	DGT	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 6376/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng đường quy hoạch 21,5m tại phường Vinh Tân; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
38	Hạ tầng kỹ thuật chia lô đất ở xóm Trung Mỹ, Mỹ Long, xã Hưng Đông (bổ sung diện tích làm đường)	0,35		0,35				0,02																	xã Hưng Đông	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 29/03/2021 của UBND TP Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh QH chia lô đất ở tại xóm Trung Mỹ, Mỹ Long, Mỹ Hòa xã Hưng Đông; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
39	Xây dựng tuyến đường D3, N3 vào cụm công nghiệp xã Hưng Đông, thành phố Vinh	3,63	3,03	0,60										0,30	0,30										xã Hưng Đông	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 3030/QĐ-UBND-CN ngày 17/7/2013 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Tuyến đường D3, N3 vào cụm công nghiệp xã Hưng Đông; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
40	Xây dựng đường Bàu Đông	1,10		1,10	0,50	0,50		0,10																	xã Hưng Đông	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 807/UBND ngày 21/7/2021 của UBND xã Hưng Đông v/v phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư, giá gói thầu công trình: Xây dựng đường Bàu Đông, xã Hưng Đông	
41	Xây dựng đường giao thông Hòa Thái, xã Hưng Hòa, thành phố Vinh nối từ đường ven Sông Lam đến đê môi trường (Gđ1)	3,30	2,74	0,56																					xã Hưng Hòa	DGT	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 5119/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư: xây dựng đường giao thông Hòa Thái, xã Hưng Hòa; Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 7/3/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc xử lý vốn còn lại chưa giải ngân thuộc kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022		
	Xây dựng đường giao thông Hòa Thái nối đường ven sông Lam đến đê Môi trường (giai đoạn 1) (bổ sung diện tích)	0,60		0,60	0,56																									
42	Đường quy hoạch 18m từ đường Lê Lợi đến đường Hoàng Xuân Hãn	1,26		1,26								1,13													phường Lê Lợi	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Công văn số 195/HĐND-VP ngày 6/7/2020 của hội đồng nhân dân thành phố Vinh v/v quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đường quy hoạch 18m từ đường Lê Lợi đến đường Hoàng Xuân Hãn, phường Lê Lợi; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
43	Xây dựng đường QH giữa nhà Trưng niệm Nguyễn Thị Minh Khai và rạp chiếu phim 12/9	0,01		0,01							0,01														phường Quang Trung	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Quyết định số 4416/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND thành phố Vinh v/v phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng đường quy hoạch giữa nhà Trưng niệm Nguyễn Thị Minh Khai và rạp chiếu phim 12/9; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
44	Mở rộng Bến xe phía Đông	0,84	0,04	0,80				0,80																	xã Nghi Phú	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 110/QĐ-UBND chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh Nghệ An	
45	Xây dựng Đường giao thông phía sau trường Trung học xã Nghi Phú 2, xóm 23	0,11		0,11	0,11																				xã Nghi Phú	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết 21 ngày 30/7/2021 của HĐND xã Nghi Phú về việc UBND xã quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm C	
46	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Nhật Duật	0,02		0,02																					phường Đông Vinh	DGT	2021 BS	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
47	Xây dựng đường Hồ Quý Ly (đoạn từ đường Hồ Sỹ Tân đến đường Nguyễn Văn Trỗi)	0,90		0,90																					phường Bến Thủy	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 7729/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố Vinh v/v phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Xây dựng đường Hồ Quý Ly (đoạn từ đường Hồ Sỹ Tân đến đường Nguyễn Văn Trỗi), phường Bến Thủy, thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
48	Thu hồi đất phần ảnh hưởng dự án đường 72 m đoạn qua xã Hưng Đông (giải quyết đơn thư của bà Lê Thị Tuyết)	0,01		0,01																					xã Hưng Đông	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Công văn số 6016/UBND-TNMT ngày 14/9/2021 của UBND Thành phố về giải quyết đơn thư	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																			Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú			
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON	MNC	CSD									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)			
49	Thu hồi phần ảnh hưởng dự án mở rộng đường Hải Thượng Lãn Ông và đường quy hoạch rộng 9m	0,01		0,01											0,01										xã Hưng Lộc	DGT	2022	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;	Văn bản số 297/TTr-UBND ngày 29/9/2021 của UBND xã Hưng Lộc; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
50	Thông tuyến ngõ A3 đường Herman Gmeiner	0,02		0,02												0,02									phường Hưng Phúc	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất;	Công văn số 7129/UBND-TNMT ngày 26/10/2021 của UBND Thành phố về chủ trương TDC; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
51	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư (đề đầu giá và tái định cư) tại khối Vĩnh Thịnh (bổ sung diện tích để kéo dài tuyến đường giao thông D2)	0,27		0,27	0,18											0,09									phường Đông Vinh	DGT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;	Quyết định số 7380 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết ngày 9/12/2019; Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của HĐND số 105 ngày 10/3/2020; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
2.1.4	Dự án đất thủy lợi	3,91	0,04	3,87																												
52	Xây dựng hệ thống mương tưới vùng rau Đông Vinh, xã Hưng Đông (phần còn lại)	0,21		0,21		0,21																			xã Hưng Đông	DTL	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 4410/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND xã Hưng Đông về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023			
53	Mương thoát nước vùng nông nghiệp ven hồ điều hòa - Tuyến mương T2 (phía Tây hồ điều hòa)	0,16		0,16	0,16																				xã Hưng Lộc	DTL	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nhân dân thành phố Vinh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Mương thoát nước vùng nông nghiệp ven hồ điều hòa; Công văn số 203/HĐND-VP ngày 07/11/2018 của Hội đồng Nhân dân thành phố Vinh về việc điều chỉnh bổ sung chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Mương thoát nước vùng nông nghiệp ven hồ điều hòa; Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Mương thoát nước vùng nông nghiệp ven hồ điều hòa; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về			
		0,69	0,59	0,10	0,10																				xã Hưng Hòa		2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng				
54	Dự án mương thoát nước xóm 1 đến xóm 5, xã Nghi Kim	0,33		0,33	0,23	0,10																			xã Nghi Kim	DTL	2021 BS	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
55	Xây dựng đường, mương quy hoạch 12m, khối 9, phường Lê Lợi	0,51		0,51		0,11	0,20																		phường Lê Lợi	DTL	2023	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND phường Lê Lợi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
56	Cải tạo kênh dẫn (đoạn từ hồ Vinh.Tân đến trạm bơm) và âu chứa nước trạm bơm phía Nam	0,25		0,25	0,15	0,10																			phường Vinh Tân	DTL	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 6291/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
57	Mương thoát nước từ Quốc lộ 46 đến kênh Rào Trường	0,29		0,29	0,02	0,12	0,15																		xã Nghi Ân	DTL	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 6369/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND thành phố về chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
58	Mương thoát nước từ đường Phan Thúc Trục đến mương T4	0,36		0,36		0,30																			phường Đông Vinh	DTL	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 09 tháng 08 năm 2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ; điều chỉnh giá các gói thầu thuộc công trình: Mương thoát nước từ đường Phan Thúc Trục đến mương T4; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
59	Hệ thống kênh tưới, tiêu vùng Đông xã Nghi Liên (giai đoạn 3: từ xóm Kim Chi đến Phố Môn)	3,00		3,00	2,50	0,50																			xã Nghi Liên	DTL	2021 BS	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
60	Chống ngập úng cục bộ khu vực xóm 1,2, 3, xã Nghi Kim	0,06	0,04	0,02			0,02																		xã Nghi Kim	DTL	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 7677/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND Thành phố về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.			
61	Công trình Kênh tiêu chính từ Nghi Ân đi rào Đưng - Nghi Thái, thành phố Vinh	0,20		0,20	0,16	0,04																			xã Nghi Đức	DTL	2021 BS	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
2.1.5	Dự án đất văn hóa	0,41		0,41																												
62	Xây dựng Nhà văn hóa khối Vinh Quang	0,11		0,11		0,11																			phường Hưng Bình	DSH	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 4456/QĐ-UBND ngày 07/09/2021 về việc phê duyệt QH chi tiết tỷ lệ 1/500			
63	Xây dựng nhà văn hóa khối Vinh Quang	0,23		0,23	0,23																				phường Đông Vinh	DSH	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 5801/QĐ-UBND ngày 2/10/2018 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hoá khối Vinh Quang, phường Đông Vinh			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																			Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú		
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON	MNC	CSD								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)		
64	Nhà văn hóa khối Tân Lâm	0,20		0,20												0,20									phường Hưng Dũng	DSH	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 8436/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND thành phố Vinh về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nhà văn hóa khối Tân Lâm, phường Hưng Dũng; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh		
65	Xây dựng nhà văn hóa khối 4	0,04		0,04												0,04									phường Bến Thủy	DSH	2021 BS	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh		
66	Xây dựng nhà văn hóa xóm Nam Liên (xóm 18B cũ)	0,17		0,17	0,17																				xã Nghi Liên	DSH	2023	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh		
2.1.6 Dự án đất nông lượng		0,01		0,01																											
67	Cải tạo đường dây 110kV Hưng Đông - Can Lộc và Hưng Đông - Linh Cảm	0,17		0,17	0,16																					xã Hưng Chính	DNL	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 2432/QĐ-BCT ngày 15/9/2020 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi	
		0,17		0,17	0,16																					phường Đông Vinh	DNL				
68	Cây TBA CQT, giảm bán kính cấp điện, nâng cao điện áp để giảm số lượng khách hàng sinh hoạt có điện áp thấp khu vực TP Vinh, huyện Yên Thành, Diễn Châu, Nam Đàn tỉnh Nghệ An	0,04		0,04	0,02	0,02																			xã Hưng Lộc	DNL	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số: 2449/QĐ-EVNNPC ngày 15/9/2020 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc		
69	Xử lý khoáng cách pha đất thấp và giảm thiểu vi phạm HLLDCA tại huyện Yên Thành, Đô Lương, Nam Đàn, Nghi Lộc, Diễn Châu, Anh Sơn, TX Cửa Lò, thành phố Vinh	0,03		0,03	0,03																				xã Hưng Lộc, phường Đông Vinh, xã Nghi Đức	DNL	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 3792/QĐ-PCNA ngày 25/8/2021 của Điện lực Nghệ An về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư dự án		
70	Cây TBA, Giảm bán kính cấp điện, giảm TĐDN các TBA HTX Hưng Đông, T2 xã Hưng Đông, TBA Mai Lộc, TBA 1,2,3,4 xã Nghi Kim, TBA TĐ 764, xã Nghi Ân 1,2,4,6,8,9, Châu Hưng	0,06		0,06	0,06																				xã Nghi Ân, xã Hưng Đông	DNL	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 6262/QĐ-PCNA ngày 24/12/2020 của Công ty Điện lực NA về việc phê duyệt BCKTKT công trình		
71	Xây dựng xuất tuyến từ trạm 110kV Hưng Nguyên kết nối chống quá tải, tạo mạch vòng liên thông cho đường dây 478E15.1 khu vực phía Tây Bắc TP. Vinh	0,02		0,02	0,02																				xã Hưng Đông, phường Quán Bàu	DNL	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Số: 2570/PCNA-BDA ngày 20/8/2020 của Giám đốc Công ty Điện lực Nghệ An		
72	Cây TBA giảm bán kính cấp điện, giảm TĐDN các TBA HTX Hưng Đông, T2 Hưng Đông, TBA xóm Mai Lộc, TBA 1,2,3,4 Nghi Kim, TBA TĐ 764, Nghi Ân 1,2,4,6,8,9 Châu Hưng, TP Vinh	0,06		0,06	0,05	0,01																			xã Hưng Lộc, xã Nghi Phú, xã Nghi Kim, xã Hưng Đông, phường Vinh Tân	DNL	2021 BS	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất		
73	Xây dựng DZ kết nối mạch vòng liên thông chống quá tải từ trạm 110kV Hưng Hòa DZ 477E15.16 với lưới điện 22 kV trạm 220kV Hưng Đông và trạm 110kV Hưng Nguyên	0,06		0,06	0,04	0,02																			xã Hưng Lộc, xã Nghi Phú	DNL	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Số: 2570/PCNA-BDA ngày 20/8/2020 của Giám đốc Công ty Điện lực Nghệ An		

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																			Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú			
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON	MNC	CSD									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)			
74	Chống quá tải các xã Nghi Kim, Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	0,01		0,01	0,01																				xã Nghi Phú	DNL	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 630/QĐ-PCNA ngày 22/02/2017 của Công ty Điện lực Nghệ An về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng, Công trình: Chống quá tải các xã Nghi Kim, Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An			
		0,01		0,01	0,01																				xã Nghi Kim							
75	Giảm TBA, CQT, giảm bán kính cấp điện, giám TTDN khu vực: TP Vinh, huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn, Đô Lương	0,03		0,03	0,03																				phường Vinh Tân, xã Hưng Đông	DNL	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số: 1143/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 của TCT Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao Kế hoạch vốn bổ sung năm 2022			
76	CQT, giảm bán kính cấp điện lưới điện hạ áp, giám TTDN khu vực xã: Nghi Liên, Nghi Mỹ, Hưng Yên Bắc, Nghi Tiến, Hưng Tây, Nghi Trường, Nghi Long huyện Nghi Lộc	0,05		0,05	0,04	0,01																			xã Nghi Liên	DNL	2021 BS	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 25/03/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất			
77	Cải tạo Đường dây 380 xã Hưng Đông - 373 Cửa Lò	0,03		0,03	0,02	0,01																			xã Hưng Đông, xã Nghi Kim, xã Nghi Liên	DNL	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 3598/QĐ-PCNA của Công ty Điện lực Nghệ An ngày 10/9/2019 v/v phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật			
78	Giảm TBA, CQT, giảm bán kính cấp điện, giám TTDN khu vực: thị xã Cửa Lò, Hoàng Mai, Nghi Lộc, Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu	0,01		0,01	0,01																				xã Nghi Liên	DNL	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	số: 1143/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 của TCT Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao Kế hoạch vốn bổ sung năm 2022			
2.1.7	Dự án đất cơ sở giáo dục - đào tạo	10,12	1,43	8,69																												
79	Mở rộng trường mầm non Nghi Kim	0,30		0,30	0,30																				xã Nghi Kim	DGD	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
80	Xây dựng trường THCS xã Nghi Phú	1,43		1,43	1,30	0,13																			xã Nghi Phú	DGD	2022 BS	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất;	Quyết định số 7762/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND Thành phố phê duyệt quy hoạch; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư (Phụ lục 15)			
81	Mở rộng cơ sở 1 - Trường Đại học Vinh	13,60	13,43	0,17																					phường Trường Thi	DGD	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 5169/QĐ-UBND-ĐTXD ngày 10/10/2014 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch; Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về Kế hoạch đầu tư công 2023			
82	Xây dựng mới trường THPT chuyên Phan Bội Châu (phần còn lại)	7,32	2,18	5,14	4,02	1,12																			xã Nghi Ân	DGD	2023	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 28/2/2023 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500			
83	Mở rộng trường tiểu học và THCS Nghi Kim	0,43		0,43	0,43																				xã Nghi Kim	DGD	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
84	Mở rộng trường Mầm non Trường Thi	0,33	0,28	0,05																					phường Trường Thi	DGD	2023	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của UBND Thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
85	Mở rộng và đầu tư các hạng mục trường Tiểu học Nghi Phú 1	0,99	0,69	0,30	0,30																				xã Nghi Phú	DGD	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
86	Mở rộng và đầu tư các hạng mục trường Mầm non Nghi Phú	0,66	0,46	0,20	0,20																				xã Nghi Phú	DGD	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
87	Trường THCS Nghi Ân cơ sở 2 (giai đoạn 2)	1,00		1,00		0,70	0,20																		xã Nghi Ân	DGD	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh; ; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/6/2022 của HĐND thành phố Vinh về quyết định chủ trương đầu tư (Phụ lục 21			
88	Mở rộng trường mầm non Nghi Liên (cơ sở 2)	0,71		0,71		0,70																			xã Nghi Liên	DGD	2021 BS	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
89	Đầu tư cơ sở vật chất Trường Đại học Y khoa Vinh cơ sở 2	6,00		6,00	6,00																				xã Hưng Lộc	DGD	2022	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 25/3/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 25/03/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 4064/QĐ-UBND ngày 30/10/2021 của UBND thành phố Vinh về phê duyệt dự án; Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về Kế hoạch đầu tư công 2023			
2.1.8	Dự án đất cơ sở thể dục, thể thao	2,30	2,23	0,07																												
90	Xây dựng Sân vận động và các hạng mục phụ trợ	2,30	2,23	0,07	0,02	0,05																			xã Hưng Đông	DTT	2023	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 15/05/2018 v/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 sân vận động xã Hưng Đông; Công văn số 190/HĐND-VP ngày 10/10/2018 của HĐND thành phố về việc chủ trương đầu tư			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú				
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON							MNC	CSD		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)		
2.1.9	Dự án đất ở nông thôn	103,33	17,80	83,87																											
91	Hạ tầng chia lô đất ở khu tập thể và vùng ao nhà máy chè Vinh thuộc xóm 13B	0,68		0,68		0,30	0,28																0,10	xã Nghi Kim	ONT	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích	Quyết định số 6216/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư			
92	Xây dựng nhà ở xã hội cho cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Nghệ An tại xã Nghi Phú	1,10		1,10	0,94																		0,02	xã Nghi Phú	ONT	2022	Nghị quyết số 3039/QĐ-UBND ngày 28/06/2016 của UBND tỉnh Nghệ An v/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (điều chỉnh) tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở chung cư và liên kế cho cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Nghệ An; Giấy chứng nhận đầu tư số 4517722160 cấp lần đầu ngày 27/2/2017 thay đổi lần thứ 1 ngày 24/5/2021; Trích lục số 208/2016/BĐDC/VPDK ngày 11/7/2016	Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 28/06/2016 của UBND tỉnh Nghệ An v/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (điều chỉnh) tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở chung cư và liên kế cho cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Nghệ An; Giấy chứng nhận đầu tư số 4517722160 cấp lần đầu ngày 27/2/2017 thay đổi lần thứ 1 ngày 24/5/2021; Trích lục số 208/2016/BĐDC/VPDK ngày 11/7/2016			
	Xây dựng nhà ở xã hội cho cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Nghệ An (bổ sung diện tích tại NQ58)	0,43		0,43	0,43																					2022 BS					
93	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Trung Mỹ, xã Hưng Đông (Bổ sung diện tích)	0,13		0,13	0,13																				xã Hưng Đông	ONT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 8701/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND thành phố Vinh V/v phê duyệt bổ sung, điều chỉnh chủ trương đầu tư; Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của UBND thành phố Vinh V/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh		
94	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành -Trung Mỹ xã Hưng Đông	1,64	1,26	0,38	0,38																				xã Hưng Đông	ONT	2022	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND thành phố Vinh về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành, Trung Mỹ, xã Hưng Đông; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh		
95	Khu tái định cư xóm 6, xã Nghi Phú (phục vụ mở rộng nhà thờ giáo xứ Yên Đại)	0,32		0,32		0,32																			xã Nghi Phú	ONT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Văn bản số 6070/UBND-CN ngày 31/8/2012 của UBND tỉnh về việc mở rộng khuôn viên nhà thờ giáo xứ Yên Đại;		
96	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Mỹ Long, xã Hưng Đông (Bổ sung diện tích)	0,14		0,14	0,14																					xã Hưng Đông	ONT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 8702/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND thành phố Vinh V/v phê duyệt bổ sung, điều chỉnh chủ trương đầu tư; Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của UBND thành phố Vinh V/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
97	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư (đề đầu giá) tại xóm 2 và xóm 4 xã Nghi Kim, TP Vinh	5,78	0,76	5,02	2,64	0,56																	0,10	xã Nghi Kim	ONT	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh			
98	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Đức Vinh và xóm Đức Thịnh, xã Hưng Lộc	5,04		5,04	5,04																				xã Hưng Lộc	ONT	2021BS	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh		
99	Hạ tầng chia lô xóm Kim Trung (VT1, VT2)	10,00	3,10	6,90	3,70	2,43	0,50																			xã Nghi Ân	ONT	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất;	Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 về khảo sát địa điểm; Quyết định số 3913/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
100	Hạ tầng chia lô khu đất ở dân cư tại xóm 5 xã Nghi Phú (Đăng ký đợt 1)	1,92		1,92	1,81																					xã Nghi Phú	ONT	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
101	Hạ tầng chia lô đất ở khu dân cư xóm Bắc Liên (Đăng ký đợt 1)	2,20		2,20	1,10	0,50																				xã Nghi Liên	ONT	2021 BS	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
102	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư phía Tây đường Nguyễn Trường Tộ, xã Hưng Đông	3,04		3,04	1,00	2,04																				xã Hưng Đông	ONT	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất;	Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND TP. Vinh về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Quyết định số 8292/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
103	Chia lô đất ở dân cư tại xóm Yên Vinh, xã Hưng Đông	1,40		1,40	0,23			1,17																		xã Hưng Đông	ONT	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất ;	Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND TP. Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
104	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành (gần mương Bầu Đông) (phần còn lại)	1,52	1,26	0,26																						xã Hưng Đông	ONT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 3830/QĐ-UBND ngày 2/7/2018 của UBND thành phố Vinh V/v Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành, xã Hưng Đông, thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
105	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Trung Thành, xã Hưng Đông (Khu C, phần diện tích còn lại)	3,20	2,73	0,47	0,47																					xã Hưng Đông	ONT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 13/05/2021 của UBND TP Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành, xã Hưng Đông; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																		Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú				
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON	MNC							CSD			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)			
106	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở tại xóm Yên Xá	0,94		0,94	0,58	0,09								0,25											0,02	xã Hưng Đông	ONT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất, Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 3951/QĐ-UBND ngày 2/8/2021 của UBND thành phố Vinh v/v Điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở tại xóm Yên Xá, xã Hưng Đông; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh		
107	Hạ tầng kỹ thuật chia lô đất ở dân cư xóm Trưng Thành, Trưng Mỹ (phía tây đường Nguyễn Trường Tộ, lối 2, khu B) (phần còn lại)	3,14	1,77	0,40	0,40																					xã Hưng Đông	ONT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất, Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.	Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Chia lô đất ở dân cư xóm Trưng Thành, Trưng Mỹ (phía tây đường Nguyễn Trường Tộ, lối 2, khu B); Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh)		
108	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư (để đấu giá) tại xóm Yên Khang	2,47	0,87	1,60	0,51	1,09																				xã Hưng Đông	ONT	2023	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 3052/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc khảo sát lựa chọn địa điểm để lập quy hoạch xây dựng chia lô đất ở dân cư (để đấu giá) tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh.		
109	Hạ tầng khu quy hoạch đất ở dân cư (để đấu giá) tại xóm Trung Thuận	2,00		2,00	1,28	0,72																					xã Hưng Đông	ONT	2023	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc khảo sát lựa chọn địa điểm; Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 4/6/2020 của thành phố Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
110	Hạ tầng chia lô đất ở tại xóm Đông Vinh	1,97		1,97	1,63	0,10								0,14	0,03										0,07	xã Hưng Đông	ONT	2023	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 7185/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND TP về phê duyệt QH chi tiết xây dựng; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh		
111	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Trưng Mỹ, Mỹ Long, Mỹ Hòa xã Hưng Đông	0,10		0,10		0,05																					xã Hưng Đông	ODT	2021 BS	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
112	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khu vực phía đông đường quy hoạch 36m tại xã Hưng Đông và xã Nghi Kim	2,40		2,40	2,18	0,22																					xã Hưng Đông	ONT	2023	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 8442/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND TP về phê duyệt QH chi tiết xây dựng; CV số 42/HĐND-VP ngày 16/4/2018 của HĐND thành phố về việc điều chỉnh chủ trương xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư phía Đông; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
113	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Kim Đông	6,20	6,05	0,15	0,07	0,05								0,03													xã Nghi Ân	ONT	2021 BS	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
114	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Kim Chi, xã Nghi Ân	3,05		3,05		2,55								0,50													xã Nghi Ân	ONT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/6/2022 của HĐND thành phố Vinh về quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND thành phố Vinh V/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
115	Hạ tầng khu công viên cây xanh và chia lô đất ở dân cư tại xóm Mẫu Đơn, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh	0,87		0,87	0,87																						xã Hưng Lộc	ONT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 4619/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 về việc bổ sung, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng khu công viên cây xanh và chia lô đất ở dân cư tại xóm mẫu đơn xã Hưng Lộc, thành phố Vinh; Quyết định số 3111/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của UBND thành phố Vinh v/v phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công viên cây xanh và chia lô đất ở dân cư tại xóm Mẫu Đơn, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
116	Hạ tầng khu chia lô đất ở xóm 10, xã Nghi Liên (Đang ký đợt 1)	1,99		1,99	0,72	0,57	0,60							0,10													xã Nghi Liên	ONT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 6266/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 13/08/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cho tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
117	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Kim Bình	5,13		5,13	5,13																						xã Nghi Ân	ONT	2021 BS	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 14/2/2022 của UBND thành phố Vinh về chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xóm Kim Bình, xã Nghi Ân, thành phố Vinh (5,30ha)	
118	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư (để đấu giá) xóm Khánh Hậu	1,17		1,17	1,17																						xã Hưng Hòa	ONT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất, Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định 2308/QĐ-UBND ngày 15/05/2020 của UBND thành phố Vinh v/v phê duyệt điều chỉnh QH chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu chia lô đất ở tại xóm Khánh Hậu; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
119	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở xóm Đức Vinh vị trí 2	1,84		1,84	1,60	0,10								0,14													xã Hưng Lộc	ONT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 8391/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Đức Vinh, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh (vị trí số 2); Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 chia lô đất ở dân cư tại xóm Đức Vinh, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh (vị trí số 2); Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																			Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Căn cứ pháp lý	Ghi chú				
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON	MNC	CSD										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)				
120	Hạ tầng chia lô (đầu giá/tái định cư) xóm Xuân Hương	1,45		1,45		0,90																			xã Nghi Đức	ONT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 7605/UBND ngày 15/12/2020 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu chia lô đất ở dân cư (đầu giá/tái định cư) tại xóm Xuân Hương, xã Nghi Đức; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh				
121	Hạ tầng chia lô đất ở tại xóm 1, xã Nghi Kim	2,94		2,25	1,00	0,27		0,83																	xã Nghi Kim	ONT	2021 BS	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 2/8/2021 của UBND thành phố Vinh v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500- Chia lô đất ở dân cư tại xã Nghi Kim; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh				
	Chia lô đất ở dân cư tại xóm 1, xã Nghi Kim (bổ sung diện tích)	0,69		0,69		0,69																											
122	Khu nhà ở trung tâm Nghi Kim	3,27		3,27	0,60	2,24		0,03																		xã Nghi Kim	ONT	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 3602/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500; Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 8/11/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Quyết định chấp thuận nhà đầu tư			
		0,29		0,29		0,09																				xã Nghi Kim	DKV						
		1,60		1,60	0,20	1,40																					xã Nghi Kim				DGT		
		0,06		0,06		0,06																					xã Nghi Kim				DTL		
123	Khu đô thị Bắc Nghi Kim	7,62		7,62	4,12	3,05																				xã Nghi Kim, xã Nghi Liên	ODT	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 3601/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500; Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 8/11/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Quyết định chấp thuận nhà đầu tư			
		0,24		0,24		0,24																					xã Nghi Kim, xã Nghi Liên				TMD		
		3,88		3,88	1,22	2,66																					xã Nghi Kim xã Nghi Liên				DGT		
		0,06		0,06		0,06																									xã Nghi Kim	DTL	
		0,20		0,20		0,20																									xã Nghi Kim	DGD	
		0,30		0,30		0,30																									xã Nghi Kim	DTT	
		0,01		0,01		0,01																									xã Nghi Kim	DNL	
		0,09		0,09		0,08																									xã Nghi Kim	DSH	
		0,34		0,34		0,28																										xã Nghi Kim	DKV
		124	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Kim Hợp, xã Nghi Ân	3,10		3,10	2,45	0,60																							xã Nghi Ân	ONT	2021
125	Hạ tầng chia lô đất ở tại xóm 5, xã Nghi Liên (đăng ký lần đầu và bổ sung)	5,38		5,38	0,62	4,76																				xã Nghi Liên	ONT	2022	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 05/8/2021 của HĐND thành phố Vinh về Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án, phụ lục 02			
2.1.10 Dự án đất ở đô thị		139,43	31,52	107,91																													
126	Hạ tầng khu quy hoạch đất ở dân cư tại khối 19, phường Đông Vinh, thành phố Vinh	0,99		0,99		0,80																					phường Đông Vinh	ODT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 6347/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng khu quy hoạch đất ở dân cư tại khối 19, phường Đông Vinh, thành phố Vinh; Quyết định số 6066/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 chia lô đất ở dân cư (đầu giá) tại khối Vinh Thịnh và khối 19 phường Đông Vinh, thành phố Vinh.		
127	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư (đầu giá) tại khối 2, phường Bến Thủy (bổ sung diện tích thuộc phường Hưng Dũng)	0,03		0,03		0,03																					phường Hưng Dũng	ODT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 2926/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh Nghệ An về việc khảo sát lựa chọn địa điểm; CV số 210/HĐND-VP ngày 13/7/2020 của HĐND TP Vinh v/v chủ trương đầu tư XDCT		
128	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khối 9, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, Nghệ An	0,63		0,63	0,22	0,41																					phường Quán Bàu	ODT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 7119/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư; Quyết định số 4636/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt hồ sơ điều chỉnh bổ sung hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình; Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khối 9, phường Quán Bàu, thành phố Vinh; QĐ 7551/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND TP. Vinh về việc phê duyệt hồ sơ bản vẽ thi công; Báo cáo số 183/BC-QLDA ngày 23/9/2022 của UBND thành phố Vinh (Ban QLDA ĐT XD TP Vinh) về việc quá trình thực hiện, cam kết tiền độ GPMD dự án: Khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khối 9 phường Quán Bàu, thành phố Vinh (9,20ha)		
129	Hạ tầng chia lô đất ở khối 12	0,01		0,01																							phường Lê Lợi	ODT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 11/5/2015 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Chia lô đất ở dân cư xen đầm tại khối 12		
130	Hạ tầng quy hoạch chia lô đất ở khối Vinh Thịnh (vị trí 3), phường Đông Vinh	1,38		1,38		1,00																					phường Đông Vinh	ODT	2023	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định 3685/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng quy hoạch chia lô đất ở khối Vinh Thịnh (vị trí 3), phường Đông Vinh		
131	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khối 10	2,67		2,67		1,67	0,50																				phường Bến Thủy	ODT	2023	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh; Quyết định số 2554/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của UBND Thành phố về phê duyệt QH chi tiết		
132	Cải tạo khu A - Chung cư Quang Trung	1,85	0,30	1,55																							phường Quang Trung	ODT	2021	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 04/02/2013 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt điều chỉnh QH		

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																		Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú					
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON	MNC							CSD				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)				
147	Xây dựng Bệnh Viện Ung Bướu Nghệ An	12,40	8,84	3,56	2,00									1,56											xã Nghi Liên	DYT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của UBND tỉnh về điều chỉnh QH chi tiết; Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về Kế hoạch đầu tư công 2023				
148	Xây dựng Bệnh viện Mắt Nghệ An (phần còn lại)	0,12		0,12		0,12																			xã Nghi Phú	DYT	2022	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 25/3/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh Nghệ An việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Quyết định 5071/QĐ-UBND ngày 24/2/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao kế hoạch đầu tư công bằng vốn ngân sách địa phương năm 2022; Quyết định số 5069/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.				
2.1.12	Dự án đất cơ sở tôn giáo	0,26		0,26																													
149	Mở rộng khuôn viên nhà thờ Giáo xứ Yên Đại	0,26		0,26		0,26																			xã Nghi Phú	TON	2022 BS	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Văn bản số 6070/UBND-CN ngày 31/8/2012 của UBND tỉnh về việc mở rộng khuôn viên nhà thờ giáo xứ Yên Đại				
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất																																
2.2.1	Dự án đất thương mại dịch vụ	5,52		5,52																													
1	Nhà hàng sinh Thái Phố Mới	0,09		0,09	0,09																				Phường Vinh Tân	TMD	2023	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật đất đai và khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 36/2021/QH15 của Quốc hội để thực hiện công trình, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư				
2	Cơ sở mua bán thiết bị máy công trình	0,15		0,15		0,15																			xã Nghi Phú	TMD	2023		Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 33/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An (Cấp lần đầu: 22/3/2021; điều chỉnh lần thứ nhất 24/2/2023)				
3	Trung tâm sửa chữa, bảo trì máy thi công công trình, ô tô và kho bãi tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh	0,95		0,95	0,95																				Xã Nghi Phú	TMD	2023	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật đất đai và khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 36/2021/QH15 của Quốc hội để thực hiện công trình, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư				
4	Xây dựng Khu Thương Mại và dịch vụ tổng hợp Vinh Thịnh Vương	1,07		1,07	1,07																				phường Vinh Tân	TMD	2023	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư				
5	Xây dựng Khu Thương Mại và dịch vụ tổng hợp Thiên Phú	1,70		1,70	1,70																				phường Vinh Tân	TMD	2023	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 21/2/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư				
6	Giao, cho thuê thửa đất nhỏ hẹp	0,05		0,05																					xã Hưng Lộc	TMD	2023		Văn bản số 6572/UBND-CN ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc xem xét ý kiến doanh nghiệp; Văn bản số 5483/STNMT-QLĐĐ ngày 9/9/2022 v/v đề xuất điều chỉnh diện tích khu đất tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh; Quyết định số 5642/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt kết quả rà soát các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề				
7	Tổ hợp kinh doanh và văn phòng cho thuê tại xã Hưng Đông	0,51		0,51	0,51																				xã Hưng Đông	TMD	2022 BS	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư				
8	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp và kết hợp nhà hàng tại xã Nghi Phú	0,22		0,22																						xã Nghi Phú	TMD	2021 BS		Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 61/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An			
9	Trung tâm thương mại và dịch vụ khách sạn nhà hàng	0,47		0,47	0,47																				phường Vinh Tân	TMD	2021 BS	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 phê duyệt QH chi tiết				
10	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu và dịch vụ thương mại Xuân Hoa tại xã Nghi Đức	0,31		0,31	0,18			0,13																	xã Nghi Đức	TMD	2022	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số chấp thuận CTĐT số 99/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh Nghệ An				
2.2.2	Dự án đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	2,75		2,75																													
11	Xây dựng Trụ sở làm việc, sản xuất cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm	1,75		1,75	1,75																				xã Hưng Đông	SKC	2023	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư				
12	Trung tâm Vật liệu Công nghệ mới	1,00		1,00				0,05						0,23											phường Vinh Tân	SKC	2022		Quyết định số 3958/QĐ-UBND-CNTM ngày 06/9/2013 của UBND tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết; Đã có thông báo số 408/TB-UBND ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh Nghệ An đồng ý cho chủ đầu tư tiếp tục triển khai dự án				
2.2.5	Dự án đất nông nghiệp khác	3,70		3,70																													
13	Xây dựng trung tâm SX giống cây trồng và sản phẩm nông lâm nghiệp chất lượng	3,70		3,70	3,70																				xã Hưng Đông	NKH	2021	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 10/04/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 23/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 29/11/2017, Điều chỉnh lần thứ 1 ngày 18/6/2021, Điều chỉnh lần thứ 2 ngày 15/2/2023				
2.2.6	Dự án chuyển mục đích sang đất ở	17,10		17,10																													
14	Xây dựng khu dân cư Golden City 10 (phần còn lại)	0,14		0,14																					phường Quán Bàu	ODT	2022	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 05/05/2021 của UBND tỉnh Nghệ An v/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Golden City 10 tại phường Quán Bàu; Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án				
		0,48		0,48		0,10	0,38																		phường Hà Huy Tập	ODT	2023						
		0,90		0,90		0,20	0,60	0,10																	phường Hưng Dũng	ODT	2023						
		0,06		0,06				0,06																	phường Bến Thủy	ODT	2023						
		0,01		0,01				0,01																	phường Quán Bàu	ODT	2023						

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																			Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú			
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON	MNC	CSD									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)			
15	Chuyển mục đích đất(vườn, ao, nông nghiệp cùng thửa đất ở) sang đất ở	0,06		0,06			0,06																		phường Vĩnh Tân	ODT	2023					
		0,05		0,05			0,05																			phường Trung Đô	ODT	2023				
		0,12		0,12			0,12																			phường Đông Vinh	ODT	2023				
		0,28		0,28		0,10	0,18																			phường Lê Lợi	ODT	2023				
		0,05		0,05			0,05																			phường Đội Cung	ODT	2023				
		0,24		0,24			0,24																				phường Cửa Nam	ODT	2023			
		0,01		0,01			0,01																				phường Hưng Phúc	ODT	2023			
		0,06		0,06			0,06																				xã Hưng Chính	ONT	2023			
		2,10		2,10		0,30	1,65	0,15																			xã Hưng Hòa	ONT	2023			
		0,35		0,35		0,03	0,32																					xã Nghi Kim	ONT	2023		
		0,09		0,09			0,09																					xã Nghi Liên	ONT	2023		
		2,36		2,36		0,60	1,66	0,10																				xã Nghi Ân	ONT	2023		
		0,45		0,45			0,45																					xã Hưng Đông	ONT	2023		
		0,52		0,52		0,13	0,39																					xã Nghi Phú	ONT	2023		
		3,54		3,54		0,50	2,75	0,29																				xã Hưng Lộc	ONT	2023		
2,65		2,65		0,51	1,52	0,62																				xã Nghi Đức	ONT	2023				

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																			Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON	MNC	CSD						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
25	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư để di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai xã Hưng Hòa, thành phố Vinh	0,64	0,64																					xã Hưng Hòa	ONT				
26	Hạ tầng chia lô đất ở khối Xuân Tiến	0,48	0,48																					phường Hưng Dũng	ODT				
27	Sân nền, mở rộng khuôn viên trường THCS Hưng Dũng và Tiểu học Hưng Dũng 1	0,54	0,54																					phường Hưng Dũng	DGD				
28	Lô số 37 (thửa 207) khu QH đất ở khối Văn Trung	0,02	0,02																					phường Hưng Dũng	ODT				
29	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô khối 6, phường Quán Bàu	0,40	0,40																					phường Quán Bàu	ODT				
30	Hạ tầng khu quy hoạch xóm Ngũ Lộc	0,05	0,05																					xã Hưng Lộc	ONT				
31	Các lô số: A13, A24, A43 khu quy hoạch đất ở dân cư khối 6	0,04	0,04																					phường Quán Bàu	ODT				
32	Công viên, bãi đỗ xe, nhà văn hóa và chia lô đất ở tái định cư tại khối Vinh Phúc	2,51	2,51																					phường Hưng Phúc	ODT+DKV+DHT				
33	Mở rộng Nhà văn hóa thiếu nhi Việt Đức	0,19	0,19																					phường Quang Trung	DSH				
34	Hạ tầng chia lô đất ở khối 9 phường Lê Lợi	0,01	0,01																					phường Lê Lợi	ODT				
35	Khu tái định cư dự án đường quy hoạch 18m từ đường Lê Lợi đến đường Hoàng Xuân Hãn, phường Lê Lợi (tại Khu đô thị nam Lê Lợi tại phường Lê Lợi)	0,0348	0,0348																					phường Lê Lợi	ODT				
36	Khu đô thị và dịch vụ thương mại Đại Thành tại khối 3 (phần tái định cư)	0,20	0,20																					phường Trung Đô	ODT				
37	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư khối Văn Trung	0,9340	0,9340																					phường Hưng Dũng	ODT				
38	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại phường Hưng Dũng	0,4857	0,4857																					phường Hưng Dũng	ODT				
39	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư và tái định cư tại khối 9, phường Quán Bàu (4,30 ha)	0,2000	0,2000																					phường Quán Bàu	ODT				
40	Hạ tầng chia lô (khu đất thu hồi của Cơ sở Bảo trợ xã hội Nhân Tâm)	0,48	0,48																					phường Vinh Tân	ODT				
41	Hạ tầng quy hoạch khối Vinh Quang	0,14	0,14																					phường Đông Vinh	ODT				
42	Mở rộng Lũr đoàn Thông tin 80 - Quận khu 4	2,24	2,24																					xã Nghi Phú	CQP				
43	Quy đất dành giao tái định cư dự án Khu Đô thị Vinh Tân (nằm trong khu đất thực hiện dự án) - 91 lô	1,17	1,17																					phường Vinh Tân	ODT				
44	Hạ tầng chia lô đất ở xen đầm khối 14 Phường Quang Trung (chùa Diệc)	0,01	0,01																					phường Quang Trung	ODT				
45	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khối 9, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, Nghệ An (40 lô)	0,5638	0,5638																					phường Quán Bàu	ODT				
46	Xây dựng khu nhà ở bộ đội biên phòng tỉnh thuộc khối 13 phường Bến Thủy	0,66	0,66																					phường Bến Thủy	ODT				
47	Xây dựng Khu tái định cư phục vụ GPMB đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài tại xã Hưng Hòa	6,58	6,58																					xã Hưng Hòa	ONT				
48	Xây dựng khu tái định cư tại chỗ phục vụ GPMB khu vực nút giao Quán Bàu (bổ sung diện tích)	0,20	0,20																					phường Quán Bàu	ODT				
49	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại Khối 6, phường Quán Bàu (2 vị trí)	1,73	1,73																					phường Quán Bàu	ODT				
50	Khu quy hoạch tái định cư đường Lê Ninh	0,49	0,49																					phường Quán Bàu	ODT				
51	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở khối 9, phường Quán Bàu (4,3ha)	0,34	0,34																					phường Quán Bàu	ODT				
52	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở khối 9, phường Quán Bàu (9ha)	1,79	1,79																					phường Quán Bàu	ODT				
53	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khối 9 (2,87ha)	0,29	0,29																					phường Quán Bàu	ODT				
54	Khu quy hoạch Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khối 6, phường Quán Bàu	0,30	0,30																					phường Quán Bàu	ODT				
55	Khu tái định cư tại phường Quán Bàu (WB)	0,30	0,30																					phường Quán Bàu	ODT				
56	Hạ tầng khu quy chia lô khối 3, phường Trường Thi	0,05	0,05																					phường Trường Thi	ODT				
57	Xây dựng khu đô thị và dịch vụ thương mại tại phường Vinh Tân	35,99	35,99																					phường Vinh Tân	ODT				
58	Mở rộng Khu đô thị sinh thái Vinh Tân, thành phố Vinh (hạng mục xây dựng nhà cao tầng)	0,91	0,91																					phường Vinh Tân	ODT				
59	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở tại khối 1 (diện tích còn lại)	0,20	0,20																					phường Vinh Tân	ODT				
60	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khối 1, phường Vinh Tân (lô D11 và D13)	0,04	0,04																					phường Vinh Tân	ODT				
61	Hạ tầng chia lô xen đầm các xóm Phong Hào (vị trí 9,10)	0,08	0,08																					xã Hưng Hòa	ODT				
62	Hạ tầng chia lô xen đầm các xóm Phong Thuận 1	0,02	0,02																					xã Hưng Hòa	ODT				
63	Khu đô thị và nhà ở xã hội	0,60	0,60																					xã Hưng Hòa	ODT				
64	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô khối Đông Thọ, phường Hưng Dũng	0,20	0,20																					phường Hưng Dũng	ODT				
65	Thu hồi đất tại phường Vinh Tân	0,48	0,48																					phường Vinh Tân	ODT				
66	Khu đô thị và dịch vụ thương mại Đại Thành tại khối 3, phường Trung Đô, TP. Vinh (Giao đất dự án đường dân sinh giữa hai dự án của Công ty TNHH 1 thành viên đóng tàu Hải Châu và Công ty Cổ phần Sài Gòn Trung Đô)	0,11	0,11																					phường Trung Đô	ODT				
67	Mở rộng Trường tiểu học Trường Thi	0,04	0,04																					phường Trường Thi	DGD				
68	Xây dựng Nhà văn hóa khối 13	0,07	0,07																					phường Trường Thi	DSH				
69	Hạ tầng chia lô đất ở khu tập thể Vinaconex 16 tại khối 17, phường Trường Thi	0,27	0,27																					phường Trường Thi	ODT				

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																		Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú	
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON	MNC							CSD
					(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)							(24)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
70	Khu thương mại và dịch vụ tổng hợp Khang Bình	0,10	0,10																					phường Hà Huy Tập	TMD				
71	Xây dựng khu đất thương mại, dịch vụ thuộc dự án Chia lô đất ở khối 9 phường Quán Bàu	0,17	0,17																					phường Quán Bàu	TMD				
72	Văn phòng, xưởng sản xuất, đất ở chia lô tại phường Vinh Tân	0,30	0,30																					phường Vinh Tân	TMD				
73	Mở rộng Trung sở làm việc phòng giao dịch Ngân hàng nông nghiệp và PTNT thành phố Vinh tại xã Hưng Lộc	0,06	0,06																					xã Hưng Lộc	TMD				
74	Thu hồi đất tại phường Trường Thi	0,1218	0,1218																					phường Trường Thi	TMD				
75	Dự án đầu tư xây dựng khu đất thương mại, dịch vụ tại xã Hưng Lộc	0,20	0,20																					xã Hưng Lộc	TMD				
76	Xây dựng đường Nguyễn Biểu nối từ đường Đinh Công Tráng - đường Ngự Hải	0,01	0,01																					phường Lê Mao	DGT				
77	Hạ tầng chia lô đất ở phía Đông đường 36m qua xã Hưng Đông	8,10	8,10																					xã Nghi Kim	ONT				
78	Hạ tầng chia lô đất ở xóm 11 (Vị trí 1 - Phía Đông), xã Nghi Kim	3,30	3,30																					xã Nghi Kim	ONT				
79	Khu quy hoạch hai bên đường 24m, xã Hưng Lộc	1,39	1,39																					xã Hưng Lộc	ONT				
80	Hạ tầng chia lô đất ở xóm 5, xã Hưng Chính, thành phố Vinh (giao đất cho bà Phạm Thị Hương)	0,02	0,02																					xã Hưng Chính	ONT				
81	Hạ tầng chia lô đất ở lại xóm 2, 3 xã Hưng Chính (giao đất cho ông Bùi Quốc Việt - Khu tập thể may Việt Đức)	0,02	0,02																					xã Hưng Chính	ONT				
82	Hạ tầng khu quy hoạch xóm 2, xóm 3 xã Hưng Chính	0,20	0,20																					xã Hưng Chính	ONT				
83	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô xóm Mai Lộc	0,30	0,30																					xã Hưng Đông	ONT				
84	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô xóm Yên Bình	0,20	0,20																					xã Hưng Đông	ONT				
85	Khu tái định cư tại chỗ phục vụ GPMB nút giao thông Quán Bàu tại phường Quán Bàu, TP Vinh	0,05	0,05																					phường Quán Bàu	ONT				
86	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Phong Phú, xã Hưng Hòa	0,20	0,20																					xã Hưng Hòa	ONT				
87	Hạ tầng chia lô xen đầm các xóm Khánh Hậu (vị trí 12)	0,03	0,03																					xã Hưng Hòa	ONT				
88	77 lô đất thuộc Khu tái định cư phục vụ GPMB đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài tại xã Hưng Hòa, thành phố Vinh	1,12	1,12																					xã Hưng Hòa	ONT				
89	Hạ tầng chia lô đất ở khu dân cư xóm 6 (vị trí 1,2)	1,37	1,37																					xã Nghi Kim	ONT				
90	Hạ tầng chia lô đất ở phía Đông đường 36m qua xã Hưng Đông (phần còn lại)	8,90	8,90																					xã Nghi Kim	ONT				
91	Quý đất dành giao tái định cư dự án Đại Thành tại xã Nghi Kim (15 lô trung khu quy hoạch dự án)	0,23	0,23																					xã Nghi Kim	ONT				
92	Khu Tái định cư đường 72 m tại xã Nghi Phú	0,71	0,71																					xã Nghi Phú	ONT				
93	Lập phương án bồi thường đất cho ông Nguyễn Thanh Tâm, trú tại xóm 15 xã Nghi Kim	0,0138	0,0138																					xã Nghi Kim	ONT				
94	Thu hồi đất của Công ty Cổ phần Thạch Sơn Thảo tại Cụm công nghiệp Hưng Lộc	0,86	0,86																					xã Hưng Lộc	SKN				
95	Dự án đầu tư xây dựng đất cụm công nghiệp tại xã Hưng Lộc	0,86	0,86																					xã Hưng Lộc	SKN				
96	Hạ tầng chia lô đất ở xóm 8 xã Hưng Chính	9,40	9,40																					xã Hưng Chính	ONT				
97	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư xóm Trung Thành, xã Hưng Đông, TP Vinh	0,14	0,14																					xã Hưng Đông	ONT				
98	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Trung Mỹ, Mỹ Long, Mỹ Hòa, xã Hưng Đông	1,14	1,14																					xã Hưng Đông	ONT				
99	Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An (giai đoạn 1B và 2B)	0,40	0,40																					xã Hưng Chính	ODT				
100	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Trung Thành, Trung Mỹ, xã Hưng Đông (nay tên dự án là Khu Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành xã Hưng Đông)	2,05	2,05																					xã Hưng Đông	ONT				
101	Hạ tầng chia lô đất ở khối 15, phường Cửa Nam	0,14	0,14																					phường Cửa Nam	ODT				
102	Hạ tầng chia lô đất ở khối 13, phường Cửa Nam	0,08	0,08																					phường Cửa Nam	ODT				
103	Lô số 22 (thửa 231); lô số 24 (thửa 233) thuộc Khu chung cư Phong Dinh Cảng	0,0162	0,0162																					phường Hưng Dũng	ODT				
104	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Mỹ Long, xã Hưng Đông (phần cũ và bổ sung diện tích)	1,20	1,20																					xã Hưng Đông	ONT				
105	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Trung Mỹ, xã Hưng Đông (phần cũ và bổ sung diện tích)	0,95	0,95																					xã Hưng Đông	ONT				
106	Hạ tầng quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Mỹ Hậu, xã Hưng Đông, TP Vinh	0,42	0,42																					xã Hưng Đông	ONT				
107	Hạ tầng khu công viên cây xanh và Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Mậu Đơn, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh	2,01	2,01																					xã Hưng Lộc	ODT				
108	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành (gần nương Bàu Đông)	1,26	1,26																					xã Hưng Đông	ONT				
109	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành, xã Hưng Đông	2,99	2,99																					xã Hưng Đông	ONT				
110	Khu công nghiệp nhỏ tại xã Hưng Đông (đợt 2)	19,02	19,02																					xã Hưng Đông	SKN				
111	22 lô đất thuộc Khu quy hoạch hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Mỹ Hậu	3,75	3,75																					xã Hưng Đông	ONT				

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào loại đất																			Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Năm KH	Nghị quyết	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
					LUA	HNK	CLN	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	DHT	ONT	ODT	TSC	DSH	DKV	TIN	SON	MNC	CSD						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
112	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Ngũ Lộc, xã Hưng Lộc	3,33	3,33																					xã Hưng Lộc	ONT				
113	Các lô số: LK 06, LK 07, LK 08 Khu quy hoạch đất ở dân cư Nhà văn hóa xóm Ngũ Lộc	0,04	0,04																					xã Hưng Lộc	ONT				
114	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Kim Trung (VT3)	3,10	3,10																					xã Nghi Ân	ONT				
115	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô xóm Xuân Đông, xã Nghi Đức	0,90	0,90																					xã Nghi Đức	ONT				
116	Hạ tầng chia lô đất ở đầu giá xóm Xuân Hoa (vị trí 1)	1,07	1,07																					xã Nghi Đức	ONT				
117	Khu nhà ở tổng hợp Vinland tại xã Nghi Kim	0,76	0,76																					xã Nghi Kim	ODT+DKV				
118	Các lô số: 24, 27 khu quy hoạch tập thể dạy nghề xóm 8	0,03	0,03																					xã Nghi Phú	ONT				
119	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô khối 2, phường Bến Thủy	2,55	2,55																					phường Bến Thủy	ODT				
120	Hạ tầng khu tái định cư xóm 5, xã Nghi Phú (dự án WB)	0,02	0,02																					xã Nghi Phú	ONT				

TỔNG HỢP
Các công trình, dự án đã thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn thành phố Vinh

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nâng cấp đường Lý Tự Trọng kéo dài	0,03	phường Hà Huy Tập	DGT	
2	Mở rộng ngõ 4, đường Nguyễn Công Trứ	0,01	phường Hồng Sơn	DGT	
3	Mở rộng đường Nguyễn Lương Bằng	0,09	phường Quán Bàu	DGT	
4	Xây dựng mương thoát nước Bàu Đông, xã Hưng Đông (phần còn lại)	0,06	xã Hưng Đông	DGT	
5	Mở rộng đường Nguyễn Lương Bằng (bổ sung diện tích)	0,01	phường Quán Bàu	DGT	
6	Xây dựng trường Mầm non Mi Mi tại phường Quán Bàu	0,10	phường Quán Bàu	DGD	
7	Mở rộng bệnh viện Đa khoa Thái An	0,49	phường Đội Cung	DYT	
8	Nhà văn hóa khối 14, phường Cửa Nam	0,12	phường Cửa Nam	DSH	
9	Cây TBA giảm bán kính cấp điện, giảm TTĐN các TBA khu vực TX Cửa Lò, tỉnh Nghệ An	0,03	xã Nghi Ân, xã Nghi Đức	DNL	
10	Mở rộng trường THCS Lê Lợi (phần còn lại)	0,07	phường Lê Lợi	DGD	
11	Xưởng gia công cơ khí chính xác kết hợp văn phòng	0,32	xã Hưng Đông	TMD	
12	Khu đô thị Đại Thành	2,10	xã Nghi Kim	ODT	
13	Xây dựng đường 16m nối từ khối 8 đến khối 9 phường Trường Thi	0,23	phường Trường Thi	DGT	
14	Cải tạo nâng cấp đường Hồ Hán Thương (đoạn từ đường Đặng Thái Thân đến đường Lê Hồng Sơn)	0,03	phường Cửa Nam	DGT	
15	Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Kim Giao	0,14	xã Nghi Đức	DGT	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
16	Chỉnh trang đô thị phường Quán Bàu (giải quyết đơn thư của ông Nguyễn Thiên Hương)	0,03	phường Quán Bàu	DGT	
17	Mở rộng trường mầm non Hưng Đông	0,27	xã Hưng Đông	DGD	
18	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Trung Thành, Trung Mỹ (phía Tây Nguyễn Trường Tộ lối 2 - Khu B)	3,14	xã Hưng Đông	ONT	
19	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Kim Chi (bổ sung diện tích) thuộc dự án chợ hoa cây cảnh	6,64	xã Nghi Ân	ONT	
20	Hạ tầng chia lô đấu giá đất ở khối 7 (Nhà văn hóa cũ)	0,01	phường Cửa Nam	ODT	
21	Hạ tầng chia lô đất ở xen dầm tại khối 14, khối Yên Sơn, phường Hà Huy Tập (diện tích còn lại)	0,01	phường Hà Huy Tập	ODT	
22	Xây dựng khu tái định cư tại chỗ phục vụ GPMB khu vực nút giao Quán Bàu, thành phố Vinh (phần còn lại)	0,91	phường Quán Bàu	ODT	
23	Hạ tầng chia lô đất ở khối 6 (vị trí 4)	0,50	phường Quán Bàu	ODT	
24	Hạ tầng chia lô đất ở khối 6(phía tây nghĩa trang TP Vinh)	0,30	phường Quán Bàu	ODT	
25	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khối 9, phường Quán Bàu (khu 2,87ha)	0,20	phường Quán Bàu	ODT	
26	Trung tâm trưng bày, giới thiệu sản phẩm phụ tùng ô tô và máy công trình	0,14	xã Nghi Phú	TMD	
27	Mở rộng Văn phòng làm việc và trạm trung chuyển hàng hóa Văn Minh tại phường Lê Lợi	0,04	phường Lê Lợi	TMD	
28	Kho bãi tập kết vật liệu xây dựng và văn phòng làm việc	0,60	xã Hưng Đông	SKC	
29	Khu dịch vụ thương mại và nhà ở tại phường Hưng Bình (hạng mục CMD sử dụng đất công cộng sang đất ở)	0,05	phường Hưng Bình	ODT	
30	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư (đề đấu giá) tại khối 2, phường Bến Thủy	8,73	phường Bến Thủy phường Hưng Dũng	ODT	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
31	Khu Hạ tầng chia lô đất ở xóm Xuân Đồng, đường 95m	0,30	xã Nghi Đức	ONT	
32	Mở rộng sân vận động xã Nghi Đức	0,13	xã Nghi Đức	DTT	
33	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại khối Vĩnh Quang (vị trí 13) - 06 lô	0,17	phường Đông Vinh	ODT	
34	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khối Yên Giang (Bắc đường Nguyễn Hiền)	1,72	phường Đông Vinh	ODT	
35	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư Bắc Trần Bình Trọng	0,80	phường Đông Vinh	ODT	
36	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư Bắc Trần Bình Trọng	0,02	phường Đông Vinh	ODT	
37	Xây dựng nhà văn hóa khối 19, phường Đông Vinh	0,02	phường Đông Vinh	DSH	
38	Hạ tầng chia lô đất ở xen dăm tại khối 14, khối Yên Sơn, phường Hà Huy Tập	0,06	phường Hà Huy Tập	ODT	
39	Khu thương mại dịch vụ và nhà ở tại phường Hưng Bình (Công ty TNHH Phước Tài)	1,13	phường Hưng Bình	ODT	
40	Hạ tầng chia lô đất ở Khu tập thể Cty Xây dựng 2 tại khối Trường Tiến	1,00	phường Hưng Bình	ODT	
41	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khu tập thể Cty Xây dựng 2 tại khối Liên Cơ	0,38	phường Hưng Bình	ODT	
42	Hạ tầng chia lô đất ở Khu tập thể công ty Vinaconex 16 tại khối 19	0,43	phường Hưng Bình	ODT	
43	Nâng cấp đường Tô Ngọc Vân	0,01	phường Hà Huy Tập	DGT	
44	Khu nhà ở tổng hợp và sân vận động tại khối 3 và khối 9 phường Lê Lợi phần còn lại	0,01	phường Lê Lợi	ODT	
45	Khu tập thể chi nhánh VLXD và xe lắp tại khối 3 phường Quán Bàu	0,03	phường Quán Bàu	ODT	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
46	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư (vị trí 1) để tái định cư khối 8	0,01	phường Quán Bàu	ODT	
47	Hạ tầng chia lô đất ở xen dăm khối 10	0,02	phường Trung Đô	ODT	
48	Hạ tầng chia lô đất ở xen dăm khối 4	0,08	phường Trung Đô	ODT	
49	Mở rộng khuôn viên nhà văn hóa khối 7, phường Trường Thi	0,03	phường Trường Thi	DSH	
50	Hạ tầng chia lô đất ở tại xóm Trung Thuận, xã Hưng Đông	0,08	xã Hưng Đông	ONT	
51	Đường quy hoạch 12m nối Chu Văn An với Nguyễn Thái Học, phường Lê Lợi.	0,51	phường Lê Lợi	DGT	
52	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Trung Thành, Trung Mỹ (phía Tây Nguyễn Trường Tộ lối 2 - Khu B)	1,77	xã Hưng Đông	ONT	
53	Hạ tầng chia lô đất ở xóm 12, xã Hưng Lộc	0,32	xã Hưng Lộc	ODT	
	Hạ tầng chia lô đất ở xóm 12, xã Hưng Lộc	0,01	xã Hưng Lộc	ONT	
54	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Mỹ Thượng, xã Hưng Lộc	1,01	xã Hưng Lộc	ONT	
55	Khu đô thị Nam Lê Lợi	0,20	phường Lê Lợi	ODT	
56	Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã Hưng Hòa	155,90	xã Hưng Hòa	ODT+ DGT+ DGD,..	
57	Mở rộng khu đô thị tại xã Hưng Hòa	26,82	xã Hưng Hòa	ODT+ DGT+ DGD,..	
58	Dự án cải tạo khu B, khu chung cư Quang Trung	3,75	phường Quang Trung	ODT	
59	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Mỹ Thượng (bổ sung diện tích)	0,12	xã Hưng Lộc	ONT	
60	Xây dựng khu nhà ở cho người thu nhập thấp và Cán bộ công nhân viên (phần còn lại)	0,11	xã Hưng Lộc	ONT	
61	Xây dựng khu nhà ở cho người thu nhập thấp và cán bộ công nhân viên	2,67	xã Hưng Lộc	ONT	
62	Xây dựng mới trường THPT chuyên Phan Bội Châu	2,18	xã Nghi Ân	DGD	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
63	Xây dựng Bệnh Viện Ung Bướu Nghệ An	9,75	xã Nghi Liên, xã Nghi Kim	DYT	
64	Hạ tầng khu tái định cư tại xóm 21, xã Nghi Phú, thành phố Vinh phục vụ GPMB dự án đường giao thông nối Vinh Cửa Lò (giai đoạn 1)	4,50	xã Nghi Phú	ONT	
65	Xây dựng khu dân cư Golden city 5 (phần còn lại)	1,51	xã Nghi Phú	ONT	
66	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tại xã Hưng Đông	1,47	xã Hưng Đông	SKN	
67	Hạ tầng khu TĐC phục vụ GPMB dự án đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài (phần mở rộng)	1,60	xã Hưng Hòa	ONT	
68	Kênh thoát nước xã Nghi Kim - Nghi Vạn	1,40	xã Nghi Kim	DTL	
69	Hạ tầng chia lô đất ở đường Phong Định Cảng (khối 11,4,1)	0,02	phường Bến Thủy	ODT	
70	Khu tập thể xí nghiệp 1, công ty xây dựng số 6, khối 9	0,01	phường Bến Thủy	ODT	
71	Khu tái định cư đường 72m tại xóm 17, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	0,30	xã Nghi Phú	ONT	
72	Xây dựng trường Tiểu Học Hưng Lộc 2	1,15	xã Hưng Lộc	DGD	
73	Khu tái định cư tại xóm Kim Mỹ (giải quyết đơn bà Bạch Thị Hương)	0,02	xã Nghi Ân	ONT	
74	Doanh trại Đại đội Công binh 17 - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nghệ An	1,62	xã Nghi Đức	ONT	
75	Hạ tầng quy hoạch khu tái định cư xóm 14, xã Nghi Phú (VT1+VT2)	0,30	xã Nghi Phú	ONT	
76	Hạ tầng quy hoạch khu tái định cư xóm 17, xã Nghi Phú	0,10	xã Nghi Phú	ONT	
77	Khu tái định cư đường 72m tại xóm 13, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	0,25	xã Nghi Phú	ONT	
78	Khu tái định cư đường 72m tại xóm 16, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	0,10	xã Nghi Phú	ONT	
79	Khu tái định cư tại xóm 5, xã Nghi Phú (WB)	0,20	xã Nghi Phú	ONT	
80	Trung tâm thương mại dịch vụ và cửa hàng kinh doanh xăng dầu (giai đoạn 2)	0,51	phường Vinh Tân	TMD	
81	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô xóm 21, xã Nghi Phú	0,20	xã Nghi Phú	ONT	

TỔNG HỢP

Các công trình, dự án hết hạn Nghị quyết và chưa thực hiện trong năm 2022 không đề xuất chuyển tiếp thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn thành phố Vinh

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xây dựng Trường mầm non Cửa Nam	0,33	phường Cửa Nam	DGD	Hủy bỏ do chưa đủ căn cứ pháp lý
2	Trung tâm, nhà ở, chung cư liền kề cao cấp	0,38	xã Nghi Phú	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
3	Chung cư Đội Cung, phần còn lại	0,10	phường Đội Cung	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
4	Dự án chia lô đất ở tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh	0,75	xã Nghi Phú	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
5	Khu nhà ở thấp tầng và Chung cư tại khối 15, phường Lê Lợi	1,27	phường Lê Lợi	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
6	Khu nhà ở liền kề tại phường Lê Lợi	0,38	phường Lê Lợi	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
7	Chung cư kết hợp thương mại 155 đường Trường Chinh, thành phố Vinh	0,16	phường Lê Lợi	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
8	Mở rộng ngõ 64, đường Phan Cảnh Quang	0,02	phường Hà Huy Tập	DGT	Hủy bỏ do chưa đủ căn cứ pháp lý
9	Xây dựng đường ven sông Vinh	0,25	phường Hồng Sơn	DGT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
10	Đất ở xen dầm tại khối Yên Bình, phường Hưng Phúc	0,02	phường Hưng Phúc	ODT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
11	Hạ tầng chia lô đất ở tái định cư khối 8, Phường Lê Lợi	0,07	phường Lê Lợi	ODT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
12	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khối 15, Phường Lê Lợi	0,48	phường Lê Lợi	ODT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
13	Xây dựng đường GTDL kết hợp đê bao phòng chống lũ dọc bờ sông Vinh (GĐ1)-đoạn còn lại	0,10	phường Trung Đô	DGT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
14	Xây dựng đường dân sinh giữa hai dự án của Công ty TNHH một thành viên đóng tàu Hải Châu và Công ty CP Sài Gòn, Trung Đô, TP Vinh	0,54	phường Trung Đô	DGT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Ghi chú
15	Xây dựng chợ Cầu Thông (Phần còn lại)	0,05	phường Trung Đô	DCH	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
16	Hạ tầng chia lô đất ở khối 3 VT2 phường Trung Đô	0,08	phường Trung Đô	ODT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
17	Hạ tầng chia lô đất ở khu tập thể Y tế dự phòng	0,02	phường Trường Thi	ODT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
18	Xây dựng khu dân cư Bắc Cầu Nại, phường Trường Thi (bổ sung diện tích)	0,04	phường Trường Thi	ODT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
19	Hạ tầng chia lô đất ở khối 1 (lò vôi cũ), phường Vinh Tân	0,32	phường Vinh Tân	ODT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
20	Hạ tầng chia lô đất ở khối 1, phường Vinh Tân	3,91	phường Vinh Tân	ODT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
21	Hạ tầng chia lô đất ở xóm 8 xã Hưng Chính	9,40	xã Hưng Chính	ONT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
22	Nâng cấp đường, mương Hồ Học Lãm	0,39	xã Hưng Đông	DGT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
23	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Mỹ Hậu, xã Hưng Đông	3,70	xã Hưng Đông	ONT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
24	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Trung Thành, Trung Mỹ, xã Hưng Đông (nay tên dự án là Khu Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành xã Hưng Đông)	2,05	xã Hưng Đông	ONT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
25	Hạ tầng chia lô đất ở 2 bên đường 24m (giai đoạn 2) tại xã Hưng Lộc, tp Vinh	22,03	xã Hưng Lộc	ONT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
26	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xen dăm xóm Đức Thịnh, xã Hưng Lộc	2,80	xã Hưng Lộc	ONT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
27	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Ngũ Lộc (phần còn lại)	3,33	xã Hưng Lộc	ONT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
28	Xây dựng nhà thờ giáo họ Kim Ân tại xóm Kim Nghĩa	0,18	xã Nghi Ân	TON	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Ghi chú
29	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Xuân Bình 13 (4 vị trí) xã Nghi Đức	0,94	xã Nghi Đức	ONT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
30	Hạ tầng chia lô đất ở đầu giá khu dân cư nông thôn xóm Xuân Thịnh	2,83	xã Nghi Đức	ONT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
31	Cây xăng Nghi Đức	0,30	xã Nghi Đức	TMD	Hủy bỏ do doanh nghiệp không bố trí được vốn
32	Hạ tầng chia lô đất ở phía Đông đường 36m qua xã Hưng Đông (phần còn lại)	8,90	xã Nghi Kim	ONT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
33	Hạ tầng chia lô đất ở khu dân cư xóm 6 (vị trí 1,2)	1,37	xã Nghi Kim	ONT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
34	Hạ tầng chia lô đất ở khu dân cư xóm 2	0,02	xã Nghi Kim	ONT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
35	Xây dựng Khu tập thể và vùng ao Nhà máy chè Vĩnh thuộc xóm 13B	0,30	xã Nghi Kim	ONT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
36	Mở rộng Cảng hàng không Quốc tế Vinh	57,35	xã Nghi Liên	DGT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND
37	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ GPMB dự án đường giao thông nối Vinh-Cửa Lò (giai đoạn 1), xã Nghi Phú	4,32	xã Nghi Phú	ONT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
38	Hạ tầng chia lô đất ở xóm 10 tại xã Nghi Phú	1,70	xã Nghi Phú	ONT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, không cung cấp được căn cứ pháp lý để đăng ký lại
39	Hạ tầng chia lô đất ở Dân cư khối 10	0,36	phường Quán Bàu	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
40	Cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Gia Thiều, phường Hưng Dũng (đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Tôn	2,15	phường Hưng Dũng	DGT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
41	Xây dựng nhà văn hóa Trường Phúc và cây xanh, bãi đậu xe tại khối Trường Phúc	0,23	phường Hưng Phúc	DSH	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
42	Nhà văn hóa xóm 23	0,22	xã Nghi Phú	DSH	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
43	Trường THCS Hưng Chính (Cơ sở 2)	1,60	xã Hưng Chính	DGD	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
44	Xây dựng cơ sở 2 trường THCS Nguyễn Trường Tộ (dự án cũ là trường THCS Đông Vĩnh)	2,00	phường Đông Vĩnh	DGD	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Ghi chú
45	Xây dựng trường Mầm non Việt Nam - Hàn Quốc	0,20	xã Nghi Phú	DGD	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
46	Hạ tầng kỹ thuật chia lô đất ở dân cư tại xóm Đức Thịnh (Bổ sung diện tích)	0,17	xã Hưng Lộc	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
47	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm 3 xã Nghi Phú	15,00	xã Nghi Phú	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
48	Hạ tầng chia lô đất ở khối Vĩnh Thịnh VT3 phường Đông Vĩnh	1,30	phường Đông Vĩnh	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2024
49	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư (để đấu giá) tại xóm 5	2,70	xã Nghi Liên	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
50	Hạ tầng chia lô đất ở xóm 5	2,65	xã Nghi Kim	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
51	Hạ tầng chia lô đất ở đấu giá xóm Xuân Hoa (vị trí 2)	3,48	xã Nghi Đức	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
52	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Xuân Trang, Xuân Bình 13	6,50	xã Nghi Đức	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
53	Hạ tầng kỹ thuật chia lô đất ở dân cư tại xóm 3 xã Nghi Kim	5,40	xã Nghi Kim	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
54	Khu nhà ở Mỹ Thượng	3,02	xã Hưng Lộc	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
55	Hạ tầng chia lô xen dăm các xóm Khánh Hậu, Phong Hào	0,37	xã Hưng Hòa	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
56	Hạ tầng chia lô đất ở xen dăm xóm 19 (vị trí 1)	0,41	xã Nghi Phú	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
57	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư (để đấu giá) tại xóm 5	6,00	xã Hưng Chính	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
58	Hạ tầng chia đất ở xóm Kim Mỹ (2 vị trí)	1,91	xã Nghi Ân	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
59	Hạ tầng chia lô xóm Kim Mỹ, xã Nghi Ân	0,09	xã Nghi Ân	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
60	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư và tái định cư tại khối 9, phường Quán Bàu (bổ sung diện tích)	12,88	phường Quán Bàu	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
61	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô xóm 5, xã Nghi Phú	0,50	xã Nghi Phú	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
62	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại khối Đông Lâm, phường Hưng Dũng	0,40	phường Hưng Dũng	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
63	Hạ tầng chia lô đất ở khối Vĩnh Thịnh (vị trí 1), phường Đông Vĩnh	1,87	phường Đông Vĩnh	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
64	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư (để đấu giá và tái định cư) tại Khối Vĩnh Thịnh	5,55	phường Đông Vĩnh	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
65	Hạ tầng chia lô đất ở khu Tập thể Công ty gia công xuất nhập khẩu (Việt Lào)- Phần còn lại	0,10	phường Hà Huy Tập	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Ghi chú
66	Dự án chung cư và trung tâm thương mại và dịch vụ BMC	0,15	phường Quán Bàu	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
67	Xây dựng Khu đô thị mới Cửa Tiền (phần còn lại)	1,74	phường Vinh Tân	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
68	Xây dựng khu đô thị và dịch vụ thương mại tại phường Vinh Tân (phần còn lại)	4,28	phường Vinh Tân	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
69	Khu nhà ở tại phường Vinh Tân	5,40	phường Vinh Tân	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
70	Khu nhà ở liền kề tại phường Hưng Bình (phần còn lại, bổ sung diện tích)	1,15	phường Hưng Bình	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
71	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khối Yên Duệ (vị trí số 2) 26 lô	0,78	phường Đông Vinh	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
72	Khu quy hoạch Hạ tầng chia lô xen dầm đất ở dân cư khối Yên Sơn	0,03	phường Hà Huy Tập	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
73	Xây dựng Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tập thể nhà in báo tại khối 11 ,phường Quang Trung	0,07	phường Quang Trung	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
74	Đất ở xen dầm khối 6, phường Trường Thi	0,03	phường Trường Thi	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
75	Dự án Sân thể thao tổng hợp, xen dầm khu dân cư khối 16 (trước là khối 24) (hạng mục sân thể thao)	0,26	phường Hưng Bình	DTT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
76	Xây dựng khu thể dục thể thao công cộng tại xóm 18	0,36	xã Nghi Phú	DTT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
77	Hạ tầng chia lô đất ở khối Vinh Xuân phường Đông Vinh	5,60	phường Đông Vinh	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2024
78	Đầu nối đường Trần Hữu Thung ra đường Bùi Dương Lịch	0,10	xã Hưng Đông	DGT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
79	Nâng cấp các tuyến đường thuộc khu vực trạm Ra đa 45 và trại huấn luyện Hưng Lộc	0,31	xã Hưng Lộc	DGT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
80	Xây dựng bãi đậu xe phía tây đường Trương Văn Lĩnh, xóm 6	0,57	xã Nghi Phú	DGT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
81	Cải tạo nâng cấp đường mương thoát nước xóm 20 (từ đường Trung Lộc đến đường Phú Yên)	0,30	xã Nghi Phú	DGT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
82	Xây dựng trụ sở trạm cảnh sát giao thông Bắc Vinh (Công an xã Nghi Kim)	0,50	xã Nghi Kim	CAN	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
83	Đài tưởng niệm phường Đội Cung	0,09	phường Đội Cung	DVH	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
84	Au chưa nước trạm bơm tiêu ứng khu vực chợ Vinh và vùng phụ cận (giai đoạn 1)	0,20	phường Vinh Tân	DTL	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
85	Xây dựng trung tâm mua bán thiết bị và Vật liệu xây dựng Dũng Nam	0,20	xã Nghi Phú	TMD	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
86	Đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài nối với đường ven sông Lam, thành phố Vinh (giai đoạn 2)	11,18	xã Hưng Lộc, phường Hưng Dũng, xã Hưng Hòa	DGT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Ghi chú
87	Hạ tầng kỹ thuật chia lô đất ở dân cư tại khối Đông Thọ (Bổ sung diện tích làm đường)	0,48	phường Hưng Dũng	DGT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
88	Xây dựng đường Lê Mao kéo dài từ KM 0+ 892,23m đến Km 1+212,28(gđ2)	2,00	phường Vinh Tân	DGT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
89	Hệ thống thoát nước (giai đoạn 1) khu vực Bắc đường Nguyễn Sỹ Sách	0,50	phường Hưng Dũng	DGT	Hủy bỏ do chưa có văn bản ghi vốn
90	Công trình chống ngập ứng cục bộ đường xô viết Nghệ Tĩnh	1,12	xã Nghi Phú, phường Hà Huy Tập	DTL	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
91	Mở rộng Nghĩa trang Cồn Vàng, xã Nghi Kim	1,93	xã Nghi Kim	NTD	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
92	Hạ tầng chia lô đất xen dầm xóm Phong Thuận, Thuận Hòa (vị trí 1,3,4,5, 6,7,8)	8,09	xã Hưng Hòa	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
93	Hạ tầng chia lô đất ở xen dầm xóm Khánh Hậu, Phong Hào (vị trí 3,9,10,12)	2,70	xã Hưng Hòa	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
94	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư xen dầm (đề đấu giá) tại xóm Đức Thịnh	2,68	xã Hưng Lộc	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
95	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Hòa Tiến, xã Hưng Lộc	4,71	xã Hưng Lộc	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
96	Hạ tầng khu chia lô đất ở dân cư tại xóm Đức Thịnh xã Hưng Lộc	9,80	xã Hưng Lộc	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
97	Hạ tầng chia đất ở xóm Kim Nghĩa	2,90	xã Nghi Ân	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
98	Hạ tầng khu dân cư tại xóm Kim Sơn và Kim Nghĩa	2,16	xã Nghi Ân	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
99	Hạ tầng kỹ thuật đô thị, chia lô đất ở đấu giá và tái định cư tại xã Nghi Đức	19,40	xã Nghi Đức	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
100	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khối 19, phường Đông Vinh (VT2)	1,35	phường Đông Vinh	ODT	Hủy bỏ do hết hạn NQ HĐND, đã đăng ký lại
101	Khu nhà ở tại phường Đông Vinh	4,50	phường Đông Vinh	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
102	Khu đô thị tại xã Nghi Phú và xã Hưng Lộc	10,84	xã Nghi Phú, xã Hưng Lộc	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
103	Khu đô thị ven hồ điều hòa 2	45,54	xã Hưng Hòa	ODT+TMD+DHT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
104	Khu đô thị và nhà ở xã hội (phần còn lại)	0,41	xã Hưng Hòa	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
105	Mở rộng khu đô thị (phần còn lại)	4,26	xã Hưng Hòa	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
106	Dự án Sân thể thao tổng hợp, xen dầm khu dân cư khối 16 (trước là khối 24) (hạng mục đất ở)	0,16	phường Hưng Bình	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
107	Khu tái định cư phục vụ GPMB xây dựng dự án Khu tổ hợp dịch vụ du lịch đô thị Bến Thủy	5,00	phường Bến Thủy	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Ghi chú
108	Khu tổ hợp dịch vụ du lịch đô thị Bến Thủy	31,40	phường Bến Thủy	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
109	Khu đô thị mới phường Đông Vinh	21,40	phường Đông Vinh	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
		1,31		DYT	
		1,75		DGD	
		0,83		DSH	
		21,40		DGT	
		9,00		DKV	
110	Hạ tầng chia lô đất ở khối Trung Nghĩa, phường Đông Vinh (Tây ga Vinh)	2,58	phường Đông Vinh	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
111	Hạ tầng khu tái định cư và khu dân cư thuộc 2 phường Đông Vinh và Cửa Nam	10,35	phường Cửa Nam, phường Đông Vinh	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
112	Tổ hợp Trung tâm thương mại dịch vụ	0,17	xã Nghi Phú	TMD	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
113	Cửa hàng xăng dầu xã Hưng Đông	0,33	xã Hưng Đông	TMD	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
114	Trung tâm thương mại dịch vụ Golden City 6	0,32	xã Nghi Phú	TMD	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
115	Trung tâm đào tạo lái xe cơ giới đường bộ tại xã Nghi Ân	3,76	xã Nghi Ân	TMD	Hủy bỏ do chưa đủ căn cứ pháp lý
116	Trung Tâm Thương Mại dịch vụ Tuấn Hoài	1,00	phường Vinh Tân	TMD	Hủy bỏ do hết thời hạn ghi trong chủ trương đầu tư mà chưa có văn bản gia hạn
117	Xây dựng trung tâm mua bán phụ tùng ô tô và cơ khí sửa chữa ô tô tại xóm 8 xã Nghi Liên	0,64	xã Nghi Liên	TMD	Hủy bỏ do hết thời hạn ghi trong chủ trương đầu tư mà chưa có văn bản gia hạn
118	Cửa hàng kinh doanh đồ gỗ nội thất tại xã Nghi Liên	0,36	xã Nghi Liên	TMD	Hủy bỏ do hết thời hạn ghi trong chủ trương đầu tư mà chưa có văn bản gia hạn
119	Xây dựng trung tâm thương mại và dịch vụ tổng hợp tại xã Hưng Đông (Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng Trường Thi)	0,60	xã Hưng Đông	TMD	Hủy bỏ do hết thời hạn ghi trong chủ trương đầu tư mà chưa có văn bản gia hạn
120	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khối Vinh Yên, phường Đông Vinh	1,38	phường Đông Vinh	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
121	Hạ tầng chia lô đất ở tại xóm 11(vị trí 2-phía tây) xã Nghi Kim	2,66	xã Nghi Kim	ONT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
122	Hạ tầng chia lô đất ở khối Vinh Thịnh VT2 phường Đông Vinh	2,50	phường Đông Vinh	ODT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
123	Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư thuộc 2 phường Đông Vinh và Cửa Nam, thành phố Vinh (hạng mục đường bao	4,68	phường Đông Vinh, phường Cửa Nam	DGT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
124	Xây dựng khu chế biến bảo quản nông sản và dược liệu	0,76	xã Hưng Đông	TMD	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
125	Xây dựng khu sản xuất lắp ráp đồ gỗ và kinh doanh thương mại tổng hợp	0,91	xã Nghi Liên	TMD	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023
126	Xây dựng viện dưỡng lão Thái Thượng Hoàng	1,67	xã Hưng Đông	DYT	Hủy bỏ do chưa thực hiện được trong năm 2023

TỔNG HỢP**Các công trình, dự án chưa thực hiện xong trong năm 2022 tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2023 trên địa bàn thành phố Vinh**

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Cơ sở doanh trại Công an thành phố Vinh	3,40		3,40	xã Nghi Phú	CAN	Quyết định số 9272/QĐ-BCA-H01 ngày 04/11/2020 của Bộ công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	Thông báo số 9069/TB-H01-P3 ngày 30/12/2022 của Bộ công an về việc chi tiêu kế hoạch vốn xây dựng trong ngân sách an ninh năm 2023	
2	Xây dựng doanh trại cụm 7 - bộ Tham mưu - Quân khu 4	0,31		0,31	xã Hưng Đông	CQP	Quyết định số 4315/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng doanh trại cụm 7; Văn bản số 7045/UBND-TCKH ngày 22/10/2021 của UBND thành phố Vinh về việc đề nghị hỗ trợ khác thực hiện dự án Xây dựng doanh trại cụm 7	Quyết định số 4315/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng doanh trại cụm 7; Văn bản số 7045/UBND-TCKH ngày 22/10/2021 của UBND thành phố Vinh về việc đề nghị hỗ trợ khác thực hiện dự án Xây dựng doanh trại cụm 7	
3	Đường Lê Mao kéo dài (Dự án WB) (Đăng ký kế hoạch đợt 1)	0,56		0,56	phường Vinh Tân	DGT	Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An", vay vốn WB		
4	Đường Cao Xuân Huy (Dự án WB) (Đăng ký kế hoạch đợt 1)	0,98		0,98	phường Vinh Tân	DGT	Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An", vay vốn WB		
5	Đường Trần Nguyên Hân (Dự án WB) (Đăng ký kế hoạch đợt 1)	1,25		1,25	phường Đông Vinh, phường Cửa Nam, xã Hưng Chính	DGT	Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An", vay vốn WB		
6	Trạm bơm hồi chùa (Dự án WB) (Đăng ký kế hoạch đợt 1)	0,78		0,78	xã Hưng Hòa	DTL	Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An", vay vốn WB		
7	Xây dựng hồ điều hòa Hưng Hòa 2 (giai đoạn 1) dự án WB (Đăng ký kế hoạch đợt 1)	1,06		1,06	xã Hưng Hòa	DKV+MNC	Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An", vay vốn WB		
8	Nâng cấp sông Vinh (Dự án WB) (Đăng ký kế hoạch đợt 1)	1,44		1,44	phường Cửa Nam, phường Hồng Sơn, phường Vinh Tân	SON	Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An", vay vốn WB		
9	Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An (giai đoạn 4)	40,40		40,40	xã Hưng Chính	ODT+TMD+DHT	Quyết định số 10/2015/QĐ-TTg ngày 03/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 2 Quy hoạch chế hoạt động của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 21/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 67/2014/QĐ-TTg ngày 04/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ		
10	Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An (giai đoạn 5A)	35,22		35,22	xã Hưng Chính	ODT+TMD+DHT	Quyết định số 10/2015/QĐ-TTg ngày 03/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 2 Quy hoạch chế hoạt động của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Quyết định số 21/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 67/2014/QĐ-TTg ngày 04/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ		
11	Xây dựng Trụ sở UBND xã Hưng Đông (mở rộng)	0,53	0,46	0,07	xã Hưng Đông	TSC	Quyết định số 5712/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trụ sở UBND xã Hưng Đông	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND xã Hưng Đông về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
12	Xây dựng Trụ Sở, nhà làm việc Cơ quan UBND xã Nghi Phú	0,68		0,68	xã Nghi Phú	TSC	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh; Quyết định số 5344/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND thành phố Vinh phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500;	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
13	Xây dựng trụ sở Tài nguyên và Môi trường	1,15		1,15	xã Nghi Phú	TSC	Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
14	Đường Hoàng Văn Bá, xã Hưng Lộc	0,50		0,50	xã Hưng Lộc	DGT	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP về việc phê duyệt Quyết định số chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP về việc phê duyệt Quyết định số chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh	
15	Nâng cấp, cải tạo đường Trần Thánh Tông, xã Hưng Lộc	0,20		0,20	xã Hưng Lộc	DGT	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP về việc phê duyệt Quyết định số chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP về việc phê duyệt Quyết định số chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh	
16	Tuyệt đường quy hoạch nói đề bao sông Vinh với đường tránh thành phố Vinh (giai đoạn 1)	4,50		4,50	phường Vinh Tân	DGT	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP Vinh Quyết định số chủ trương đầu tư các dự án; Quyết định số 8956/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Quyết định số 8956/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND Thành phố phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
17	Chỉnh trang khu dân cư hiện hữu (giải quyết đơn thư của ông Nguyễn Bá Dũng)	0,02		0,02	xã Hưng Chính	DGT	Công văn số 2788/UBND-TNMT ngày 21/5/2021 của UBND Thành phố về giải quyết đơn thư	Công văn số 2788/UBND-TNMT ngày 21/5/2021 của UBND Thành phố về giải quyết đơn thư	
18	Chỉnh trang khu dân cư xã Nghi Kim (giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn Tài)	0,01		0,01	xã Nghi Kim	DGT	Văn bản số 176/TTr-UBND ngày 29/9/2021 của UBND xã Nghi Kim về giải quyết đơn	Văn bản số 176/TTr-UBND ngày 29/9/2021 của UBND xã Nghi Kim về giải quyết đơn	
19	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tại các xóm Mẫu Đơn, xóm Ngũ Lộc và xóm 12	0,04		0,04	xã Hưng Lộc	DGT	Quyết định số 6058/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
20	Đường Trần Minh Tông (đoạn từ đường Trần Tấn đến đường Tuệ Tĩnh), thành phố Vinh	0,75		0,75	xã Hưng Lộc	DGT	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP về việc phê duyệt Quyết định số chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
21	Đường Quy hoạch 24m xã Nghi Phú (nối đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến đường Nguyễn Văn Tố) và chống ngập úng cục bộ đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	4,20		4,20	xã Nghi Phú, xã Nghi Đức	DGT	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án trong kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
22	Đường quy hoạch 24m nối đường Lý Tự Trọng và đường 72m, phường Hà Huy Tập, xã Nghi Phú	2,35		2,35	xã Nghi Phú, phường Hà Huy Tập	DGT	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án trong kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
23	Mở rộng, nâng cấp đường giao thông liên xã Nghi Ân- Nghi Trường (từ Quốc lộ 46 qua xóm Hòa Hợp) xã Nghi Ân	0,75		0,75	xã Nghi Ân	DGT	Quyết định số 6370/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND thành phố về chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
24	Đường quy hoạch 7m từ đường 535 đi đường Sư Vạn Hạnh	0,10		0,10	xã Nghi Đức	DGT	Quyết định số 6141/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
25	Đường dân cư từ đường Nguyễn Phi Ý Lan đi xóm Xuân Đức	0,10		0,10	xã Nghi Đức	DGT	Quyết định số 6150/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
26	Đường Hải Thượng Lãn Ông rộng 24m (từ đường Bùi Huy Bích đến đường quy hoạch 24m)	2,14		2,14	xã Hưng Lộc	DGT	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP về việc phê duyệt Quyết định số chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
27	Đường gom từ đường Hòa Thịnh đến Đài tưởng niệm xã Hưng Hòa	0,96	0,06	0,90	xã Hưng Hòa	DGT	Quyết định 4745/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND thành phố Vinh về chủ trương đầu tư dự án: Đường gom từ đường Hòa Thịnh đến Đài tưởng niệm xã Hưng Hòa; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
	Đường gom từ đường Hòa Thịnh đến Đài tưởng niệm xã Hưng Hòa (Phần bổ sung diện tích)	1,00		1,00			Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh		
28	Đường quy hoạch 18m nối đường Hòa Thái với đường Trung tâm xã Hưng Hòa	0,50		0,50	xã Hưng Hòa	DGT	Quyết định 4240/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND TP Vinh về chủ trương đầu tư dự án: Đường quy hoạch 18m nối đường Hòa Thái với đường Trung Tâm xã Hưng Hòa; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
29	Nâng cấp đường Hòa Thịnh, xã Hưng Hòa (Phần diện tích đăng ký bổ sung)	0,23	0,16	0,07	xã Hưng Hòa	DGT	Quyết định số 6989/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp đường Hòa Thịnh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
	Nâng cấp đường Hòa Thịnh, xã Hưng Hòa	0,20		0,20				Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
30	Hành lang giao thông trước Cơ sở doanh trại Công an thành phố Vinh và Nhà văn hóa xóm 23	0,18		0,18	xã Nghi Phú	DGT	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
31	Đường 12m từ đường Nguyễn Cảnh Hoan đến đường Namjangju	2,90		2,90	phường Quán Bàu	DGT	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
32	Xây dựng đường giao thông từ Quốc lộ 1A (ngã ba Quán Bàu) đến đại lộ Xô Viết Nghệ Tĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (phần còn lại)	0,17		0,17	xã Nghi Phú	DGT	Quyết định số 2112/QĐ-UB-CN ngày 11/06/2004 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt dự án đầu tư; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
33	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 18m nối QL46 nối Đại lộ Vinh, Cửa Lò	4,25		4,25	xã Nghi Ân, xã Nghi Đức	DGT	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 13/05/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án; Quyết định số 4040/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 18m nối Quốc Lộ 46 với Đại lộ Vinh - Cửa Lò (Phần bổ sung diện tích)	0,52		0,52	xã Nghi Ân, xã Nghi Đức	DGT			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
34	Nâng cấp, cải tạo đường từ đường Lê Viết Thuật đi nghĩa trang thành phố, xã Hưng Lộc	0,20		0,20	xã Hưng Lộc	DGT	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP về việc phê duyệt Quyết định số chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh; Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Vinh	Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Vinh	
35	Đường Hải Thượng Lãn Ông rộng 24 m (điểm đầu đường Trương Văn Lĩnh, điểm cuối giao đường Bùi Huy Bích)	0,42		0,42	xã Nghi Phú, phường Hà Huy Tập	DGT	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND TP về việc phê duyệt Quyết định số chủ trương đầu tư dự án thuộc kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
36	Đường gom dân sinh dọc tuyến đê Tả Lam (giai đoạn 1), xã Hưng Hòa	0,50		0,50	xã Hưng Hòa	DGT	Quyết định số 8346/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật của UBND thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
37	Xây dựng Đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài nối đường ven sông Lam (giai đoạn 1)	11,21	11,11	0,10	phường Hưng Dũng	DGT	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh; Quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
		0,71	0,71		xã Hưng Lộc	DGT			
		16,98	16,78	0,20	xã Hưng Hòa	DGT			
38	Đường trục chính từ Quốc lộ 46 đến trung tâm xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh lộ 8B	1,49		1,49	xã Hưng Chính	DGT	Quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt dự án đầu tư	Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Văn kiện dự án; Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Hợp phần tỉnh Nghệ An, vay vốn ADB	
39	Xây dựng tuyến đường Lý Thường Kiệt, thành phố Vinh và hạ tầng khu công viên, bãi đỗ xe, nhà văn hóa khối và chia lô tái định cư tại khối Vinh Phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh (phân đăng ký lần đầu và đăng ký bổ sung)	3,10	1,33	1,77	phường Hưng Bình, phường Hưng Phúc	DGT	Văn bản số 98/HĐND-VP ngày 12/7/2019 về việc chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng tuyến đường Lý Thường Kiệt, thành phố Vinh và hạ tầng khu công viên, bãi đỗ xe, nhà văn hóa khối và chia lô tái định cư tại khối Vinh Phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh; Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND TP Vinh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
40	Xây dựng đường Lê Ninh (phần còn lại)	0,80		0,80	phường Quán Bàu	DGT	Quyết định số 4071/QĐ-UBND ngày 10/07/2018 của UBND TP. Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
41	Xây dựng đường quy hoạch 21,5m tại phường Vinh Tân	1,40		1,40	phường Vinh Tân	DGT	Quyết định số 6376/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng đường quy hoạch 21,5m tại phường Vinh Tân; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
42	Hạ tầng kỹ thuật chia lô đất ở xóm Trung Mỹ, Mỹ Long, xã Hưng Đông (bổ sung diện tích làm đường)	0,35		0,35	xã Hưng Đông	DGT	Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 29/03/2021 của UBND TP Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh QH chia lô đất ở tại xóm Trung Mỹ, Mỹ Long, Mỹ Hòa xã Hưng Đông; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
43	Xây dựng tuyến đường D3, N3 vào cụm công nghiệp xã Hưng Đông, thành phố Vinh	3,63	3,03	0,60	xã Hưng Đông	DGT	Quyết định số 3030/QĐ-UBND-CN ngày 17/7/2013 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Tuyến đường D3, N3 vào cụm công nghiệp xã Hưng Đông; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
44	Xây dựng đường Bàu Đông	1,10		1,10	xã Hưng Đông	DGT	Quyết định số 807/UBND ngày 21/7/2021 của UBND xã Hưng Đông v/v phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư, giá gói thầu công trình: Xây dựng đường Bàu Đông, xã Hưng Đông	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND xã Hưng Đông về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023	
45	Xây dựng đường giao thông Hòa Thái, xã Hưng Hòa, thành phố Vinh nối từ đường ven sông Lam đến đê môi trường (Gđ1)	3,30	2,74	0,56	xã Hưng Hòa	DGT	Quyết định số 5119/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư: xây dựng đường giao thông Hòa Thái, xã Hưng Hòa	Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 7/3/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc xử lý vốn còn lại chưa giải ngân thuộc kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022	
	Xây dựng đường giao thông Hòa Thái nối đường ven sông Lam đến đê Môi trường (giai đoạn 1) (bổ sung diện tích)	0,60		0,60					
46	Đường quy hoạch 18m từ đường Lê Lợi đến đường Hoàng Xuân Hãn	1,26		1,26	phường Lê Lợi	DGT	Công văn số 195/HĐND-VP ngày 6/7/2020 của hội đồng nhân dân thành phố Vinh v/v quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đường quy hoạch 18m từ đường Lê Lợi đến đường Hoàng Xuân Hãn, phường Lê Lợi; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
47	Xây dựng đường QH giữa nhà Tượng niệm Nguyễn Thị Minh Khai và rạp chiếu phim 12/9	0,01		0,01	phường Quang Trung	DGT	Quyết định số 4416/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND thành phố Vinh v/v phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng đường quy hoạch giữa nhà tượng niệm Nguyễn Thị Minh Khai và rạp chiếu phim 12/9; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
48	Mở rộng Bến xe phía Đông	0,84	0,04	0,80	xã Nghi Phú	DGT	Quyết định số 110/QĐ-UBND chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh Nghệ An	Quyết định số 110/QĐ-UBND chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh Nghệ An	
49	Xây dựng Đường giao thông phía sau trường Trung học xã Nghi Phú 2, xóm 23	0,11		0,11	xã Nghi Phú	DGT	Nghị quyết 21 ngày 30/7/2021 của HĐND xã Nghi Phú về việc UBND xã quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm C	Nghị quyết 21 ngày 30/7/2021 của HĐND xã Nghi Phú về việc UBND xã quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm C	
50	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Nhật Duật	0,02		0,02	phường Đông Vinh	DGT	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
51	Xây dựng đường Hồ Quý Ly (đoạn từ đường Hồ Sỹ Tân đến đường Nguyễn Văn Trỗi)	0,90		0,90	phường Bến Thủy	DGT	Quyết định số 7729/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố Vinh v/v phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Xây dựng đường Hồ Quý Ly (đoạn từ đường Hồ Sỹ Tân đến đường Nguyễn Văn Trỗi), phường Bến Thủy, thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
52	Thu hồi đất phần ảnh hưởng dự án đường 72 m đoạn qua xã Hưng Đông (giải quyết đơn thư của bà Lê Thị Tuyết)	0,01		0,01	xã Hưng Đông	DGT	Công văn số 6016/UBND-TNMT ngày 14/9/2021 của UBND Thành phố về giải quyết đơn thư	Công văn số 6016/UBND-TNMT ngày 14/9/2021 của UBND Thành phố về giải quyết đơn thư	
53	Thu hồi phần ảnh hưởng dự án mở rộng đường Hải Thượng Lãn Ông và đường quy hoạch rộng 9m	0,01		0,01	xã Hưng Lộc	DGT	Văn bản số 297/TTr-UBND ngày 29/9/2021 của UBND xã Hưng Lộc; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
54	Thông tuyến ngõ A3 đường Herman Gmeiner	0,02		0,02	phường Hưng Phúc	DGT	Công văn số 7129/UBND-TNMT ngày 26/10/2021 của UBND Thành phố về chủ trương TĐC; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
55	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư (đề đầu giá và tái định cư) tại khối Vĩnh Thịnh (bổ sung diện tích để kéo dài tuyến đường giao thông D2)	0,27		0,27	phường Đông Vinh	DGT	Quyết định số 7380 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết ngày 9/12/2019; Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của HĐND số 105 ngày 10/3/2020; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
56	Xây dựng hệ thống mương tưới vùng rau Đông Vinh, xã Hưng Đông (phần còn lại)	0,21		0,21	xã Hưng Đông	DTL	Quyết định số 4410/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND xã Hưng Đông về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023	
57	Dự án mương thoát nước xóm 1 đến xóm 5, xã Nghi Kim	0,33		0,33	xã Nghi Kim	DTL	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
58	Xây dựng đường, mương quy hoạch 12m, khối 9, phường Lê Lợi	0,51		0,51	phường Lê Lợi	DTL	Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND phường Lê Lợi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
59	Cải tạo kênh dẫn (đoạn từ hồ Vinh, Tân đến trạm bơm) và âu chứa nước trạm bơm phía Nam	0,25		0,25	phường Vinh Tân	DTL	Quyết định số 6291/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
60	Mương thoát nước từ Quốc lộ 46 đến kênh Rào Trường	0,29		0,29	xã Nghi Ân	DTL	Quyết định số 6369/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND thành phố Vinh về chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
61	Hệ thống kênh tưới, tiêu vùng Đông xã Nghi Liên (giai đoạn 3: từ xóm Kim Chi đến Phố Môn)	3,00		3,00	xã Nghi Liên	DTL	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
62	Chống ngập úng cục bộ khu vực xóm 1,2, 3, xã Nghi Kim	0,06	0,04	0,02	xã Nghi Kim	DTL	Quyết định số 7677/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND Thành phố về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
63	Mương thoát nước từ đường Phan Thúc Trực đến mương T4	0,36		0,36	phường Đông Vinh	DTL	Quyết định số 4093/QĐ-UBND ngày 09 tháng 08 năm 2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ; điều chỉnh giá các gói thầu thuộc công trình: Mương thoát nước từ đường Phan Thúc Trực đến mương T4; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
64	Công trình Kênh tiêu chính từ Nghi Ân đi rào Đứng - Nghi Thái, thành phố Vinh	0,20		0,20	xã Nghi Đức	DTL	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
65	Xây dựng Nhà văn hóa khối Vinh Quang	0,11		0,11	phường Hưng Bình	DSH	Quyết định số 4456/QĐ-UBND ngày 07/09/2021 về việc phê duyệt QH chi tiết tỷ lệ 1/500	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
66	Xây dựng nhà văn hóa khối Vinh Quang	0,23		0,23	phường Đông Vinh	DSH	Quyết định số 5801/QĐ-UBND ngày 2/10/2018 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà văn hoá khối Vinh Quang, phường Đông Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
67	Xây dựng nhà văn hóa khối 4	0,04		0,04	phường Bến Thủy	DSH	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
68	Cải tạo đường dây 110Kv Hưng Đông - Can	0,17		0,17	xã Hưng Chính	DNL	Quyết định số 2432/QĐ-BCT ngày 15/9/2020 của Bộ Công	Quyết định số 2432/QĐ-BCT ngày 15/9/2020 của Bộ Công	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Lộc và Hưng Đông - Linh Cảm	0,17		0,17	phường Đông Vinh	DNL	Thương về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi	Thương về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi	
69	Cây TBA CQT, giám bán kính cấp điện, nâng cao điện áp để giảm số lượng khách hàng sinh hoạt có điện áp thấp khu vực TP Vinh, huyện Yên Thành, Diễn Châu, Nam Đàn tỉnh Nghệ An	0,04		0,04	xã Hưng Lộc	DNL	Quyết định số: 2449/QĐ-EVNNPC ngày 15/9/2020 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Quyết định số: 2449/QĐ-EVNNPC ngày 15/9/2020 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	
70	Xử lý khoảng cách pha đất thấp và giảm thiểu vi phạm HLLĐCA tại huyện Yên Thành, Đô Lương, Nam Đàn, Nghi Lộc, Diễn Châu, Anh Sơn, TX Cửa Lò, thành phố Vinh	0,03		0,03	xã Hưng Lộc, phường Đông Vinh, xã Nghi Đức	DNL	Quyết định số 3792/QĐ-PCNA ngày 25/8/2021 của Điện lực Nghệ An về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư dự án	Quyết định số 3792/QĐ-PCNA ngày 25/8/2021 của Điện lực Nghệ An về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư dự án	
71	Cây TBA, Giám bán kính cấp điện, giám TTĐN TBA xã Hưng Đông, T2 xã Hưng Đông, TBA Mai Lộc, TBA 1,2,3,4 xã Nghi Kim, TBA TĐ 764, xã Nghi Ân 1,2,4,6,8,9, Châu Hưng	0,06		0,06	xã Nghi Ân, xã Hưng Đông	DNL	Quyết định số 6262/QĐ-PCNA ngày 24/12/2020 của Công ty Điện lực NA về việc phê duyệt BCKTKT công trình	Quyết định số 6262/QĐ-PCNA ngày 24/12/2020 của Công ty Điện lực NA về việc phê duyệt BCKTKT công trình	
72	Xây dựng xuất tuyến từ trạm 110kV Hưng Nguyên kết nối chống quá tải, tạo mạch vòng liên thông cho đường dây 478E15.1 khu vực phía Tây Bắc TP. Vinh	0,02		0,02	xã Hưng Đông, phường Quán Bàu	DNL	Số: 2570/PCNA-BDA ngày 20/8/2020 của Giám đốc Công ty Điện lực Nghệ An	Số: 2570/PCNA-BDA ngày 20/8/2020 của Giám đốc Công ty Điện lực Nghệ An	
73	Cây TBA giám bán kính cấp điện, giám TTĐN các TBA HTX Hưng Đông, T2 Hưng Đông, TBA xóm Mai Lộc, TBA 1,2,3,4 Nghi Kim, TBA TĐ 764, Nghi Ân 1,2,4,6,8,9 Châu Hưng, TP Vinh	0,06		0,06	xã Hưng Lộc, xã Nghi Phú, xã Nghi Kim, xã Hưng Đông, phường Vinh Tân	DNL	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	
74	Xây dựng ĐZ kết nối mạch vòng liên thông chống quá tải từ trạm 110kV Hưng Hòa ĐZ 477E15.16 với lưới điện 22 kV trạm 220kV Hưng Đông và trạm 110kV Hưng Nguyên	0,06		0,06	xã Hưng Lộc, xã Nghi Phú	DNL	Số: 2570/PCNA-BDA ngày 20/8/2020 của Giám đốc Công ty Điện lực Nghệ An	Số: 2570/PCNA-BDA ngày 20/8/2020 của Giám đốc Công ty Điện lực Nghệ An	
75	Chống quá tải các xã Nghi Kim, Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	0,01		0,01	xã Nghi Phú	DNL	Quyết định số 630/QĐ-PCNA ngày 22/02/2017 của Công ty điện lực Nghệ An về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng, Công trình: Chống quá tải các xã Nghi Kim, Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Quyết định số 630/QĐ-PCNA ngày 22/02/2017 của Công ty điện lực Nghệ An về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng, Công trình: Chống quá tải các xã Nghi Kim, Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	
76	Giảm TBA, CQT, giám bán kính cấp điện, giám TTĐN khu vực: TP Vinh, huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn, Đô Lương	0,03		0,03	phường Vinh Tân, xã Hưng Đông	DNL	Quyết định số: 1143/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 của TCT Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao Kế hoạch vốn bổ sung năm 2022	Quyết định số: 1143/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 của TCT Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao Kế hoạch vốn bổ sung năm 2022	
77	CQT, giám bán kính cấp điện lưới điện hạ áp, giám TTĐN khu vực xã: Nghi Liên, Nghi Mỹ, Hưng Yên Bắc, Nghi Tiến, Hưng Tây, Nghi Trường, Nghi Long huyện Nghi Lộc	0,05		0,05	xã Nghi Liên	DNL	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất	
78	Cài tạo Đường dây 380 xã Hưng Đông - 373 Cửa Lò	0,03		0,03	xã Hưng Đông, xã Nghi Kim, xã Nghi Liên	DNL	Quyết định số số 3598/QĐ-PCNA của Công ty Điện lực Nghệ An ngày 10/9/2019 v/v phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	Quyết định số số 3598/QĐ-PCNA của Công ty Điện lực Nghệ An ngày 10/9/2019 v/v phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	
79	Giảm TBA, CQT, giám bán kính cấp điện, giám TTĐN khu vực: thị xã Cửa Lò, Hoàng Mai, Nghi Lộc, Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu	0,01		0,01	xã Nghi Liên	DNL	số: 1143/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 của TCT Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao Kế hoạch vốn bổ sung năm 2022	Quyết định số 1143/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 của TCT Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao Kế hoạch vốn bổ sung năm 2022	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
80	Mở rộng trường mầm non Nghi Kim	0,30		0,30	xã Nghi Kim	DGD	Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
81	Xây dựng trường THCS xã Nghi Phú	1,43		1,43	xã Nghi Phú	DGD	Quyết định số 7762/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND Thành phố Vinh về việc phê duyệt quy hoạch; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư (Phụ lục 15)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
82	Mở rộng cơ sở 1 - Trường Đại học Vinh	13,60	13,43	0,17	phường Trường Thi	DGD	Quyết định số 5169/QĐ-UBND-ĐTĐXD ngày 10/10/2014 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch; Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về Kế hoạch đầu tư công 2023	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về Kế hoạch đầu tư công 2023	
83	Xây dựng mới trường THPT chuyên Phan Bội Châu (phần còn lại)	7,32	2,18	5,14	xã Nghi Ân	DGD	Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 28/2/2023 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (Nguồn vốn đầu tư công trung hạn Trung ương giai đoạn 2021-2025)	
84	Mở rộng trường tiểu học và THCS Nghi Kim	0,43		0,43	xã Nghi Kim	DGD	Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
85	Mở rộng trường Mầm non Trường Thi	0,33	0,28	0,05	phường Trường Thi	DGD	Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của UBND Thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
86	Mở rộng và đầu tư các hạng mục trường Tiểu học Nghi Phú 1	0,99	0,69	0,30	xã Nghi Phú	DGD	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
87	Mở rộng và đầu tư các hạng mục trường Mầm non Nghi Phú	0,66	0,46	0,20	xã Nghi Phú	DGD	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
88	Mở rộng trường mầm non Nghi Liên (cơ sở 2)	0,71		0,71	xã Nghi Liên	DGD	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
89	Đầu tư cơ sở vật chất Trường Đại học Y khoa Vinh cơ sở 2	6,00		6,00	xã Hưng Lộc	DGD	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 25/3/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; Quyết định số 4064/QĐ-UBND ngày 30/10/2021 của UBND thành phố Vinh về phê duyệt dự án	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về Kế hoạch đầu tư công 2023	
90	Xây dựng Sân vận động và các hạng mục phụ trợ	2,30	2,23	0,07	xã Hưng Đông	DTT	Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 15/05/2018 v/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 sân vận động xã Hưng Đông; Công văn số 190/HĐND-VP ngày 10/10/2018 của HĐND thành phố về việc chủ trương đầu tư	Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Vinh	
91	Hạ tầng chia lô đất ở khu tập thể và vùng ao nhà máy chè Vinh thuộc xóm 13B	0,68		0,68	xã Nghi Kim	ONT	Quyết định số 6216/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND thành phố Vinh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Quyết định số 6216/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND thành phố Vinh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
92	Xây dựng nhà ở xã hội cho cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Nghệ An tại xã Nghi Phú	1,10		1,10	xã Nghi Phú	ONT	Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 28/06/2016 của UBND tỉnh Nghệ An v/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (điều chỉnh) tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở chung cư và liên kế cho cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Nghệ An; Giấy chứng nhận đầu tư số 4517722160 cấp lần đầu ngày 27/2/2017 thay đổi lần thứ 1 ngày 24/5/2021; Trích lục số 208/2016/BĐĐC/VPĐK ngày 11/7/2016		
	Nhà ở xã hội cho cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Nghệ An (bổ sung diện tích tại NQ58)	0,43		0,43					

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
93	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành - Trung Mỹ xã Hưng Đông	1,64	1,26	0,38	xã Hưng Đông	ONT	Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND thành phố Vinh về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành, Trung Mỹ, xã Hưng Đông	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
94	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư (đề đấu giá) tại xóm 2 và xóm 4 xã Nghi Kim, TP Vinh	5,78	0,76	5,02	xã Nghi Kim	ONT	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
95	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Đức Vinh và xóm Đức Thịnh, xã Hưng Lộc	5,04		5,04	xã Hưng Lộc	ONT	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
96	Hạ tầng chia lô xóm Kim Trung (VT1, VT2)	10,00	3,10	6,90	xã Nghi Ân	ONT	Quyết định 1350/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 về khảo sát địa điểm; Quyết định số 3913/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
97	Hạ tầng chia lô khu đất ở dân cư tại xóm 5 xã Nghi Phú (Đăng ký đợt 1)	1,92		1,92	xã Nghi Phú	ONT	Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
98	Hạ tầng chia lô đất ở khu dân cư xóm Bắc Liên (Đăng ký đợt 1)	2,20		2,20	xã Nghi Liên	ONT	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
99	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư phía Tây đường Nguyễn Trường Tộ, xã Hưng Đông	3,04		3,04	xã Hưng Đông	ONT	Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND TP. Vinh về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Quyết định số 8292/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
100	Chia lô đất ở dân cư tại xóm Yên Vinh, xã Hưng Đông	1,40		1,40	xã Hưng Đông	ONT	Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND TP. Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
101	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành (gần đường Bầu Đông) (phần còn lại)	1,52	1,26	0,26	xã Hưng Đông	ONT	Quyết định số 3830/QĐ-UBND ngày 2/7/2018 của UBND thành phố Vinh V/v Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành, xã Hưng Đông, thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
102	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Trung Thành, xã Hưng Đông (Khu C, phần diện tích còn lại)	3,20	2,73	0,47	xã Hưng Đông	ONT	Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 13/05/2021 của UBND TP Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành, xã Hưng Đông; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
103	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở tại xóm Yên Xá	0,94		0,94	xã Hưng Đông	ONT	Quyết định số 3951/QĐ-UBND ngày 2/8/2021 của UBND thành phố Vinh v/v Điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở tại xóm Yên Xá, xã Hưng Đông; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
104	Hạ tầng kỹ thuật chia lô đất ở dân cư xóm Trung Thành, Trung Mỹ (phía tây đường Nguyễn Trường Tộ, lối 2, khu B) (phần còn lại)	3,14	1,77	0,40	xã Hưng Đông	ONT	Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Chia lô đất ở dân cư xóm Trung Thành, Trung Mỹ (phía tây đường Nguyễn Trường Tộ, lối 2, khu B); Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
105	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư (để đấu giá) tại xóm Yên Khang	2,47	0,87	1,60	xã Hưng Đông	ONT	Quyết định số 3052/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc khảo sát lựa chọn địa điểm để lập quy hoạch xây dựng chia lô đất ở dân cư (để đấu giá) tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh.	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh.	
106	Hạ tầng khu quy hoạch đất ở dân cư (để đấu giá) tại xóm Trung Thuận	2,00		2,00	xã Hưng Đông	ONT	Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc khảo sát lựa chọn địa điểm; Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 4/6/2020 của thành phố Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
107	Hạ tầng chia lô đất ở tại xóm Đông Vinh	1,97		1,97	xã Hưng Đông	ONT	Quyết định số 7185/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND TP về phê duyệt QH chi tiết xây dựng; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
108	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Trung Mỹ, Mỹ Long, Mỹ Hòa xã Hưng Đông	0,10		0,10	xã Hưng Đông	ODT	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
109	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khu vực phía đông đường quy hoạch 36m tại xã Hưng Đông và xã Nghi Kim	2,40		2,40	xã Hưng Đông	ONT	Quyết định số 8442/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND TP về phê duyệt QH chi tiết xây dựng; CV số 42/HDND-VP ngày 16/4/2018 của HĐND thành phố về việc điều chỉnh chủ trương xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư phía Đông; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
110	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Kim Đông	6,20	6,05	0,15	xã Nghi Ân	ONT	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
111	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Kim Bình	5,13		5,13	xã Nghi Ân	ONT	Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 14/2/2022 của UBND thành phố Vinh về chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xóm Kim Bình, xã Nghi Ân, thành phố Vinh (5,30ha)	Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 14/2/2022 của UBND thành phố Vinh về chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xóm Kim Bình, xã Nghi Ân, thành phố Vinh (5,30ha)	
112	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư (để đấu giá) xóm Khánh Hậu	1,17		1,17	xã Hưng Hòa	ONT	Quyết định 2308/QĐ-UBND ngày 15/05/2020 của UBND thành phố Vinh v/v phê duyệt điều chỉnh QH chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu chia lô đất ở tại xóm Khánh Hậu; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
113	Hạ tầng khu chia lô đất ở xóm 10, xã Nghi Liên (Đăng ký đợt 1)	1,99		1,99	xã Nghi Liên	ONT	Quyết định số 6266/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 13/08/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cho tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
114	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Kim Chi, xã Nghi Ân	3,05		3,05	xã Nghi Ân	ONT	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/6/2022 của HĐND thành phố Vinh về quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND thành phố Vinh v/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
115	Hạ tầng khu công viên cây xanh và chia lô đất ở dân cư tại xóm Mẫu Đơn, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh	0,87		0,87	xã Hưng Lộc	ONT	Quyết định số 4619/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 về việc bổ sung, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng khu công viên cây xanh và chia lô đất ở dân cư tại xóm mẫu đơn xã Hưng Lộc, thành phố Vinh; Quyết định số 3111/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của UBND thành phố Vinh v/v phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công viên cây xanh và chia lô đất ở dân cư tại xóm Mẫu Đơn, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
116	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở xóm Đức Vinh vị trí 2	1,84		1,84	xã Hưng Lộc	ONT	Quyết định số 8391/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Đức Vinh, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh (vị trí số 2); Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 chia lô đất ở dân cư tại xóm Đức Vinh, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh (vị trí số 2); Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
117	Hạ tầng chia lô (đầu giá/tái định cư) xóm Xuân Hương	1,45		1,45	xã Nghi Đức	ONT	Quyết định số 7605/UBND ngày 15/12/2020 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu chia lô đất ở dân cư (đầu giá/tái định cư) tại xóm Xuân Hương, xã Nghi Đức; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
118	Hạ tầng chia lô đất ở tại xóm 1, xã Nghi Kim	2,94		2,25	xã Nghi Kim	ONT	Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 2/8/2021 của UBND thành phố Vinh v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500- Chia lô đất ở dân cư tại xã Nghi Kim; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
	Chia lô đất ở dân cư tại xóm 1, xã Nghi Kim (bổ sung diện tích)	0,69		0,69				Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
119	Khu nhà ở trung tâm Nghi Kim	3,27		3,27	xã Nghi Kim	ONT	Quyết định số 3602/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500; Quyết định số 47/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An ngày 28/6/2021 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 8/11/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Quyết định chấp thuận nhà đầu tư	
		0,29		0,29	xã Nghi Kim	DKV			
		1,60		1,60	xã Nghi Kim	DGT			
		0,06		0,06	xã Nghi Kim	DTL			
		7,62		7,62	xã Nghi Kim, xã Nghi Liên	ODT			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
120	Khu đô thị Bắc Nghi Kim	0,24		0,24	xã Nghi Kim, xã Nghi Liên	TMD	Quyết định số 3601/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500; Quyết định số 47/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An ngày 28/6/2021 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 8/11/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Quyết định chấp thuận nhà đầu tư	
		3,88		3,88	xã Nghi Kim xã Nghi Liên	DGT			
		0,06		0,06	xã Nghi Kim	DTL			
		0,20		0,20	xã Nghi Kim	DGD			
		0,30		0,30	xã Nghi Kim	DTT			
		0,01		0,01	xã Nghi Kim	DNL			
		0,09		0,09	xã Nghi Kim	DSH			
		0,34		0,34	xã Nghi Kim	DKV			
121	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Kim Hợp, xã Nghi Ân	3,10		3,10	xã Nghi Ân	ONT	Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND thành phố Vinh v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu chia lô đất ở xóm Kim Hợp, xã Nghi Ân; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
122	Hạ tầng chia lô đất ở tại xóm 5, xã Nghi Liên (đăng ký lần đầu và bổ sung)	5,38		5,38	xã Nghi Liên	ONT	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 05/8/2021 của HĐND thành phố Vinh về Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án, phụ lục 02	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 05/8/2021 của HĐND thành phố Vinh về Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án, phụ lục 02	
123	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư (để đấu giá) tại khối 2, phường Bến Thủy (bổ sung diện tích thuộc phường Hưng Dũng)	0,03		0,03	phường Hưng Dũng	ODT	Quyết định số 2926/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh Nghệ An về việc khảo sát lựa chọn địa điểm; CV số 210/HĐND-VP ngày 13/7/2020 của HĐND TP Vinh v/v chủ trương đầu tư XDCT	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
124	Hạ tầng chia lô đất ở khối 12	0,01		0,01	phường Lê Lợi	ODT	Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 11/5/2015 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Chia lô đất ở dân cư xen đầm tại khối 12	Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 11/5/2015 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Chia lô đất ở dân cư xen đầm tại khối 12	
125	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khối 10	2,67		2,67	phường Bến Thủy	ODT	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh; Quyết định số 2554/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của UBND Thành phố về phê duyệt QH chi tiết	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
126	Cải tạo khu A - Chung cư Quang Trung	1,85	0,30	1,55	phường Quang Trung	ODT	Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 04/02/2013 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt điều chỉnh QH	Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 04/02/2013 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt điều chỉnh QH	
127	Hạ tầng chia lô đất ở khối 1 (lô vôi cũ) (bổ sung diện tích)	0,18		0,18	phường Vinh Tân	ODT	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh; Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 03/1/2020 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
128	Khu đô thị ven sông Vinh	6,95		6,95	phường Vinh Tân	ODT	Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 về quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về Quyết định chấp thuận nhà đầu tư	Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về Quyết định chấp thuận nhà đầu tư	
		1,51		1,51	phường Vinh Tân	DGD			
		0,05		0,05	phường Vinh Tân	DVH			
		2,02		2,02	phường Vinh Tân	DKV			
		2,10		2,10	phường Vinh Tân	DTT			
		2,29		2,29	phường Vinh Tân	MNC			
		6,67		6,67	phường Vinh Tân	DGT			
129	Hạ tầng khu tái định cư đường Lê Mao kéo dài (giai đoạn 2)	6,95	2,73	4,22	phường Vinh Tân	ONT	Quyết định số 8542/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND Thành phố phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND TP về quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hạ tầng khu tái định cư đường Lê Mao kéo dài (giai đoạn 2) (bổ sung diện tích)	1,60		1,60	phường Đông Vinh	ODT	Quyết định Chủ trương đầu tư, Quyết định Chủ trương đầu tư các dự án (Phụ lục 5); Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
130	Hạ tầng khu quy hoạch đất ở dân cư tại khối 19, phường Đông Vinh, thành phố Vinh	0,99		0,99	phường Đông Vinh	ODT	Quyết định số 6347/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng khu quy hoạch đất ở dân cư tại khối 19, phường Đông Vinh, thành phố Vinh; Quyết định số 6066/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 chia lô đất ở dân cư (đề đầu giá) tại khối Vinh Thịnh và khối 19 phường Đông Vinh, thành phố Vinh.	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
131	Dự án cải tạo khu C, khu chung cư Quang Trung	6,52		6,52	phường Quang Trung	ODT	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 8050526078 chứng nhận lần đầu 30/9/2011, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất 31/5/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ hai 22/06/2022 của UBND tỉnh Nghệ An (Sơ Kế hoạch và Đầu tư); Quyết định số 2537/QĐ-UBND-XD của UBND tỉnh Nghệ An ngày 03/6/2016 V/v Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 8050526078 chứng nhận lần đầu 30/9/2011, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất 31/5/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ hai 22/06/2022 của UBND tỉnh Nghệ An (Sơ Kế hoạch và Đầu tư)	
132	Khu nhà ở tổng hợp Vinhland tại xã Nghi Kim phần còn lại	0,76	0,69	0,07	xã Nghi Kim	ODT	Quyết định số 356/QĐ-UBND-DTXD ngày 22/1/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 3884373522, chứng nhận lần đầu ngày 18/9/2011, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 11/5/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 05/7/2022 của UBND tỉnh Nghệ An (Sơ Kế hoạch và Đầu tư)	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 3884373522, chứng nhận lần đầu ngày 18/9/2011, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 11/5/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 05/7/2022 của UBND tỉnh Nghệ An (Sơ Kế hoạch và Đầu tư)	
133	Khu tập thể - Công nghệ phẩm khối 2	0,43		0,43	phường Cửa Nam	ODT	Quyết định số 11/QĐ-UBND của UBND thành phố Vinh ngày 06/1/2015 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 chia lô đất ở dân cư Khu tập thể Công nghệ phẩm tại khối 1, phường Cửa Nam	Quyết định số 11/QĐ-UBND của UBND thành phố Vinh ngày 06/1/2015 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 chia lô đất ở dân cư Khu tập thể Công nghệ phẩm tại khối 1, phường Cửa Nam	
134	Khu tập thể - Công trường 3 khối 2	0,28		0,28	phường Cửa Nam	ODT	Quyết định số 11881/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND thành phố Vinh về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 chia lô đất ở dân cư khu tập thể Công trường 3 khối 2, phường Cửa Nam (lần 2)	Quyết định số 11881/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND thành phố Vinh về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 chia lô đất ở dân cư khu tập thể Công trường 3 khối 2, phường Cửa Nam (lần 2)	
135	Dự án cải tạo xây dựng chung cư D2	0,27		0,27	phường Quang Trung	ODT	Quyết định số 4530/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 về việc chấp thuận đề cương nhiệm vụ, dự toán thực hiện dịch vụ tư vấn kiểm định chất lượng đảm bảo an toàn nhà D2	Quyết định số 4530/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 về việc chấp thuận đề cương nhiệm vụ, dự toán thực hiện dịch vụ tư vấn kiểm định chất lượng đảm bảo an toàn nhà D2	
136	Khu đô thị và triển lãm sông Lam	7,11		7,11	phường Hưng Dũng, phường Bến Thủy	ODT	Văn bản số 5514/UBND.ĐT ngày 25/8/2009 của UBND tỉnh Nghệ An về việc đầu tư dự án Khu đô thị và triển lãm Sông Lam; Công văn số 2227-CV/TU ngày 14/8/2009 của Tỉnh ủy Nghệ An về việc chủ trương đầu tư dự án	Văn bản số 8977/UBND-CN ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thực hiện dự án Khu đô thị và triển lãm sông Lam tại phường Hưng Dũng và phường Bến Thủy, thành phố Vinh	
		3,07		3,07	phường Hưng Dũng, phường Bến Thủy	TMD			
		5,89	0,17	5,72	phường Hưng Dũng, phường Bến Thủy	DGT			
		0,25		0,25	phường Hưng Dũng	DGD			
		0,16		0,16	phường Hưng Dũng	DSH			
137	Khu đô thị tại xã Nghi Phú và xã Hưng Lộc	6,05		6,05	xã Nghi Phú, xã Hưng Lộc	ODT	Thông báo số 61-TB/TU ngày 02/12/2020 của tỉnh ủy tỉnh Nghệ An về việc chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết; Quyết định số 01/CTĐT-UBND ngày 01/3/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 122/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận nhà đầu tư	
		0,20		0,20	xã Nghi Phú	DGD			
		3,92		3,92	xã Nghi Phú	DGT			
		0,05		0,05	xã Nghi Phú	DTL			
		0,08		0,08	xã Nghi Phú	DSH			
		0,26		0,26	xã Nghi Phú	DKV			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
138	Khu đô thị tại xã Hưng Lộc	8,70		8,70	xã Hưng Lộc	ODT	Quyết định số 5676/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng; Quyết định số 91/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư cấp lần đầu ngày 08 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An	Quyết định số 91/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư cấp lần đầu ngày 08 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An	
		8,31		8,31	xã Hưng Lộc	DGT			
		0,91		0,91	xã Hưng Lộc	DTL			
		3,03		3,03	xã Hưng Lộc	DKV			
		2,79		2,79	xã Hưng Lộc	MNC			
		0,20		0,20	xã Hưng Lộc	DSH			
		0,32		0,32	xã Hưng Lộc	DGD			
		0,64		0,64	xã Hưng Lộc	TMD			
139	Xây dựng Bệnh Viện Ung Bướu Nghệ An	12,40	8,84	3,56	xã Nghi Liên	DYT	Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của UBND Tỉnh về điều chỉnh QH chi tiết; Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về Kế hoạch đầu tư công 2023	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về Kế hoạch đầu tư công 2023	
140	Xây dựng Bệnh viện Mắt Nghệ An (phần còn lại)	0,12		0,12	xã Nghi Phú	DYT	Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh Nghệ An việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Quyết định 5071/QĐ-UBND ngày 24/2/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao kế hoạch đầu tư công bằng vốn ngân sách địa phương năm 2022; Quyết định số 5069/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.	
141	Mở rộng khuôn viên nhà thờ Giáo xứ Yên Đại	0,26		0,26	xã Nghi Phú	TON	Văn bản số 6070/UBND-CN ngày 31/8/2012 của UBND tỉnh về việc mở rộng khuôn viên nhà thờ giáo xứ Yên Đại	Văn bản số 6070/UBND-CN ngày 31/8/2012 của UBND tỉnh về việc mở rộng khuôn viên nhà thờ giáo xứ Yên Đại	
142	Xây dựng Khu Thương Mại và dịch vụ tổng hợp Vinh Thịnh Vượng	1,07		1,07	phường Vinh Tân	TMD	Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
143	Xây dựng Khu Thương Mại và dịch vụ tổng hợp Thiên Phú	1,70		1,70	phường Vinh Tân	TMD	Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 21/2/2020 của UBND tỉnh nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 21/2/2020 của UBND tỉnh nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
144	Tổ hợp kinh doanh và văn phòng cho thuê tại xã Hưng Đông	0,51		0,51	xã Hưng Đông	TMD	Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	
145	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp và kết hợp nhà hàng tại xã Nghi Phú	0,22		0,22	xã Nghi Phú	TMD	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 61/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 61/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An	
146	Trung tâm thương mại và dịch vụ khách sạn nhà hàng	0,47		0,47	phường Vinh Tân	TMD	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 phê duyệt QH chi tiết	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
147	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu và dịch vụ thương mại Xuân Hoa tại xã Nghi Đức	0,31		0,31	xã Nghi Đức	TMD	Quyết định số chấp thuận CTĐT số 99/QĐ-UBND ngày 13/9/202	Quyết định số chấp thuận CTĐT số 99/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh Nghệ An	
148	Xây dựng Trụ sở làm việc, sản xuất cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm	1,75		1,75	xã Hưng Đông	SKC	Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư	
149	Trung tâm Vật liệu Công nghệ mới	1,00		1,00	phường Vinh Tân	SKC	Quyết định số 3958/QĐ-UBND-CNTM ngày 06/9/2013 của UBND tỉnh nghệ An về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết.	Đã có thông báo số 408/TB-UBND ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh nghệ An đồng ý cho chủ đầu tư tiếp tục triển khai dự án	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
150	Xây dựng trung tâm SX giống cây trồng và sản phẩm nông lâm nghiệp chất lượng	3,70	1,81	1,89	xã Hưng Đông	NKH	Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 10/04/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết	Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 23/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 29/11/2017, Điều chỉnh lần thứ 1 ngày 18/6/2021, Điều chỉnh lần thứ 2 ngày 15/2/2023	
151	Xây dựng khu dân cư Golden City 10 (phần còn lại)	0,14		0,14	phường Quán Bàu	ODT	Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 05/05/2021 của UBND tỉnh Nghệ An v/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Golden City 10 tại phường Quán Bàu;	Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
152	Giao, cho thuê các thửa đất nhỏ hẹp	0,08		0,08	phường Đông Vinh	ODT	Quyết định số 5642/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt kết quả rà soát các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề; Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt kết quả rà soát các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề trên địa bàn thành phố Vinh; Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND thành phố Vinh về việc bổ sung nội dung Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND thành phố Vinh; Quyết định số 5909/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt bổ sung kết quả rà soát thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề.	Quyết định số 5642/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt kết quả rà soát các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề; Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt kết quả rà soát các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề trên địa bàn thành phố Vinh; Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND thành phố Vinh về việc bổ sung nội dung Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND thành phố Vinh; Quyết định số 5909/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt bổ sung kết quả rà soát thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề.	
		0,14		0,14	phường Cửa Nam	ODT			
		0,09		0,09	xã Nghi Liên	ONT			
		0,30		0,30	phường Quán Bàu	ODT			
		0,09		0,09	phường Lê Lợi	ODT			
		0,16		0,16	xã Nghi Ân	ONT			
		0,13		0,13	phường Hưng Dũng	ODT			
		0,03		0,03	xã Hưng Hòa	ONT			
		0,02		0,02	phường Quang Trung	ODT			
		0,02		0,02	xã Hưng Chính	ONT			
		0,10		0,10	phường Hồng Sơn	ODT			
		0,47		0,47	xã Nghi Phú	ONT			
		0,12		0,12	xã Hưng Đông	ONT			
		0,08		0,08	xã Nghi Đức	ONT			
		0,17		0,17	xã Hưng Lộc	ONT			
		0,11		0,11	phường Hà Huy Tập	ODT			
		0,26		0,26	phường Hưng Bình	ODT			
		0,15		0,15	phường Trung Đô	ODT			
		0,04		0,04	phường Bến Thủy	ODT			
		0,01		0,01	phường Vinh Tân	ODT			
0,06		0,06	xã Nghi Kim	ONT					
0,05		0,05	phường Trường Thi	ODT					
0,04		0,04	phường Đội Cung	ODT					
153	Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An (giai đoạn 5A)	9,99	9,99		xã Hưng Chính	ODT+TMD+DHT			
154	Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An (giai đoạn 4)	21,78	21,78		xã Hưng Chính	ODT+TMD+DHT			
155	Hạ tầng chia lô đất ở TDC để giải quyết khu tập thể (khu vực trước nhà thờ họ Đình, khối 1)	0,10	0,10		phường Bến Thủy	ODT			
156	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại khối 5, phường Bến Thủy	6,43	6,43		phường Bến Thủy	ODT			
157	Trường mầm non công lập phường Hưng Phúc	0,45	0,45		phường Hưng Phúc	DGD			
158	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khu tập thể Nhà máy Sợi Vinh tại khối 14, phường Bến Thủy	0,03	0,03		phường Bến Thủy	ODT			
159	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khu tập thể Nhà máy Sợi Vinh tại khối 10, phường Bến Thủy	0,31	0,31		phường Bến Thủy	ODT			
160	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khu tập thể Nhà máy Sợi Vinh tại khối 12 (kho Tôn), phường Bến Thủy	0,10	0,10		phường Bến Thủy	ODT			
161	Nhà Văn hóa khối 7	0,08	0,08		phường Bến Thủy	DSH			
162	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khu tập thể Nhà máy Sợi Vinh tại khối 7 và 9, phường Bến Thủy	2,98	2,98		phường Bến Thủy	ODT			
163	Lô đất số 15 và lô đất số 33 thuộc dự án quy hoạch Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khối 8, phường Bến Thủy	0,02	0,02		phường Bến Thủy	ODT			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
164	Hạ tầng chia lô đất ở khối 13, phường Cửa Nam	0,14	0,14		phường Cửa Nam	ODT			
165	Hạ tầng chia lô đất ở khối 15, phường Cửa Nam	0,08	0,08		phường Cửa Nam	ODT			
166	Nhà văn hóa khối 2	0,03	0,03		phường Đội Cung	DSH			
167	Nhà văn hóa khối 3	0,04	0,04		phường Đội Cung	DSH			
168	Khu quy hoạch tái định cư trường Đại học Vinh tại phường Hà Huy Tập (để giao đất thực hiện dự án: xây dựng đường quy hoạch 16m nối từ khối 8 đến khối 9, phường Trường Thi, thành phố Vinh)	0,11	0,11		phường Hà Huy Tập	ODT			
169	Hạ tầng chia lô đất ở khu tập thể Thanh Nghệ Tĩnh	0,07	0,07		phường Hồng Sơn	ODT			
170	Nhà văn hóa xóm 13B	0,07	0,07		xã Nghi Kim	DSH			
171	Hạ tầng chia lô đất ở khu tập thể Hữu Nghị	0,25	0,25		phường Hồng Sơn	ODT			
172	Khu đô thị sinh thái Long Châu tại phường Vinh Tân và Hồng Sơn, thành phố Vinh	0,15	0,15		phường Hồng Sơn, phường Vinh Tân	TMD+DVH+DTT			
173	Hạ tầng chia lô đất ở khối Xuân Tiến	0,48	0,48		phường Hưng Dũng	ODT			
174	Mở rộng Nhà văn hóa thiếu nhi Việt Đức	0,19	0,19		phường Quang Trung	DSH			
175	Khu đô thị và dịch vụ thương mại Đại Thành tại khối 3 (phần tái định cư)	0,20	0,20		phường Trung Đô	ODT			
176	Hạ tầng chia lô (khu đất thu hồi của Cơ sở Bảo trợ xã hội Nhân Tâm)	0,48	0,48		phường Vinh Tân	ODT			
177	Quy đất dành giao tái định cư dự án Khu Đô thị Vinh Tân (nằm trong khu đất thực hiện dự án) - 91 lô	1,17	1,17		phường Vinh Tân	ODT			
178	Hạ tầng chia lô đất ở xen dầm khối 14 Phường Quang Trung (chùa Diệc)	0,01	0,01		phường Quang Trung	ODT			
179	Xây dựng khu nhà ở bộ đội biên phòng tỉnh thuộc khối 13 phường Bến Thủy	0,66	0,66		phường Bến Thủy	ODT			
180	Xây dựng Khu tái định cư phục vụ GPMB đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài tại xã Hưng Hòa	6,58	6,58		xã Hưng Hòa	ONT			
181	Xây dựng khu tái định cư tại chỗ phục vụ GPMB khu vực nút giao Quán Bàu (bổ sung diện tích)	0,20	0,20		phường Quán Bàu	ODT			
182	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại Khối 6, phường Quán Bàu (2 vị trí)	1,73	1,73		phường Quán Bàu	ODT			
183	Xây dựng khu đô thị và dịch vụ thương mại tại phường Vinh Tân	35,99	35,99		phường Vinh Tân	ODT			
184	Mở rộng Khu đô thị sinh thái Vinh Tân, thành phố Vinh (hạng mục xây dựng nhà cao tầng)	0,91	0,91		phường Vinh Tân	ODT			
185	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở tại khối 1 (diện tích còn lại)	0,20	0,20		phường Vinh Tân	ODT			
186	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khối 1, phường Vinh Tân (lô D11 và D13)	0,04	0,04		phường Vinh Tân	ODT			
187	Hạ tầng chia lô xen dầm các xóm Phong Hào (vị trí 9,10)	0,08	0,08		xã Hưng Hòa	ODT			
188	Hạ tầng chia lô xen dầm các xóm Phong Thuận 1	0,02	0,02		xã Hưng Hòa	ODT			
189	Khu đô thị và dịch vụ thương mại Đại Thành tại khối 3, phường Trung Đô, TP. Vinh (Giao đất dự án đường dân sinh giữa hai dự án của Công ty TNHH 1 thành viên đóng tàu Hải Châu và Công ty Cổ phần Sài Gòn Trung Đô)	0,11	0,11		phường Trung Đô	ODT			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
190	Mở rộng Trường tiểu học Trường Thi	0,04	0,04		phường Trường Thi	DGD			
191	Xây dựng Nhà văn hóa khối 13	0,07	0,07		phường Trường Thi	DSH			
192	Hạ tầng chia lô đất ở khu tập thể Vinaconex 16 tại khối 17, phường Trường Thi	0,27	0,27		phường Trường Thi	ODT			
193	Xây dựng khu dân cư Golden city 5 (phần còn lại)	0,08	0,08						
194	Xây dựng khu đất thương mại, dịch vụ thuộc dự án Chia lô đất ở khối 9 phường Quán Bàu	0,17	0,17		phường Quán Bàu	TMD			
195	Văn phòng, xưởng sản xuất, đất ở chia lô tại phường Vinh Tân	0,30	0,30		phường Vinh Tân	TMD			
196	Dự án đầu tư quyền sử dụng đất thương mại, dịch vụ tại xã Hưng Lộc	0,20	0,20		xã Hưng Lộc	TMD			
197	Hạ tầng chia lô đất ở phía Đông đường 36m qua xã Hưng Đông	8,10	8,10		xã Nghi Kim	ONT			
198	Hạ tầng chia lô đất ở xóm 11 (Vị trí 1 - Phía Đông), xã Nghi Kim	3,30	3,30		xã Nghi Kim	ONT			
199	Hạ tầng chia lô đất ở xóm 5, xã Hưng Chính, thành phố Vinh (giao đất cho bà Phạm Thị Hương)	0,02	0,02		xã Hưng Chính	ONT			
200	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Phong Phú, xã Hưng Hòa	0,20	0,20		xã Hưng Hòa	ONT			
201	Hạ tầng chia lô xen dăm các xóm Khánh Hậu (vị trí 12)	0,03	0,03		xã Hưng Hòa	ONT			
202	Hạ tầng chia lô đất ở khu dân cư xóm 6 (vị trí 1,2)	1,37	1,37		xã Nghi Kim	ONT			
203	Hạ tầng chia lô đất ở phía Đông đường 36m qua xã Hưng Đông (phần còn lại)	8,90	8,90		xã Nghi Kim	ONT			
204	Quy đất dành giao tái định cư dự án Đại Thành tại xã Nghi Kim(15 lô trung khu quy hoạch dự án)	0,23	0,23		xã Nghi Kim	ONT			
205	Khu Tái định cư đường 72 m tại xã Nghi Phú	0,71	0,71		xã Nghi Phú	ONT			
206	Dự án đầu tư quyền sử dụng đất cụm công nghiệp tại xã Hưng Lộc	0,86	0,86		xã Hưng Lộc	SKN			
207	Hạ tầng chia lô đất ở xóm 8 xã Hưng Chính	9,40	9,40		xã Hưng Chính	ONT			
208	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Trung Mỹ, Mỹ Long, Mỹ Hòa, xã Hưng Đông	1,14	1,14		xã Hưng Đông	ONT			
209	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Trung Thành, Trung Mỹ, xã Hưng Đông (nay tên dự án là Khu Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành xã Hưng Đông)	2,05	2,05		xã Hưng Đông	ONT			
210	Hạ tầng khu công viên cây xanh và Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Mậu Đon, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh	2,01	2,01		xã Hưng Lộc	ODT			
211	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành (gần nương Bàu Đông)	1,26	1,26		xã Hưng Đông	ONT			
212	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thành, xã Hưng Đông	2,99	2,99		xã Hưng Đông	ONT			
213	Khu công nghiệp nhỏ tại xã Hưng Đông (đợt 2)	19,02	19,02		xã Hưng Đông	SKN			
214	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Ngũ Lộc, xã Hưng Lộc	3,33	3,33		xã Hưng Lộc	ONT			
215	Hạ tầng chia lô đất ở xóm Kim Trung (VT3)	3,10	3,10		xã Nghi Ân	ONT			
216	Hạ tầng chia lô đất ở đầu giá xóm Xuân Hoa (vị trí 1)	1,07	1,07		xã Nghi Đức	ONT			
217	Khu nhà ở tổng hợp Vinhland tại xã Nghi Kim	0,76	0,76		xã Nghi Kim	ODT+DKV			

TỔNG HỢP
Các công trình, dự án dự kiến đề xuất mới năm 2023 trên địa bàn thành phố Vinh

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Xây dựng hệ thống kênh dẫn nối giữa hồ Hưng Hòa 2 với hồ Hưng Hòa 1 (hợp phần 2) dự án WB (Đăng ký kế hoạch đợt 1)	1,30		1,30	xã Hưng Hòa	DTL	Quyết định số 2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quyết định chủ trương đầu tư Dự án "Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An", vay vốn WB		
2	Đường Lý Nhật Quang, phường Bến Thủy	0,55		0,55	phường Bến Thủy	DGT	Quyết định số 8541/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường Lý Nhật Quang, phường Bến Thủy; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
3	Nâng cấp đường Cao Xuân Dục	0,05		0,05	phường Bến Thủy	DGT	Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND thành phố Vinh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp Đường Cao Xuân Dục; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
4	Mở rộng đường Kim Đồng, phường Hưng Phúc	0,05		0,05	phường Hưng Phúc	DGT	Quyết định số 8484/QĐ-UBND ngày 18/12/2021 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình Dự án mở rộng đường Kim Đồng; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
5	Cải tạo, nâng cấp đường Lê Lai, phường Lê Lợi	0,02		0,02	phường Lê Lợi	DGT	Quyết định số 6190/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND thành phố Vinh về quyết định chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
6	Nâng cấp đường Yên Dũng Thượng	0,005		0,005	phường Hưng Dũng	DGT	Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND thành phố Vinh về Bổ sung, điều chỉnh Chủ trương dự án: Nâng cấp đường Yên Dũng Thượng, phường Hưng Dũng; Quyết định số 3890/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp đường Yên Dũng Thượng, phường Hưng Dũng; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
7	Nâng cấp tuyến đường Nguyễn Trường Tộ (Đoạn từ công trường Đại học kinh tế Nghệ An đến giáp xã Nghi Kim)	0,54		0,54	xã Hưng Đông	DGT	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 26/10/2020 của HĐND thành phố Vinh về chủ trương đầu tư các dự án; Quyết định số 6954/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: nâng cấp tuyến đường Nguyễn Trường Tộ (Đoạn từ công trường Đại học kinh tế Nghệ An đến giáp xã Nghi Kim); Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
8	Xây dựng Đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài nối đường ven sông Lam (giai đoạn 1)	11,21	11,11	0,10	phường Hưng Dũng	DGT	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh; Quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
		0,71	0,71		xã Hưng Lộc	DGT			
		16,98	16,78	0,20	xã Hưng Hòa	DGT			
9	Mương thoát nước vùng nông nghiệp ven hồ điều hòa - Tuyến mương T2 (phía Tây hồ điều hòa)	0,16		0,16	xã Hưng Lộc	DTL	Công văn số 89/HĐND-VP ngày 19/7/2017 của Hội đồng Nhân dân thành phố Vinh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Mương thoát nước vùng nông nghiệp ven hồ điều hòa; Công văn số 203/HĐND-VP ngày 07/11/2018 của Hội đồng Nhân dân thành phố Vinh về việc điều chỉnh bổ sung chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Mương thoát nước vùng nông nghiệp ven hồ điều hòa; Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Mương thoát nước vùng nông nghiệp ven hồ	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
		0,69	0,59	0,10	xã Hưng Hòa			Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
10	Nhà văn hóa khối Tân Lâm	0,20		0,20	phường Hưng Dũng	DSH	Quyết định số 8436/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND thành phố Vinh về phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nhà văn hóa khối Tân Lâm , phường Hưng Dũng; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
11	Xây dựng nhà văn hóa xóm Nam Liên (xóm 18B cũ)	0,17		0,17	xã Nghi Liên	DSH	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
12	Trường THCS Nghi Ân cơ sở 2 (giai đoạn 2)	1,00		1,00	xã Nghi Ân	DGD	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh; ; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/6/2022 của HĐND thành phố Vinh về quyết định chủ trương đầu tư (Phụ lục 21	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
13	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Trung Mỹ, xã Hưng Đông (Bổ sung diện tích)	0,13		0,13	xã Hưng Đông	ONT	Quyết định số 8701/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND thành phố Vinh V/v phê duyệt bổ sung, điều chỉnh chủ trương đầu tư; Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của UBND thành phố Vinh V/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
14	Khu tái định cư xóm 6, xã Nghi Phú (phục vụ mở rộng nhà thờ giáo xứ Yên Đại)	0,32		0,32	xã Nghi Phú	ONT	Văn bản số 6070/UBND-CN ngày 31/8/2012 của UBND tỉnh về việc mở rộng khuôn viên nhà thờ giáo xứ Yên Đại;	Văn bản số 6070/UBND-CN ngày 31/8/2012 của UBND tỉnh về việc mở rộng khuôn viên nhà thờ giáo xứ Yên Đại	
15	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Mỹ Long, xã Hưng Đông (Bổ sung diện tích)	0,14		0,14	xã Hưng Đông	ONT	Quyết định số 8702/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND thành phố Vinh V/v phê duyệt bổ sung, điều chỉnh chủ trương đầu tư; Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của UBND thành phố Vinh V/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
16	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khối 9, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, Nghệ An	0,63		0,63	phường Quán Bàu	ODT	Quyết định số 7119/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư; Quyết định số 4636/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt hồ sơ điều chỉnh bổ sung hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khối 9, phường Quán Bàu, thành phố Vinh; QĐ 7551/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND TP. Vinh về việc phê duyệt hồ sơ bản vẽ thi công; Báo cáo số 183/BC-QLDA ngày 23/9/2022 của UBND thành phố Vinh (Ban QLDA ĐT XD TP Vinh) về việc quá trình thực hiện, cam kết tiến độ GPMD dự án: Khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khối 9 phường Quán Bàu, thành phố Vinh (9,20ha)	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh	
17	Hạ tầng quy hoạch chia lô đất ở khối Vinh Thịnh (vị trí 3), phường Đông Vinh	1,38		1,38	phường Đông Vinh	ODT	Quyết định số 3685/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng quy hoạch chia lô đất ở khối Vinh Thịnh (vị trí 3), phường Đông Vinh	Quyết định số 3685/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng quy hoạch chia lô đất ở khối Vinh Thịnh (vị trí 3), phường Đông Vinh	
18	Khu đô thị sinh thái Vinh Tân (Hạng mục đất ở liền kề, Tái định cư liên quan 42 hộ đất ở khối Tân Phương)	3,49		3,49	phường Vinh Tân, phường Trung Đô	ODT	Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số: 27121000007/DDC1 chung nhận lần đầu 30/10/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: 01/8/2013; Quyết định số 5033/QĐ-UBND-CN ngày 21/11/2011 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng dự án.	Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số: 27121000007/DDC1 chung nhận lần đầu 30/10/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: 01/8/2013	
19	Khu đô thị mới tại phường Đông Vinh và phường Cửa Nam, thành phố Vinh	37,85	27,63	10,22	phường Đông Vinh, phường Cửa Nam	ODT	Quyết định số 5457/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Xây Dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới tại phường Đông Vinh và phường Cửa Nam, thành Phố Vinh	Quyết định số 145/UBND-CN ngày 09 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở Khu đô thị mới tại phường Đông Vinh và phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
20	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư và tái định cư tại khối 9, phường Quán Bàu (4,30 ha), (bổ sung diện tích)	0,01		0,01	phường Quán Bàu	ODT	Quyết định số 7551/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bán vẽ thi công và dự toán điều chỉnh, bổ sung công trình: Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư khối 9, phường Quán Bàu, thành phố Vinh (4,3 ha); Quyết định số 4565/QĐ-UBND của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 chia lô đất ở dân cư và tái định cư tại khối 9, phường Quán Bàu, thành phố Vinh.	Nghi quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách thành phố Vinh;	
21	Nhà hàng sinh Thái Phố Mới	0,09		0,09	Phường Vinh Tân	TMD	Quyết định số 84/QĐ/-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Quyết định số 84/QĐ/-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	
22	Cơ sở mua bán thiết bị máy công trình	0,15		0,15	xã Nghi Phú	TMD	Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 33/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An (Cấp lần đầu: 22/3/2021; điều chỉnh lần thứ nhất 24/2/2023)	Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 33/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An (Cấp lần đầu: 22/3/2021; điều chỉnh lần thứ nhất 24/2/2023)	
23	Trung tâm sửa chữa, bảo trì máy thi công công trình, ô tô và kho bãi tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh	0,95		0,95	Xã Nghi Phú	TMD	Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	
24	Giao, cho thuê thửa đất nhỏ hẹp	0,05		0,05	xã Hưng Lộc	TMD	Văn bản số 6572/UBND-CN ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc xem xét ý kiến doanh nghiệp; Văn bản số 5483/STNMT-QLĐĐ ngày 9/9/2022 v/v đề xuất điều chỉnh diện tích khu đất tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh; Quyết định số 5642/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt kết quả rà soát các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề	Văn bản số 6572/UBND-CN ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc xem xét ý kiến doanh nghiệp; Văn bản số 5483/STNMT-QLĐĐ ngày 9/9/2022 v/v đề xuất điều chỉnh diện tích khu đất tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh; Quyết định số 5642/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt kết quả rà soát các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề	
25	Chuyển mục đích đất(vườn, ao, nông nghiệp cùng thửa đất ở) sang đất ở	0,48		0,48	phường Hà Huy Tập	ODT			
		0,90		0,90	phường Hưng Dũng	ODT			
		0,06		0,06	phường Bến Thủy	ODT			
		0,01		0,01	phường Quán Bàu	ODT			
		0,06		0,06	phường Vinh Tân	ODT			
		0,05		0,05	phường Trung Đô	ODT			
		0,12		0,12	phường Đông Vinh	ODT			
		0,28		0,28	phường Lê Lợi	ODT			
		0,05		0,05	phường Đội Cung	ODT			
		0,24		0,24	phường Cửa Nam	ODT			
		0,01		0,01	phường Hưng Phúc	ODT			
		0,06		0,06	xã Hưng Chính	ONT			
		2,10		2,10	xã Hưng Hòa	ONT			
		0,35		0,35	xã Nghi Kim	ONT			
		0,09		0,09	xã Nghi Liên	ONT			
		2,36		2,36	xã Nghi An	ONT			
		0,45		0,45	xã Hưng Đông	ONT			
		0,52		0,52	xã Nghi Phú	ONT			
		3,54		3,54	xã Hưng Lộc	ONT			
		2,65		2,65	xã Nghi Đức	ONT			

Theo nhu cầu đăng ký của hộ gia đình cá nhân

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
26	Giao đất ở tại phường Hà Huy Tập (1 lô đường Hải Thượng Lãn Ông, 2 lô ở Giảng Xưa)	0,05	0,05		phường Hà Huy Tập	ODT			
27	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô xóm 7 xã Nghi Phú (lô số 2, lô số 3)	0,02	0,02		phường Nghi Phú	ONT			
28	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô xóm Phong Phú, xã Hưng Hòa	0,14	0,14		xã Hưng Hòa	ONT			
29	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư để di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai xã Hưng Hòa, thành phố Vinh	0,64	0,64		xã Hưng Hòa	ONT			
30	San nền, mở rộng khuôn viên trường THCS Hưng Dũng và Tiểu học Hưng Dũng 1	0,54	0,54		phường Hưng Dũng	DGD			
31	Lô số 37 (thửa 207) khu QH đất ở khối Văn Trung	0,02	0,02		phường Hưng Dũng	ODT			
32	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô khối 6, phường Quán Bàu	0,40	0,40		phường Quán Bàu	ODT			
33	Hạ tầng khu quy hoạch xóm Ngũ Lộc	0,05	0,05		xã Hưng Lộc	ONT			
34	Các lô số: A13, A24, A43 khu quy hoạch đất ở dân cư khối 6	0,04	0,04		phường Quán Bàu	ODT			
35	Công viên, bãi đỗ xe, nhà văn hóa và chia lô đất ở tái định cư tại khối Vinh Phúc	2,51	2,51		phường Hưng Phúc	ODT+DKV+DHT			
36	Hạ tầng chia lô đất ở khối 9 phường Lê Lợi	0,01	0,01		phường Lê Lợi	ODT			
37	Khu tái định cư dự án đường quy hoạch 18m từ đường Lê Lợi đến đường Hoàng Xuân Hãn, phường Lê Lợi (tại Khu đô thị nam Lê Lợi tại phường Lê Lợi)	0,0348	0,0348		phường Lê Lợi	ODT			
38	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư khối Văn Trung	0,9340	0,9340		phường Hưng Dũng	ODT			
39	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại phường Hưng Dũng	0,4857	0,4857		phường Hưng Dũng	ODT			
40	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư và tái định cư tại khối 9, phường Quán Bàu (4,30 ha)	0,2000	0,2000		phường Quán Bàu	ODT			
41	Hạ tầng quy hoạch khối Vinh Quang	0,14	0,14		phường Đông Vinh	ODT			
42	Mở rộng Lũr đoàn Thông tin 80 - Quận khu 4	2,24	2,24		xã Nghi Phú	CQP			
43	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khối 9, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, Nghệ An (40 lô)	0,5638	0,5638		phường Quán Bàu	ODT			
44	Khu quy hoạch tái định cư đường Lê Ninh	0,49	0,49		phường Quán Bàu	ODT			
45	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở khối 9, phường Quán Bàu (4,3ha)	0,34	0,34		phường Quán Bàu	ODT			
46	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở khối 9, phường Quán Bàu (9ha)	1,79	1,79		phường Quán Bàu	ODT			
47	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khối 9 (2,87ha)	0,29	0,29		phường Quán Bàu	ODT			
48	Khu quy hoạch Hạ tầng chia lô đất ở dân cư khối 6, phường Quán Bàu	0,30	0,30		phường Quán Bàu	ODT			
49	Khu tái định cư tại phường Quán Bàu (WB)	0,30	0,30		phường Quán Bàu	ODT			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
50	Hạ tầng khu quy chia lô khối 3, phường Trường Thi	0,05	0,05		phường Trường Thi	ODT			
51	Khu đô thị và nhà ở xã hội	0,60	0,60		xã Hưng Hòa	ODT			
52	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô khối Đông Thọ, phường Hưng Dũng	0,20	0,20		phường Hưng Dũng	ODT			
53	Thu hồi đất tại phường Vinh Tân	0,48	0,48		phường Vinh Tân	ODT			
54	Khu thương mại và dịch vụ tổng hợp Khang Bình	0,10	0,10		phường Hà Huy Tập	TMD			
55	Mở rộng Trung sở làm việc phòng giao dịch Ngân hàng nông nghiệp và PTNT thành phố Vinh tại xã Hưng Lộc	0,06	0,06		xã Hưng Lộc	TMD			
56	Thu hồi đất tại phường Trường Thi	0,1218	0,1218		phường Trường Thi	TMD			
57	Xây dựng đường Nguyễn Biểu nối từ đường Đinh Công Tráng - đường Ngự Hải	0,01	0,01		phường Lê Mao	DGT			
58	Khu quy hoạch hai bên đường 24m, xã Hưng Lộc	1,39	1,39		xã Hưng Lộc	ONT			
59	Hạ tầng chia lô đất ở lại xóm 2, 3 xã Hưng Chính (giao đất cho ông Bùi Quốc Việt -Khu tập thể may Việt Đức)	0,02	0,02		xã Hưng Chính	ONT			
60	Hạ tầng khu quy hoạch khối 13 (lô số 7) phường Hà Huy Tập	0,02	0,02		phường Hà Huy Tập	ODT			
61	Hạ tầng khu quy hoạch xóm 2, xóm 3 xã Hưng Chính	0,20	0,20		xã Hưng Chính	ONT			
62	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô xóm Mai Lộc	0,30	0,30		xã Hưng Đông	ONT			
63	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô xóm Yên Bình	0,20	0,20		xã Hưng Đông	ONT			
64	Khu tái định cư tại chỗ phục vụ GPMB nút giao thông Quán Bàu tại phường Quán Bàu, TP Vinh	0,05	0,05		phường Quán Bàu	ONT			
65	77 lô đất thuộc Khu tái định cư phục vụ GPMB đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài tại xã Hưng Hòa, thành phố Vinh	1,12	1,12		xã Hưng Hòa	ONT			
66	Lập phương án bồi thường đất cho ông Nguyễn Thanh Tâm, trú tại xóm 15 xã Nghi Kim	0,0138	0,0138		xã Nghi Kim	ONT			
67	Thu hồi đất của Công ty Cổ phần Thạch Sơn Thảo tại Cụm công nghiệp Hưng Lộc	0,86	0,86		xã Hưng Lộc	SKN			
68	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư xóm Trung Thành, xã Hưng Đông, TP Vinh	0,14	0,14		xã Hưng Đông	ONT			
69	Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An (giai đoạn 1B và 2B)	0,40	0,40		xã Hưng Chính	ODT			
70	Hạ tầng chia lô đất ở khối 15, phường Cửa Nam	0,14	0,14		phường Cửa Nam	ODT			
71	Hạ tầng chia lô đất ở khối 13, phường Cửa Nam	0,08	0,08		phường Cửa Nam	ODT			

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Loại đất	Căn cứ pháp lý	Văn bản ghi vắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
72	Lô số 22 (thửa 231); lô số 24 (thửa 233) thuộc Khu chung cư Phong Đình Cảng	0,0162	0,0162		phường Hưng Dũng	ODT			
73	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Mỹ Long, xã Hưng Đông (phần cũ và bổ sung diện tích)	1,20	1,20		xã Hưng Đông	ONT			
74	Hạ tầng chia lô đất ở dân cư xóm Trung Mỹ, xã Hưng Đông (phần cũ và bổ sung diện tích)	0,95	0,95		xã Hưng Đông	ONT			
75	Hạ tầng quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Mỹ Hậu, xã Hưng Đông, TP Vinh	0,42	0,42		xã Hưng Đông	ONT			
76	22 lô đất thuộc Khu quy hoạch hạ tầng chia lô đất ở dân cư tại xóm Mỹ Hậu	3,75	3,75		xã Hưng Đông	ONT			
77	Các lô số: LK 06, LK 07, LK 08 Khu quy hoạch đất ở dân cư Nhà văn hóa xóm Ngũ Lộc	0,04	0,04		xã Hưng Lộc	ONT			
78	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô xóm Xuân Đông, xã Nghi Đức	0,90	0,90		xã Nghi Đức	ONT			
79	Các lô số: 24, 27 khu quy hoạch tập thể dạy nghề xóm 8	0,03	0,03		xã Nghi Phú	ONT			
80	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô khối 2, phường Bến Thủy	2,55	2,55		xã Nghi Phú	ONT			
81	Lô số 06 (N 1 7) khu tái định cư xóm 5, xã Nghi Phú (dự án WB)	0,02	0,22		xã Nghi Phú	ONT			